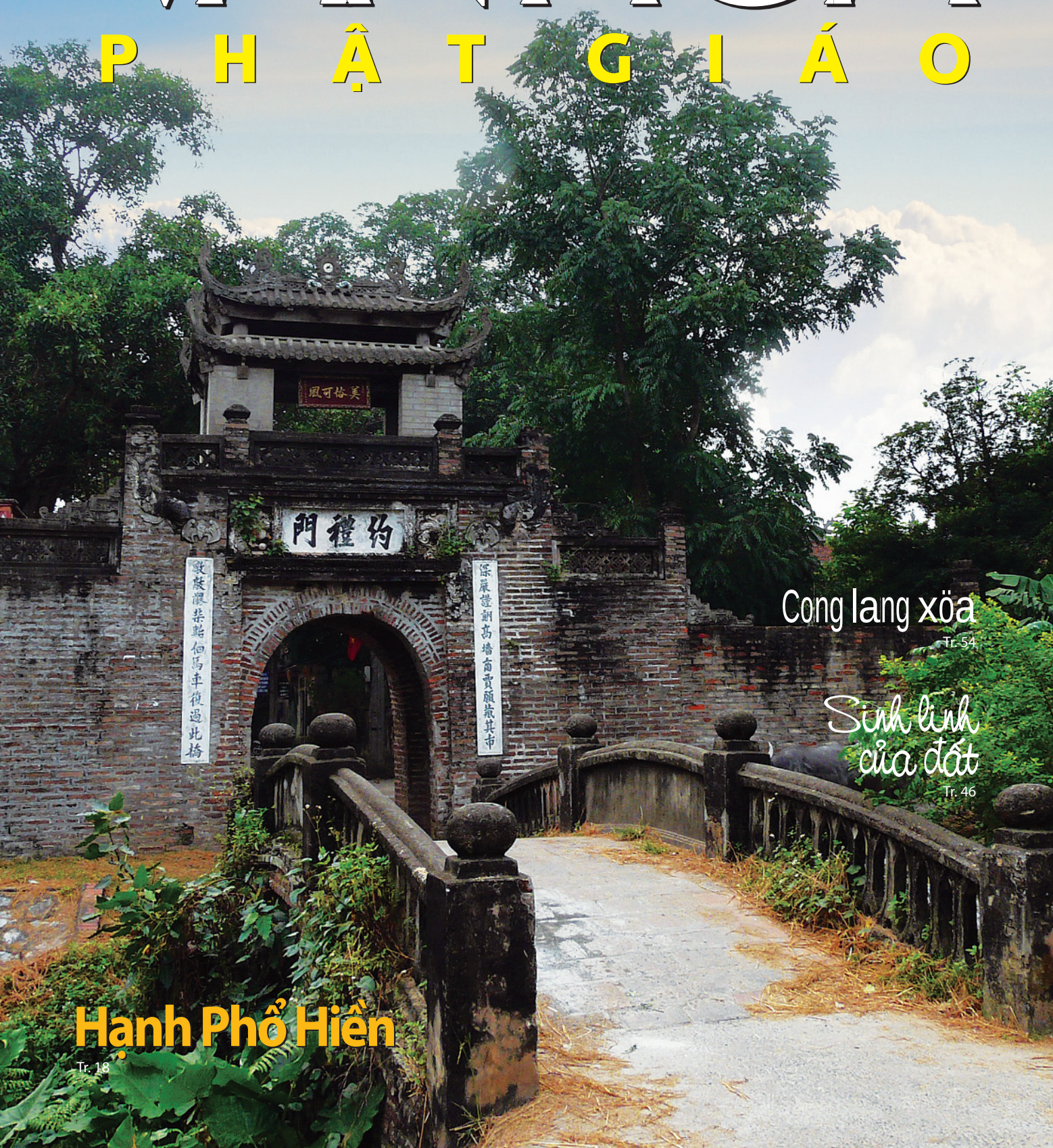


Số 235

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Cong lang xòa

Tr. 54

Sinh linh
của đất

Tr. 46

Hạnh Phổ Hiền

Tr. 18



TÔN HOA SEN

Sản phẩm Việt Nam, Chất lượng toàn cầu

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ĐỂ MUA ĐÚNG SẢN PHẨM TÔN HOA SEN

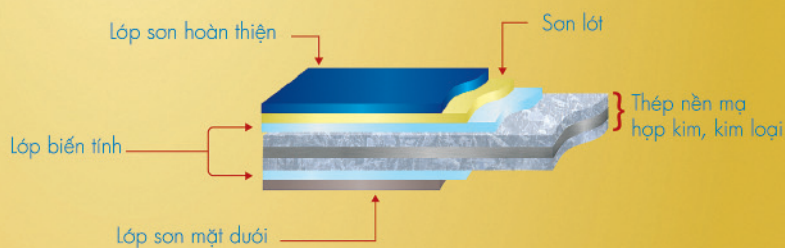
Quan sát dòng in trên mặt dưới sản phẩm được thể hiện rất rõ ràng và cụ thể các thông tin về sản phẩm và thông số về tiêu chuẩn chất lượng như sau:

68M - TON HOA SEN - THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA - TON LẠNH MÀU - 15/5 μ m - 0.40mmTCT (± 0.03) - ISO 9001:2008 - ISO 14001:2004 - TML 14111869 - 13/11/14 14:27

- Sử dụng thiết bị đo Palmer để đo độ dày:



- | | |
|--|---|
| a : Số mét | e : Độ dày lớp sơn mặt trên và mặt dưới |
| b : Tôn Hoa Sen | (đối với trường hợp sản phẩm tôn màu) |
| c : Thương hiệu quốc gia | f : Độ dày của sản phẩm (dung sai) |
| d : Loại sản phẩm (Tôn kẽm, tôn lạnh, tôn kẽm màu, tôn lạnh màu) | g : Tiêu chuẩn ISO |
| | h : Mã số cuộn và ngày giờ sản xuất |



- Minh họa cấu tạo tấm Tôn Hoa Sen



CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

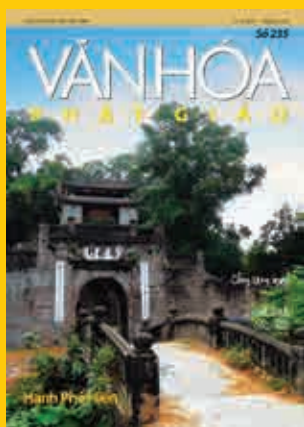
TỔNG ĐÀI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG



1800 1515

Miễn phí cuộc gọi

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

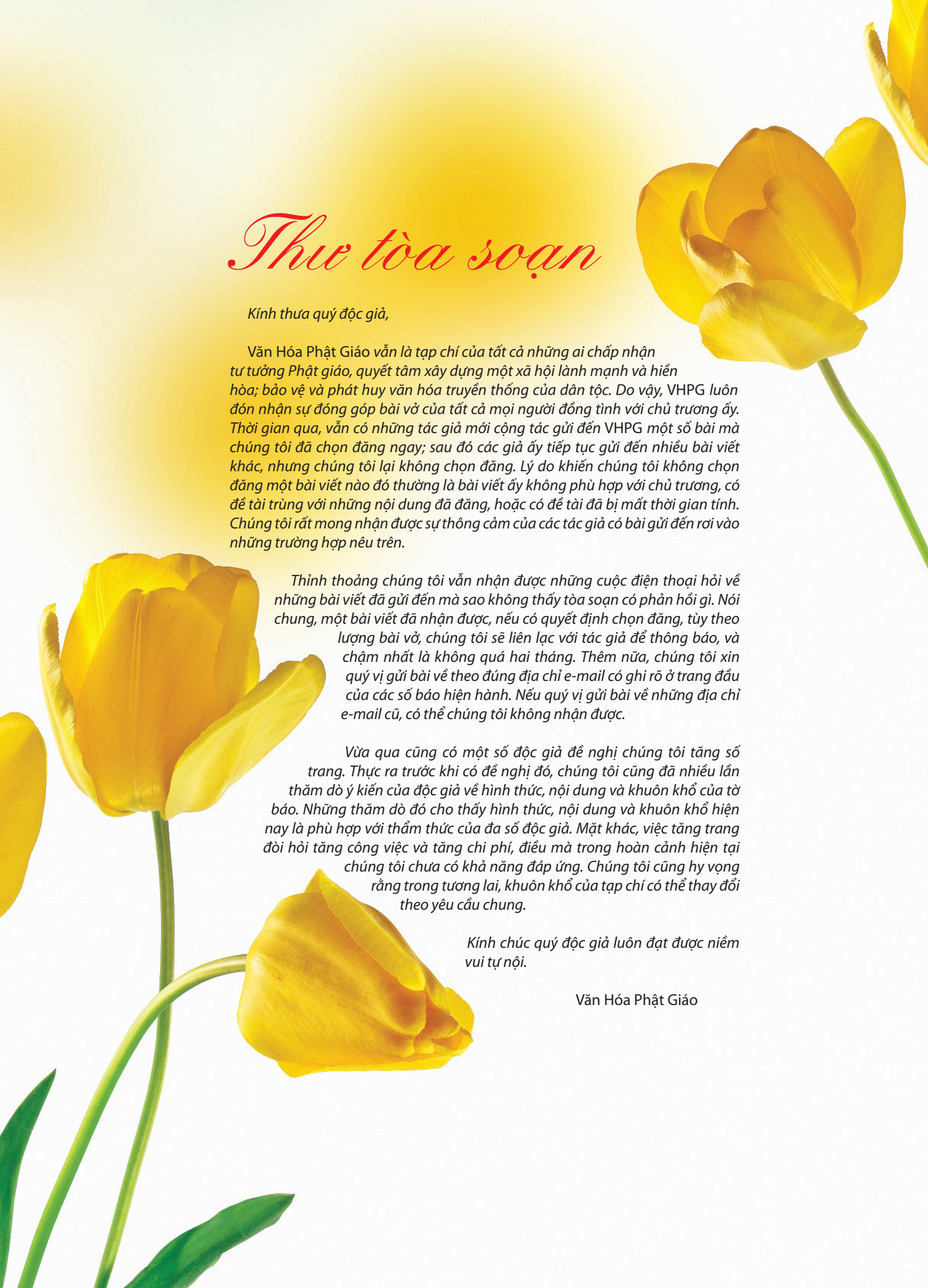
Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Những bàn tay toan tính che trời (Nguyễn Cẩn)	4
Tiếng vọng trăm năm trên nền gỗ khắc (Nguyễn Hữu Thông)	8
Giá trị thời chiến phổ biến trong thời bình (Lê Hải Đăng)	10
Chính tả, làm toán, tập đọc (Cao Huy Hóa)	12
Tu tâm (Nguyễn Anh)	14
Hạnh Phổ Hiền (Nguyễn Thế Đăng)	18
Sự thăng trầm của Phật giáo Việt Nam (Trương Hoàng Minh)	22
Một phương thuốc đúng lúc và vượt thời gian (Thanissaro Bhikkhu - Hoàng Phong dịch)	25
Hãy thở thật thâm sâu (Nguyễn Hữu Đức)	28
Vào cửa Bất nhị (Đỗ Hồng Ngọc)	30
Về ngôi chùa Trùng Quang ở làng La Văn Thượng (Đỗ Minh Điền)	34
Lối xưa xe ngựa hồn quê cũ! (Tôn Thất Thọ)	36
Ba Thắc cổ miếu (Trần Kiều Quang)	38
Tu tập (Hoàng Tá Thích)	40
Hư từ kiểu học trò (Hồ Anh Thái)	42
Graffiti - mỹ thuật tội lỗi (Thành Trung)	43
Bó hoa tặng bố (Quyển Văn)	44
"Chim vịt" trong ca dao hiện diện giữa phố (Bùi Trường Trí)	45
Sinh linh của đất (Nguyễn Hoàng Anh Thư)	46
Bài học giá rẻ (Hoàng Thị Như Huy)	48
Thơ (Nguyễn Tiêu, Kai Hoàng, Thạch Hoài Lam, Tịnh Bình, Sông Hương, Kim Hoa)	50
Cơm mùi khói bếp (Hoàng Công Danh)	52
Cổng làng xưa (Như Đại)	54
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	56

Bìa 1: Cổng làng Ước Lễ. Nguồn: wikipedia.org

A decorative background featuring several yellow tulips with green stems and leaves. One large tulip is in the top right corner, and another is in the bottom left. The background is a light yellow gradient.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Văn Hóa Phật Giáo vẫn là tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh và hiền hòa; bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc. Do vậy, VHPG luôn đón nhận sự đóng góp bài vở của tất cả mọi người đồng tình với chủ trương ấy. Thời gian qua, vẫn có những tác giả mới cộng tác gửi đến VHPG một số bài mà chúng tôi đã chọn đăng ngay; sau đó các giả ấy tiếp tục gửi đến nhiều bài viết khác, nhưng chúng tôi lại không chọn đăng. Lý do khiến chúng tôi không chọn đăng một bài viết nào đó thường là bài viết ấy không phù hợp với chủ trương, có đề tài trùng với những nội dung đã đăng, hoặc có đề tài đã bị mất thời gian tính. Chúng tôi rất mong nhận được sự thông cảm của các tác giả có bài gửi đến rơi vào những trường hợp nêu trên.

Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn nhận được những cuộc điện thoại hỏi về những bài viết đã gửi đến mà sao không thấy tòa soạn có phản hồi gì. Nói chung, một bài viết đã nhận được, nếu có quyết định chọn đăng, tùy theo lượng bài vở, chúng tôi sẽ liên lạc với tác giả để thông báo, và chậm nhất là không quá hai tháng. Thêm nữa, chúng tôi xin quý vị gửi bài về theo đúng địa chỉ e-mail có ghi rõ ở trang đầu của các số báo hiện hành. Nếu quý vị gửi bài về những địa chỉ e-mail cũ, có thể chúng tôi không nhận được.

Vừa qua cũng có một số độc giả đề nghị chúng tôi tăng số trang. Thực ra trước khi có đề nghị đó, chúng tôi cũng đã nhiều lần thăm dò ý kiến của độc giả về hình thức, nội dung và khuôn khổ của tờ báo. Những thăm dò đó cho thấy hình thức, nội dung và khuôn khổ hiện nay là phù hợp với thẩm thức của đa số độc giả. Mặt khác, việc tăng trang đòi hỏi tăng công việc và tăng chi phí, điều mà trong hoàn cảnh hiện tại chúng tôi chưa có khả năng đáp ứng. Chúng tôi cũng hy vọng rằng trong tương lai, khuôn khổ của tạp chí có thể thay đổi theo yêu cầu chung.

Kính chúc quý độc giả luôn đạt được niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến.

(Kinh Pháp Cú)



Những bàn tay toan tính che trời

NGUYỄN CĂN

Khi những nhà quản lý “chợt nhớ”?

Có nhiều vụ việc phi pháp diễn ra trước mắt chúng ta nhưng không ai hay biết, chỉ chạnh lòng khi có người nhắc và khi không thấy những người thi hành pháp luật lên tiếng.

Dư luận cả nước đang xôn xao vì công trình 8B Lê Trực, Hà Nội. Người ta thắc mắc sao một công trình lại được phép xây cao hơn Lăng Hồ Chủ tịch và cao hơn bản vẽ ban đầu đến 16 mét. Người ta băn khoăn rằng người dân mua vài bao xi-măng chưa về đến nhà đã có quản lý đô thị xuất hiện mà đằng này một công trình “vĩ đại” đến 20 tầng lại ngang nhiên xây dựng trước mắt

mọi người mà không ai có ý kiến gì, cho đến khi báo chí nêu lên mới “chợt nhớ” thì lập tức thanh minh rằng công trình này đã có sổ lần kiểm tra đáng kể nhưng vẫn để công trình vi phạm tiếp tục được xây(!). Cụ thể, từ tháng 12-2014 đến tháng 7-2015, Ủy ban Nhân dân phường Điện Biên (quận Ba Đình), Thanh tra Sở Xây dựng Hà Nội có thêm hàng chục văn bản khác, kể cả đình chỉ thi công nhưng chủ đầu tư không thực hiện!

Hiện nay UBND Hà Nội đang vội vã lập nhiều đoàn thanh tra để trả lời Thủ tướng và công luận cả nước.

Sẵn dịp, các báo xâu chuỗi lại những công trình trước đây cũng đã được làm theo kiểu ấy. Ví dụ như theo báo

Tuổi Trẻ “Năm 2007, dư luận Hà Nội từng xôn xao bàn tán về những công trình vi phạm trật tự xây dựng quy mô lớn, sai phép, vượt số tầng “đỉnh đám” như công trình cao tầng trên phố Đào Duy Anh (quận Đống Đa), công trình cao tầng trên phố Đặng Dung (quận Ba Đình). Tại thời điểm đó, công trình trên phố Đào Duy Anh được xác định xây vượt phép 3 tầng, còn công trình trên phố Đặng Dung được xác định vượt chiều cao so với giấy phép cấp hơn 13m. Điều đáng nói, khi dư luận quan tâm thì các cơ quan quản lý địa phương như phường, quận, sở xây dựng mới “tiết lộ” số lần kiểm tra, lập biên bản, đình chỉ thi công thuộc loại “kỳ lục”. Rồi đầu lại vào đấy!

Ai ở tỉnh Tiền Giang đều biết công trình xây dựng khổng lồ trên khu đất rộng gần 8.000m² mặt tiền đường Lý Thường Kiệt (P.6, TP.Mỹ Tho) đang sử dụng làm kho của Công ty Bia Sài Gòn (Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép, chủ đầu tư) được xây dựng không phép. Ngay từ khi công trình này mới bắt đầu khởi công vào năm 2014, các cơ quan chức năng đã kiểm tra, lập biên bản vi phạm. UBND TP.Mỹ Tho và UBND tỉnh Tiền Giang ban hành hàng loạt quyết định đình chỉ, xử phạt với số tiền hơn 1 tỉ đồng. Bất chấp tất cả, công trình vẫn thi công như không có chuyện gì xảy ra. Kết cục là UBND tỉnh cho phép công trình này tồn tại và giao Sở Xây dựng hướng dẫn Công ty CP Đầu tư Cái Mép lập các thủ tục tạm thời để *hợp thức hóa các hạng mục xây dựng sai phép*.

Tại Bình Thuận, công trình khách sạn Mường Thanh Mũi Né (P.Hàm Tiến, TP.Phan Thiết) chỉ được phép xây bốn tầng nhưng dự án này xây đến bảy tầng gồm năm tầng lầu, một tầng trệt và một tầng hầm. Diện tích cho phép xây dựng tầng 1 là 746m², công trình trên thực tế lên đến 2.350,2m², gấp ba lần diện tích cho phép. UBND phường Hàm Tiến ra quyết định đình chỉ thi công nhưng chủ đầu tư này vẫn làm ngơ. Thanh tra Sở Xây dựng vào cuộc vẫn không làm lay chuyển “quyết tâm” vi phạm của chủ đầu tư. UBND tỉnh Bình Thuận xử lý việc xây dựng sai phép bằng cách phạt 1 tỉ đồng, rồi “mở đường sống” cho khách sạn Mường Thanh Mũi Né. Đến tháng 12-2014, *khách sạn chính thức khai trương hoạt động!*

Tại TP.HCM cũng có tình trạng nhượng bộ đối với một số công trình xây dựng sai phép. Ngày 21-2-2012, cơ quan chức năng phát hiện sáu khối chung cư trên đảo Kim Cương tại phường Bình Trưng Tây (Q.2) xây dựng vượt tầng so với giấy phép. Toàn bộ công trình xây sai phép hơn 2.900m² và xây dựng một tuyến đường nội bộ vi phạm hành lang bảo vệ sông rạch. Ngay từ khi phát hiện sự việc, cơ quan chức năng đã lập biên bản yêu cầu ngưng thi công. Vụ việc được “ngâm” đến tháng 8-2012, *Bộ Xây dựng cho phép điều chỉnh thiết kế của toàn bộ dự án. Sau đó, cơ quan chức năng đồng ý cho công trình sai phép này được tồn tại(!)*... và còn nhiều nữa không đủ chỗ để nêu lên trang báo này.

Lại một vụ nữa, theo báo *Phụ Nữ TP.HCM* ngày 4/9 có bài “Cục Kiểm tra sau Thông quan, Tổng cục Hải quan:

Hơn 32 tỷ đồng tiền thuế có thể “bốc hơi”?, phản ánh việc lãnh đạo Cục Kiểm tra sau Thông quan (KTSTQ) không chịu thực thi trách nhiệm thu hơn 32 tỷ đồng tiền thuế đối với Công ty Samho, gây thiệt hại cho Nhà nước. Câu chuyện ban đầu xảy ra xung quanh việc lấy phiếu tín nhiệm một cách có “kỹ thuật”, bổ nhiệm, điều chuyển cán bộ, những người không cùng “cánh hẩu”, gây mất đoàn kết nội bộ, một vấn đề lớn đã lộ diện: mấy chục tỷ đồng tiền thuế lẽ ra có thể thu cho ngân sách đã rất có thể “bốc hơi” sau những màn phủ phép đóng mở hồ sơ. Trước đó không lâu, lãnh đạo Cục KTSTQ cũng đã thực hiện một “phi vụ” tương tự khi khép hồ sơ KTSTQ đối với một doanh nghiệp mà số tiền thuế và tiền phạt trốn thuế lên đến 96 tỷ đồng. Chính Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản và Thương mại Bình Thuận cuối năm 2012 đã có văn bản gửi Cục trưởng Cục KTSTQ yêu cầu cho dừng xuất khẩu và cho trưng cầu giám định về giá đối với lô hàng 4.500 tấn quặng titan do chính công ty của ông chuẩn bị xuất đi, vì nghi ngờ có dấu hiệu chuyển giá thấp hơn giá thị trường để trốn thuế. Từ yêu cầu của ông, Cục KTSTQ đã giao Phòng KTSTQ phía Nam (Phòng 5) kiểm tra Công ty Khoáng sản Bình Thuận. Theo đó, trong thời gian từ tháng 1/2009 đến tháng 10/2012, công ty này mở 39 tờ khai xuất khẩu, trong đó có 37 tờ khai do công ty cung cấp cho nhóm kiểm tra, đều được làm giả bằng cách photocopy hình các con dấu và chữ ký của ông Tô Tài Tích - Tổng Giám đốc điều hành công ty - từ những tài liệu khác (theo kết luận của Phân viện Khoa học Hình sự tại TP.HCM, Tổng cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm). Từ đó, nhóm kiểm tra đã bác bỏ giá trị khai báo 39 tờ khai xuất khẩu của Công ty Khoáng sản Bình Thuận, đồng thời xác định lại trị giá tính thuế theo giá thị trường là hơn 432 tỷ đồng, tiền thuế mà công ty phải nộp thêm lên tới hơn 48 tỷ đồng. Ngoài ra, đơn vị này phải chịu thêm 48 tỷ đồng tiền phạt hành chính vì tội trốn thuế. Việc kiểm tra được tiếp tục tiến hành thì ngày 18/3/2013, Cục phó Cục KTSTQ bút phê: “Việc này Cục đã chỉ đạo, cơ quan công an đang thụ lý điều tra, chờ kết luận của cơ quan điều tra, khép hồ sơ trình Cục trưởng phê duyệt”. Một tháng rưỡi sau, ngày 4/5/2013, Cục trưởng Cục KTSTQ có ý kiến: “Đồng ý theo đề xuất của Phòng”. Lý do “khép hồ sơ” KTSTQ đối với Công ty Khoáng sản Bình Thuận được Cục KTSTQ nêu ra là “cơ quan công an đang thụ lý điều tra”, nhưng sự thật không hề có việc này! Như vậy, một vụ gian lận, trốn thuế, với số tiền thuế và phạt vi phạm hành chính lên đến hơn 96 tỷ đồng đã được “xếp lại” trong sự ngỡ ngàng, khó hiểu của cả người tố cáo và nhóm kiểm tra.

Vì sao nên nổi?

Có phải vì chúng ta thiếu văn bản pháp quy chăng? Theo các vị trong Hội Quy hoạch và Phát triển đô thị Hà Nội thì công tác kiểm tra chưa được chú trọng dù hệ



thống văn bản pháp quy để ngăn chặn việc xây dựng không phép, sai phép và xử lý vi phạm này được quy định khá rõ ràng. Cần phải nói là thể chế cũng tương đối chặt chẽ và đồng bộ; chức trách, nhiệm vụ được phân định rõ ràng giữa cơ quan TP, cơ quan cấp quận, cấp phường... Tuy nhiên tình trạng đó vẫn tiếp diễn là do công tác kiểm tra ở mọi cấp chưa được chú trọng thường xuyên. Lực lượng kiểm tra, giám sát không làm tròn chức trách. Ông Phạm Sỹ Liêm - Phó Chủ tịch Tổng hội Xây dựng VN nói "Tôi có nghe công trình tòa nhà 8B Lê Trực bị kiểm tra rất nhiều lần nhưng chủ đầu tư vẫn vi phạm. Tại sao lại thế được?... Có phải các cơ quan kiểm tra chỉ để chiếu lệ. Kiểm tra mà không ngăn chặn được thì coi như có làm gì đâu?". Thực tế không thể phủ nhận là từ trước tới nay, hầu hết vụ việc vi phạm và cán bộ để xảy ra vi phạm trong trật tự xây dựng chưa hề được xử lý nghiêm. Người ta đổ cho việc giáo dục các chủ đầu tư xây dựng nhận thức rõ ý thức chấp hành pháp luật chưa được làm tốt. Nhưng ai buông lỏng kỷ cương phép nước, hay chính sự nhượng bộ của chính quyền vì những lý do gì đó đã tạo điều kiện cho các chủ đầu tư liều lĩnh hơn trong việc vi phạm trật tự xây dựng?

Về những ông quan cửa khẩu, người dân mong muốn củng cố lòng tin nơi những công bộc của dân đang làm nhiệm vụ gác cổng kinh tế tại những đầu mối giao thương quan trọng của quốc gia, thu thuế cho ngân sách, chống gian lận thương mại, tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất/nhập khẩu... Dư luận không xôn xao chỉ vì câu chuyện điều chuyển, phân công cán bộ xếp vào cùng phe cánh, mà dư luận bất an vì một thực tế là mua một chai nước tương hay một ký gạo, người dân cũng đã tự

nguyện nộp phần thuế giá trị gia tăng, trong khi chỉ với hai vụ này thôi, ngân sách nhà nước có thể bị thất thu hơn 130 tỷ! Còn bao nhiêu vụ việc chưa biết hay chưa được công bố thì sao? Hành vi trốn thuế, gian lận thuế khiến người dân có thể bị xử lý trách nhiệm hình sự, còn những quan chức tiếp tay cho hành vi này, những người cố tình gây lỗi hệ thống để xảy ra chuyện thất thoát tiền thuế, sẽ được xử lý ra sao?

Còn về những "gian quan" núp sau những tờ logo bán cho các xe quá tải qua trạm từ 4 đến 8 triệu một xe, thu hàng tỷ đồng hay hơn nữa thì sao? Họ không chỉ tiếp tay phá hoại đường sá mà còn phá hủy niềm tin của nhân dân vào sự công tâm nơi những người có trách nhiệm quản lý giao thông, thực thi "pháp lệnh" an toàn.

Khi "thần linh pháp quyền" đi vắng

Chúng ta biết rằng năm 1919, trong Bản yêu sách được Hồ Chủ tịch, dưới danh xưng Nguyễn Ái Quốc lúc ấy, gửi đến Hội nghị Versailles, yêu sách thứ 7 là pháp quyền. Sau này, yêu sách đó được Hồ Chủ tịch thể hiện thành lời ca: "Bây xin Hiến pháp ban hành. Trăm điều phải có thần linh pháp quyền" (Yêu cầu ca, Báo Nhân Dân, ngày 30/1/77)⁽¹⁾.

Theo TS.Nguyễn Đình Lộc "Cho đến nay, qua các tư liệu lịch sử có được, có thể nói, đây là lần đầu tiên trong văn học sử Việt Nam xuất hiện khái niệm "pháp quyền", và "pháp quyền" ở đây lại được nâng lên thành "thần linh" - một khái niệm linh thiêng, làm nổi bật ý nghĩa tính chất "pháp quyền", nổi bật ý nghĩa, vai trò của pháp luật, của Hiến pháp trong đời sống xã hội".

Ngay cuốn "Rule of Law" của Anh cũng viết: "Mọi người bị cai trị bằng pháp luật, và chỉ bằng pháp luật mà thôi. Một người có thể bị (chúng ta) trừng phạt vì hành vi vi phạm luật pháp, nhưng không thể trừng phạt vì lý do bất kỳ khác"⁽²⁾. Ở nước ta, một số nhà nghiên cứu luật pháp như GS.Cao Huy Thuần cho rằng chúng ta chưa có nhà nước by law hay of law gì cả vì những lý do sau đây:

- Chúng ta chưa đủ luật áp dụng cho nhiều lãnh vực trong đời sống.

- Chúng ta có luật nhưng những văn bản dưới luật (sub-laws) chưa đầy đủ.

- Chúng ta có luật nhưng có nhiều cách diễn giải (interpretation) khác nhau, nếu không muốn nói nhiều lệ sinh ra khiến luật khó thi hành.

- Chúng ta có luật nhưng người không thi hành cũng chẳng sao, ví dụ như những vụ việc vừa nêu.

Như vậy, nhà nước pháp quyền⁽³⁾ chỉ nên được hiểu là nhà nước bị quản lý bởi pháp luật, hơn là nhà nước có quyền ban hành pháp luật để quản lý xã hội. Đại biểu Lê Như Tiến tại nghị trường Quốc hội đã nêu lên một nguy cơ: "Quốc nạn tham nhũng có cơ 'hạ đo ván' quốc sách!". Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài nói chuyện với cử tri Ba Đình, Hà Nội ngày 4-5-2015,

trước kỳ họp Trung ương có nhấn mạnh về tệ nạn tham nhũng: “Bắt bệnh, cắt thuốc trúng rồi, nhưng vẫn còn bần khoản là có chịu uống thuốc và uống đúng liều hay không?”. Ông cũng bần khoản như bao người dân vì nhiều năm qua đã có bao nhiêu nghị quyết “kê đơn, bốc thuốc”, nhưng tham nhũng tỏ ra “kháng thuốc”, chống lại bằng mọi cách. Đơn thuốc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh kê ra từ ngót một thế kỷ trước nhằm ngăn chặn lạm quyền, tham nhũng: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền!”. Trong các nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp và hoàn chỉnh pháp luật đến năm 2020, đều ghi rõ mục đích: “Xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh”, “...là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời là công cụ bảo vệ pháp luật...”, hướng tới một nền tư pháp độc lập, một xã hội sống và làm việc theo pháp luật. Vậy là phải tìm cách buộc những người không chịu uống thuốc phải uống và uống đúng liều.

Trong đợt nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 4, có nhiều nhà lý luận cho rằng “cái khó nhất là không ai tự nguyện lấy đá ghè chân mình”, ý muốn nói những người lãnh đạo đều ngại phải đặt mình xuống dưới pháp luật, xã hội phải thượng tôn pháp luật, *nhưng trừ mình ra!* Mặc mứu nằm ở đây: Đảng lãnh đạo toàn diện, kể cả việc xây dựng hệ thống tư pháp, pháp luật; nhưng Đảng phải “chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” (*Văn kiện Đại hội XI*, trang 89). Nghĩa là Đảng cũng phải tuân thủ thể chế thượng tôn pháp luật thì mới có thể đánh tham nhũng bằng “ngọn roi pháp luật” vì “pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì!” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, T.5, tr.245).

Những người có chức trách đều nhận thức rằng đạo đức trong xã hội đang xuống cấp nghiêm trọng, tình trạng vi phạm pháp luật diễn ra phổ biến cũng vì sự tham lam, thâm lạm của hàng ngũ cán bộ, quan chức. Ông Lù Văn Que, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng cho rằng đây là thách thức lớn nhất với vai trò lãnh đạo của Đảng. “Đã có ý kiến nhận xét, Đảng ta có khoảng 4-5 triệu đảng viên nhưng chưa mạnh. Thể hiện chưa mạnh là chưa “vạch mặt chỉ tên” được “ai trong một bộ phận không nhỏ” cán bộ đảng viên thoái hóa biến chất, chưa ngăn chặn, đẩy lùi được tham nhũng, lãng phí, chưa khắc phục được nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với các nước trong khu vực và quốc tế. Nhà xây không phép, quan chức tự ý làm sai hồ sơ, buôn bán quyền chức, vận dụng quyền lực làm điều bất minh. Lấy gì để khắc chế nếu không dựa vào luật pháp?”

Làm sao giới hạn lòng tham?

Đức Phật hiểu rõ ý nghĩa và tác hại của tam độc, trong đó Tham đứng đầu, khi người ta ham muốn, đắm say, thích thú muốn có nhiều những thứ mình ưa

thích như tiền tài, sắc đẹp, danh vọng v.v... Lòng tham đó nói như dân gian là không đáy, chẳng hề biết chán, càng được càng ham. Tham cho mình, rồi tham cho cả bà con quyến thuộc của mình. Cũng vì lòng tham, mà sinh ra tranh giành giết hại lẫn nhau.

Nếu muốn trị lòng tham thời phải “tu tâm” ngay, phải tập tính “thiểu dục tri túc”. Thiểu dục là muốn ít, tri túc là biết đủ. Người thiểu dục, tri túc thì có một đời sống giản dị, thanh cao và an toàn vì biết đủ với những thứ mình đã có. Bỏ dần lòng tham đi để đạt tới được “vô tham”. Vô tham là không tham lam. Muốn được như thế thì cá nhân phải được giáo dục từ tấm bé về thói không tham của người khác, không “ăn cắp” dù có điều kiện. Phận làm công bộc trị nước an dân mà để tâm mình bị lòng tham chi phối thì dễ hư hỏng biến chất tha hóa theo thời gian. Cơ chế kiểm soát lòng tham bên ngoài là dựa vào nhà nước pháp trị hay pháp quyền. Không ai đứng trên luật pháp. Xác định giới pháp là thầy, trong kinh *Đại Bát Niết-bàn*, Phật dạy: “Này Anan, pháp và luật Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ thì pháp và luật ấy sẽ là đạo sư của các người”. (*Trường Bộ kinh II*, t.663).

Chúng ta sẽ không thể cho phép bàn tay ai đó che khuất bầu trời công lý và pháp lý. Nền pháp trị phải là bàn tay Phật mà những kẻ lợi dụng hay những nhiễu cũng chỉ là những anh Tôn Hành Giả dù múa may quyền phép thế nào cũng không vượt qua được chứ không thể làm điều ngược lại. Bầu trời công lý luôn sáng soi! ■

Ghi chú:

1. Nguyên văn: “*Remplacement du régime des décrets par les régimes des lois*”. (dịch ra tiếng Việt là: thay thế chế độ pháp lệnh bằng chế độ luật lệ. (Nguồn: *Les décolonisations au XXe siècle: La Fin des Empires Européens et Japonais*, Par Pierre Brocheux, Annexe).

2. Nguyên văn: “*Englishmen are ruled by the law, and by the law alone; a man may with us be punished for a breach of law, but he can be punished for nothing else*”. (Dicey, Introduction to the Study of the Law of the Constitution, 202).

3. Theo TS.Nguyễn Sĩ Dũng trong bài “*Hiến pháp 1946 với tư tưởng pháp quyền*”: “Trong tiếng Anh, không có khái niệm “nhà nước pháp quyền”. Thay vào đó, các nước theo truyền thống Anh – Mỹ chỉ nói đến pháp trị hay chính xác hơn là nói đến “sự thống trị của pháp luật” (*the rule of law*) mà thôi. Hai từ “nhà nước” thậm chí không được nhắc tới trong thuật ngữ này. Chính vì vậy, khi dịch khái niệm “nhà nước pháp quyền” của ta sang tiếng Anh, bạn buộc lòng phải biến nó thành một thứ dài lê thê như sau: “nhà nước bị điều chỉnh bởi pháp quyền” (*the law governed by the rule of law*) hoặc “nhà nước bị điều chỉnh bởi pháp luật” (*the law-governed state*). Trong tiếng Pháp khái niệm tương ứng là “nhà nước của pháp luật” (*État de droit*). Chúng ta có thể hiểu: nhà nước không phải là con người, mà là của pháp luật, tinh thần tối thượng của pháp luật là bản chất của pháp quyền.

Tiếng vọng trăm năm trên nền gỗ khắc

Bài & ảnh: NGUYỄN HỮU THÔNG



Nghề in khắc và ấn loát Việt Nam vốn có từ lâu đời. Đây chính là phương tiện truyền thụ và lưu tồn những giá trị văn hóa của một dân tộc biết trân trọng tri thức và truyền thống. Mặc dù, khi công nghệ in hiện đại ra đời, mộc bản chỉ còn là tài sản lãng lẽ nằm yên trong những kho lưu trữ, nhưng, cho đến nay, chúng vẫn là những tài liệu khả dụng đối với các nhà nghiên cứu và là những hiện vật quý trong lĩnh vực khảo cổ và bảo tồn.

Trong di sản văn khắc trên gỗ còn lại đến hôm nay, ngoài những tài liệu mang tính giáo khoa trong các trường học phong kiến, còn có nhiều loại sách thuộc các lĩnh vực, y học, địa lý, lịch sử, luật lệ..., cũng như thỉnh thoảng xuất hiện những bản khắc về văn thơ của một số tác giả. Tuy nhiên, nếu bàn về số lượng và tính phổ

cập của những sản phẩm được lưu hành từ văn khắc, đồ họa, thì chính những bản khắc kinh sách Phật giáo là phong phú và đáng kể nhất.

Từ những đặc thù nêu trên, văn tự và tranh khắc Phật giáo đã trở thành một bộ phận quan trọng khi nói đến chân dung và sức sống văn hóa Việt. Chính vì vậy, đối tượng này không còn là tài sản riêng của Phật giáo mà là của cả dân tộc.

Nội dung lưu lại trong di sản mộc bản Phật giáo không đơn thuần chứa đựng những nội dung thuần túy về tôn giáo, tâm linh..., mà còn là tư liệu thuộc kiến thức của nhiều lĩnh vực khác như văn chương, triết học, lịch sử, phong tục, đạo đức, luận lý, thư pháp, mỹ thuật đồ họa, điêu khắc và tri thức liên ngành thuộc kho tàng văn hóa dân tộc.

Trong thời gian qua, để góp phần vinh danh những giá trị nổi bật của vốn văn khắc và tranh đồ họa Phật giáo, chỉ trong địa bàn Huế, nhóm nghiên cứu thuộc Trung tâm Liễu Quán Huế đã tiếp cận với một di sản mộc bản ngoài sức hình dung kể cả về lượng lẫn chất. Thông qua công việc thống kê và khảo sát bước đầu, chúng tôi xin được khái quát một số nhận định như sau:

- Chúng ta từng biết hệ thống mộc bản kinh Phật tại chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang) đã được tổ chức UNESCO công nhận là di sản tư liệu ký ức nhân loại, vào năm 2012, với trên 3.000 bản khắc. Nhưng, điều không kém ngạc nhiên là chỉ mới điều tra sơ bộ trong 13 điểm chùa và nhà dân ở Huế, chúng tôi cũng đã thống kê được 2.933 bản khắc mộc bản Phật giáo. Tất nhiên, khi đưa ra con số nêu trên, chúng tôi hoàn toàn không tính đến những bản khắc ngoài nội dung Phật giáo với số lượng hàng ngàn bản đang được tàng trữ trong các phủ đệ và trong nhà riêng của hàng danh gia ở đây.

- Chỉ tính trên di sản mộc bản Phật giáo đã được thống kê, điểm đặc thù về mặt niên đại đáng ghi nhận là chúng hiện hữu một cách liên tục suốt các triều đại nhà Nguyễn kể từ thời vua Gia Long cho đến Bảo Đại.

Cho đến thời điểm hiện nay, một trong những mộc bản được phát hiện sớm nhất ở xứ Đàng Trong chính là bản kinh *Kim Cang* được in khắc năm Chính Hòa 19 (1698) dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu. Và bản khắc muộn nhất là *Phật thuyết Duy Ma Cật sở thuyết kinh* được thực hiện vào năm 1981.

Như vậy, Huế là nơi còn lưu giữ những mộc bản thuộc loại sớm và muộn nhất không chỉ ở miền Trung mà còn



trên phạm vi quốc gia, trong đó, đáng quý nhất chính là sự hiện hữu của ván khắc liên tục, trải dài suốt nhiều triều đại trong hơn 300 năm.

Xét về mặt chủng loại hệ mộc bản Phật giáo ở Huế có cả những bản *tân khắc* (nội dung hoàn toàn mới chưa từng có trước đó), *trùng khắc* (khắc in lại những mộc bản đã từng được ấn loát trước đó), và *bổ khắc* (khắc lại những tài liệu cũ nhưng có bổ sung). Trong đó, bao hàm cả kinh, luật, luận, khoa nghi, trước tác, văn sớ, phái điệp quy y và một số bản có nội dung liên quan đến Phật giáo Mật tông và Đạo giáo.

- Nói đến di sản mộc bản Phật giáo, ở đó không chỉ là tài sản đơn thuần văn tự kinh sách mà còn hiện hữu không ít những tác phẩm đồ họa, tồn tại độc lập, hoặc mang tính minh họa, hướng dẫn bằng hình ảnh, xuất hiện trong nội dung của nhiều tư liệu văn khắc khác nhau.

So với các dòng đồ họa dân gian như Hàng Trống, Đông Hồ, Kim Hoàng, Sinh (Lại Ân) hay những dòng tranh tín ngưỡng khác ở miền núi Việt Nam..., thì di sản tranh đồ họa Phật giáo phong phú, đa dạng, và có giá trị nghệ thuật nổi trội. Bên cạnh những tác phẩm thuần đặc chất dân gian, giản phác, bình dị và hồn nhiên..., trong vốn in khắc mộc bản Phật giáo còn có không ít tác phẩm tuân thủ các nguyên tắc và thể hiện một cách xuất sắc dòng hội họa hàn lâm, xét trên đặc trưng về bố cục, tỷ lệ, viễn cận, hiệu ứng sáng tối, và chi tiết đặc tả...

Điểm đặc biệt là trong những tác phẩm đồ họa để lại trong di sản mộc bản Phật giáo Huế, còn lưu dấu tài năng của những danh tăng với tư cách là tác giả của nhiều bức tranh khắc có giá trị, như Thiền sư Thạch Liêm - Đại Sán trong bản kinh *Kim Cang*; sư Viên Thành trong bản khắc kinh *Lãng Nghiêm*... Đó là chưa nói đến những bản thư pháp, thể hiện sự liên kết tuyệt vời của thư pháp gia và nghệ nhân điêu khắc, đã thể hiện được bút lực tài hoa trên nhiều trang lời tựa, lời bạt hoặc dẫn luận của không ít những danh tăng trong kinh sách.

Di sản mộc bản hiện đang được lưu giữ trong nhiều tự viện là một tài sản vô giá, chứa đựng nhiều tư liệu cũng như không ít tác phẩm nghệ thuật, đáng được



trân trọng và gìn giữ. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử và sự đe dọa của thời gian, khí hậu, côn trùng..., cùng những hạn chế về tri thức cũng như điều kiện và phương tiện bảo quản hiện nay, di sản này đang đứng trước mối đe dọa có tính sống còn.

Ngoài hệ thống mộc bản, trong các kho lưu trữ ở các ngôi chùa có không ít những tác phẩm hội họa, sử dụng nhiều chất liệu khác nhau như sơn tây, màu nước, sơn mài, sơn thếp... Chính vì vậy, việc bảo quản với những phương tiện và điều kiện hợp lý để bảo tồn di sản này là điều cần quan tâm và có giải pháp cấp bách.

Đây là việc không nên quan niệm là của riêng một tôn giáo, mà là tài sản chung của dân tộc, cho nên, đó chính là trách nhiệm của tất cả chúng ta. Có lẽ việc trước tiên là cùng nhau vận động thực hiện một đề án, với mục tiêu là thống kê, đánh giá thực trạng, và số hóa những mộc bản hiện tồn. Riêng kế hoạch lên phương án bảo tồn, tất nhiên sẽ thông qua nhiều hội thảo, tọa đàm, có sự chung tay liên kết của nhiều ngành, nhằm tiến tới một phương án tốt nhất, để thế hệ mai hậu còn biết đến những tài sản vô giá của tiền nhân để lại, trong di sản văn hóa của dân tộc.

Tuổi thọ của những bản khắc trên chất liệu gỗ là có giới hạn, cho nên, nếu không được sự tham gia tích cực của khoa học bảo tồn, có lẽ tất cả chỉ còn là ký ức trong một thời gian ngắn nữa thôi. ■

Gia trò thối chien phổ biến trong thời bình

LÊ HẢI ĐĂNG

1 Có người Mẹ nào muốn đạt danh hiệu Anh hùng

Mẹ Việt Nam Anh hùng đã trở thành danh hiệu cao quý dành cho những người mẹ Việt Nam có con hy sinh trong cuộc kháng chiến thống nhất đất nước. Xét về ý nghĩa, danh hiệu này nhằm tôn vinh, ghi nhớ công ơn những người mẹ gián tiếp tham gia cuộc chiến. Qua nhiều buổi tổ chức sự kiện, nhìn cặp mắt u buồn của các bà mẹ, người ta không khỏi chạnh lòng nghĩ ngợi mông lung... Khuất nẻo đằng sau thân phận những người Mẹ ấy, chúng ta hãy thử đặt một câu hỏi: có ai trong số họ mong muốn nhận danh hiệu này?

Ở nước ta, danh hiệu Anh hùng dường như đã được đặt trên tột đỉnh vinh quang. Một đất nước trải qua biết bao cuộc kháng chiến vệ quốc tang thương, khốc liệt, danh hiệu Anh hùng lấp lánh ánh hào quang tỏa sáng huy hoàng mà nhiều người thầm mong ước. Thế nhưng, danh hiệu Anh hùng không phải một giá trị có thể vươn tới mức phổ biến, phủ khắp mọi đối tượng, cũng như sinh hoạt xã hội. Danh hiệu Anh hùng có thể là niềm khát khao, kiêu hãnh của nhiều người, nhưng không phải ai ai cũng mong muốn. Ví thử, đối với những người Mẹ Việt Nam Anh hùng, nếu thế gian xuất hiện ông Tiên, ông Bụt có khả năng cải tử hoàn sinh, chắc chắn đa số người mẹ ấy mong muốn trả những đứa con về cho họ hơn là nhận vòng nguyệt quế mang tên “Anh hùng”.

Không dừng lại ở việc suy tôn những cá nhân góp công làm rạng danh, vẻ vang cho đất nước, danh hiệu Anh hùng còn đi vào cuộc sống, ăn sâu vào suy nghĩ nhiều người. Danh hiệu Anh hùng cũng dành tôn vinh những tổ chức, địa phương... gặt hái thành tích xuất sắc trong quá trình phát triển. Đương nhiên, rất nhiều địa hạt có thể phù hợp với danh hiệu này, xét về ý nghĩa tương thích và mặt tích cực của nó, như Lực lượng vũ trang nhân dân, Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, hải quân, biên phòng, các tổ chức an ninh, chính trị... Song, danh hiệu anh hùng không nên áp đặt lên cơ sở y tế, tổ chức giáo dục, cơ quan nghiên cứu, địa hạt tín ngưỡng, hoạt động nghệ thuật... Rất nhiều

ngành nghề, lĩnh vực... hoàn toàn không phù hợp với danh hiệu trên. Cách đây ít lâu, bệnh viện Pasteur tổ chức rầm rộ lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động. Xét về lòng can đảm, quả cảm... nhiều bác sĩ làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, nguy hiểm chẳng khác gì trên chiến trường, đặc biệt là các bác sĩ tham gia trong tổ chức không biên giới, cứu trợ nạn nhân... Nhưng, động cơ, tính chất công việc và sứ mệnh cao cả của các bác sĩ khác với chiến sĩ. Nhiệm vụ thiêng liêng của họ là cứu người, không phân biệt giới tuyến, ý thức hệ, kẻ thù hay quân ta... Bác sĩ, y tá sẵn sàng đưa bàn tay cứu giúp một kẻ thù với tư cách là con người, mạng người. Nên, danh hiệu dành cho bác sĩ thiết nghĩ phải là một giá trị siêu việt, vượt lên trên biên giới quốc gia, chiến tuyến, lập trường hay quan điểm ý thức hệ...

2 Chiến sĩ thi đua và căn bệnh thành tích

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua bấy lâu nay chẳng còn xa lạ đối với những người làm việc trong tổ chức quan phương hay dân lập. Cho dù phạm vi ban đầu của danh hiệu này giới hạn trong quân đội, thuộc thể chế quân quản; sau khi bước vào thời bình, nó tiếp tục được nhân rộng trở thành giá trị phổ biến phủ khắp nhiều lĩnh vực. Có lẽ chúng ta đã quá quen với việc “thi đua lập thành tích”, nên bỏ quên mối liên hệ giữa danh hiệu và căn bệnh thành tích. Bởi vậy, trong rất nhiều buổi họp tổng kết thi đua, khen thưởng cuối năm, tinh thần quyết chiến giành danh hiệu về mình đã biến thành đấu trường “tổng sỉ vả” của cán bộ, công chức. Tuy không vẻ vang, vinh quang như danh hiệu Anh hùng, nhưng Chiến sĩ thi đua cũng hấp dẫn người ta vì danh lợi. Điều này đương nhiên có tác dụng nhất định đến hoạt động sản xuất vật chất. Song, nhìn nghiêng sang lĩnh vực tinh thần, khoa học, tư tưởng, giáo dục, nghệ thuật, đạo đức xã hội, khía cạnh “chính danh” của danh hiệu “Chiến sĩ thi đua” không tránh khỏi những bất ổn về mặt nội hàm. Cũng giống như danh hiệu Anh hùng, Chiến sĩ thi đua vốn sản sinh từ môi trường quân đội, sau khi đi vào môi trường xã hội với bản chất đa dạng, danh hiệu này không chạm vào được thực tế phong phú và

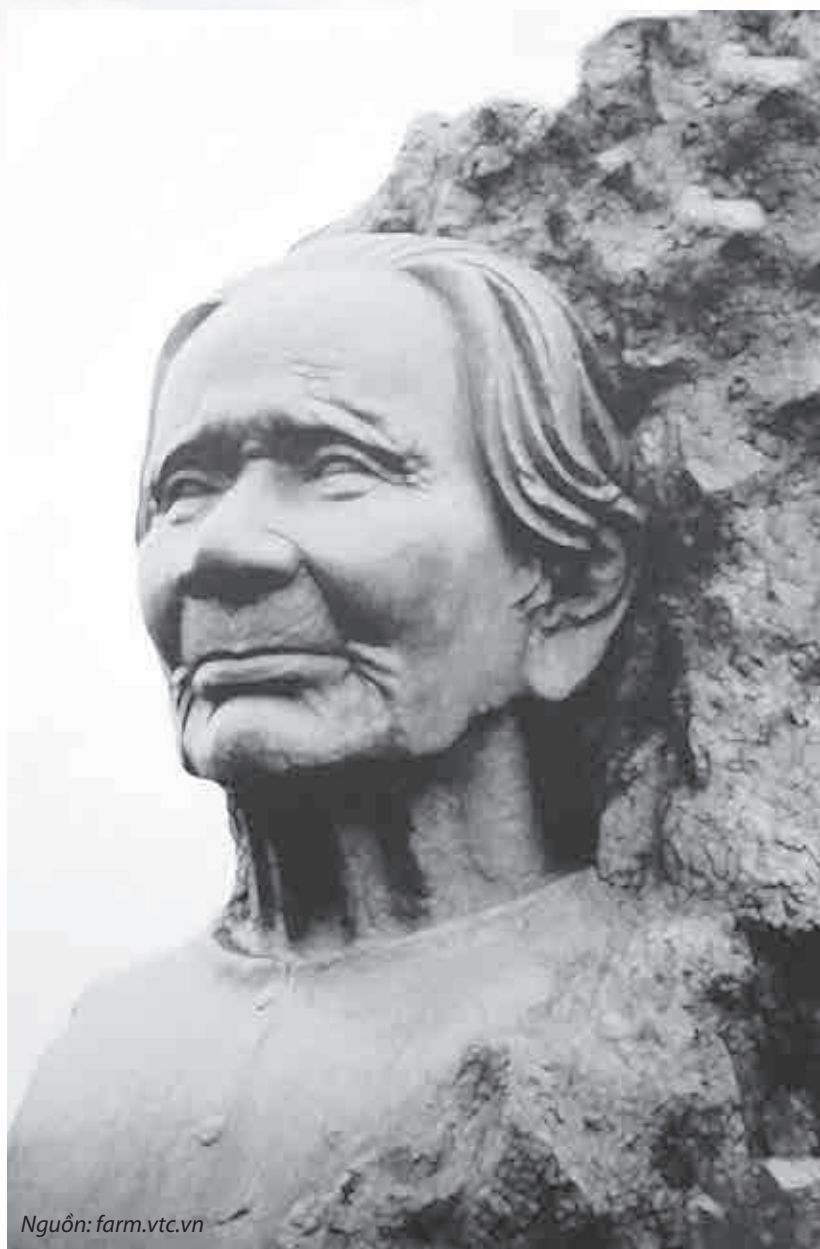
tính chất khác biệt về ngành nghề. Một nhà giáo, bác sĩ, nghệ sĩ, nhà khoa học... không hề có tinh thần thi đua giống như các chiến sĩ. Tinh thần thi đua chỉ thực sự phát huy tác dụng và có khả năng tham chiếu trên cùng một bình diện. Ở những địa hạt tư tưởng thuộc lĩnh vực sáng tạo tự thân đã chỉ ra tính chất phi giới tuyến và chịu sự chi phối bởi quy luật nội tại. Nói cách khác, những người làm công việc sáng tạo, sản xuất giá trị tinh thần chạy đua với bản thân mình, chẳng cần tranh đấu theo phương châm coi đối phương là kẻ thù. Các giải thưởng, danh hiệu... cao quý như Nobel, Fields, Pulitzer... nhằm tôn vinh những đóng góp thâm lặng, chứ không phải biện pháp dẫn dụ.

3 Tri ân cần suy xét ý nghĩa văn hóa

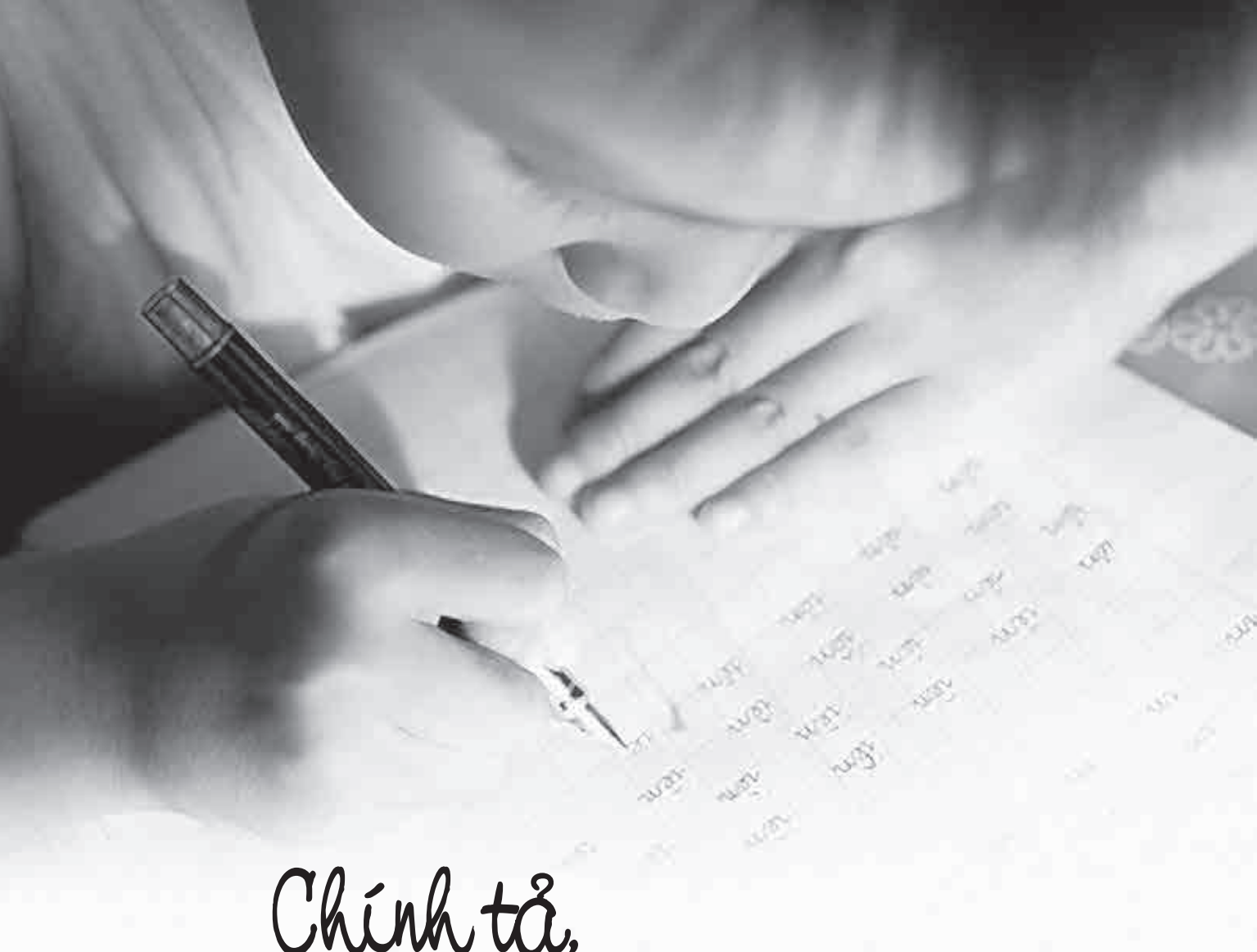
Danh hiệu phong tặng bấy lâu nay được sử dụng như một đặc ân, bên cạnh đó còn có việc lấy tên danh nhân đặt cho cơ sở giáo dục, y tế, tổ chức quan phương, những con đường... Trường hợp lấy tên nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đặt cho trường học khiếm thị là một ví dụ đáng suy ngẫm. Nó đã trở thành “thông lệ”, chứ không dừng lại ở tiền lệ. Hễ cứ trường dành cho trẻ khiếm thị, rất nhiều địa phương trong cả nước lấy tên nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu. Tại TP.HCM, người ta còn lấy tên ông đặt cho hãng phim: Hãng phim Nguyễn Đình Chiểu. Thử hỏi, nếu Nguyễn Đình Chiểu còn sống, ông có bày tỏ lòng biết ơn đối với việc lấy tên mình đặt cho hãng phim, trường học trẻ khiếm thị hay không? Việc làm thứ nhất đã chạm vào nỗi đau của nhà thơ, việc làm thứ hai thì nâng cấp lên thành sự sỉ nhục. Tại sao chúng ta không lấy tên Nguyễn Đình Chiểu đặt cho câu lạc bộ thơ ca, trường viết văn chẳng hạn?

Một hiện tượng có nguy cơ trở thành bản chất nữa là lấy tên anh hùng, liệt sĩ đặt cho cơ sở giáo dục. Việc làm này cũng đã trở thành phổ biến, vượt mức thành quá lạm, thậm chí như trường hợp liệt sĩ Lê Văn Tám, khoan bàn về tính chất xác thực của nhân vật lịch sử này, mà chỉ riêng xét ở khía cạnh tuổi đời một liệt sĩ hy sinh ở độ vị thành niên thì thật khó trở thành tấm gương tiêu biểu có tác dụng noi gương trong hoạt động giáo dục. Lê Văn Tám có thể là tấm gương về sự hy sinh, nhưng khó thể thành tấm gương học tập đặt trong bối cảnh giáo dục hiện đại. Còn rất nhiều những “tấm gương” tương tự phủ khắp cơ sở giáo dục nước ta. Nhiều người sinh thời bỏ học, thậm chí bị đuổi học, để tham gia kháng chiến. Động cơ đó có thể xuất phát từ bối cảnh hiện thực, nhưng không ít người học chẳng được, bị đuổi học hay tự ý bỏ học. Đối với những trường hợp này, việc lấy tên đặt cho cơ sở giáo dục, kinh đô của tri thức, tư tưởng, sẽ gây tác dụng phụ. Hậu quả của việc đặt nhầm đối tượng trong bối cảnh văn hóa sẽ gây nhiều loạn về giá trị và bài học rút ra từ những tấm gương trở thành hình ảnh phản chiếu trái ngược so với sự thực lịch sử.

Trong thang giá trị, không phải giá trị nào cũng có khả năng vươn tới phổ biến, phổ quát. Nếu đặt nhầm bối cảnh, đối tượng, danh hiệu cao quý có nguy cơ bị trượt giá. Theo đó, những danh hiệu như Anh hùng, Chiến sĩ... đã nằm chông chênh giữa những chủ thể khác biệt. Xuất phát bởi những giá trị được tôn vinh vào thời chiến vẫn tiếp tục phổ biến trong thời bình, nên những danh hiệu này đã gặp phải thách thức khắc nghiệt của thời gian. Lịch sử giống như một dòng chảy liên tục, sự thay đổi văn hóa tạo nên những biến chuyển nhịp nhàng cùng đời sống; các giá trị trên tự thân đã gặp trở ngại của hàng rào nhân văn. Thuộc tính nhân văn đặt ra nội hàm, ý nghĩa mới mà chúng đã chạm vào giới hạn. ■



Nguồn: farm.vtc.vn



Chính tả, làm toán, tập đọc

CAO HUY HÓA

Không ngờ bà Bộ trưởng Bộ Giáo dục Pháp đã đánh thức đầu óc tôi trở về thời học tiểu học tại thị xã nhỏ bé Quảng Trị. Đứa con nít là tôi hồi đó, đi học với đầu trần, chân đất, quần đùi, mùa mưa thì đường bùn lầy trơn trượt, mùa nắng thì ve kêu phượng nở trên đầu, lớp học thì có lớp đằng hoàng mà cũng có lớp tạm mượn nhà dân, riêng thầy cô thì chỉnh tề, trang nghiêm, cô giáo lại thêm nét dịu dàng; thế rồi năm năm trôi qua, đậu bằng tiểu học thì mình lớn thấy rõ, về hành vi đạo đức, về thói quen học tập, và nhất là về kiến thức. Tôi không nghe ai nói về chuẩn kiến thức của bậc tiểu học khi đó, nhưng hầu như ai cũng nghĩ rằng, trình độ tiểu học là: viết đúng chính tả đoạn văn đơn giản, làm được 4 phép tính cộng trừ nhân chia và các bài toán đơn giản, và viết bài luận ngắn chủ đề thông thường trong đời sống.

Càng về sau, giáo dục càng tiên tiến, kiến thức khoa học được cập nhật, phương pháp sư phạm được nâng

cao, phương tiện dạy học gắn với tiến bộ kỹ thuật, với sự trợ giúp của truyền thông, của Internet, giáo trình rất phong phú và hấp dẫn, trường lớp thì to lớn, đạt chuẩn..., nhưng trình độ căn bản của học sinh không vững vàng, trái lại, không ít dư luận buồn lòng về học sinh, sinh viên không viết nổi đoạn văn, viết tiếng Việt phạm nhiều lỗi, không tự tin về toán, chưa thấm nhuần thói quen tự học tập...

Bây giờ, nói đến chuyện hạn chế của giáo dục phổ thông nước ta thì chỉ tô thêm màu xám, dư luận đã phê phán nhiều, tuy nhiên không phải chỉ ở nước ta mà ở đâu cũng thế, sự lo lắng cho trình độ học sinh là phổ biến, ngay cả ở nhiều nước tiên tiến trên thế giới. Giới chức có thẩm quyền về giáo dục và những người quan tâm đến xây dựng thể hệ trẻ đều đánh giá "sản phẩm" giáo dục, liệu người học qua mỗi cấp bậc có kết quả như thế nào, có xứng đáng với kỳ vọng của xã hội, có đáp ứng được nhiệm vụ của thời đại mới ngày càng đòi

hỏi cao hay không. Vì thế, chương trình giáo dục chỉ có tính ổn định tương đối, và cải cách luôn luôn là đòi hỏi canh cánh bên lòng của những nhà giáo dục.

Trong tinh thần đó, Hội đồng tối cao về cải cách chương trình giáo dục của Pháp đã phổ biến lần thứ hai và lần cuối chương trình cải cách. Trong một diễn đàn trên báo *Le Monde* và trong một cuộc phỏng vấn trên đài Europe 1, bà Bộ trưởng Bộ Giáo dục Quốc gia Pháp Najat Vallaud Belkacem đã công khai nội dung của lần “tái tạo nền móng nhà trường” này, sau khi đã tiếp thu ý kiến rộng rãi của dư luận và của các nhà giáo.

Thật không ngờ, thời đại khoa học kỹ thuật tiến xa đến tận đâu đâu, mà bà Bộ trưởng lại đề cập đến những chuyện thông thường... như thời tôi đi học tiểu học!

Những kiến thức căn bản làm chủ chương trình

Trước hết, những kiến thức căn bản phải thống trị trong chương trình. “Lợi ích của những chương trình mới này là bảo đảm những kiến thức căn bản phải được học sinh tiếp thu vững chắc” bà Bộ trưởng nhấn mạnh. Ở bậc tiểu học “*học sinh phải trải qua hàng ngày một bài chính tả, phép toán tính nhẩm và bài tập đọc, tất cả đều bắt buộc*”. Những việc này được thực hiện ngay từ lớp CP (tương đương lớp 1 Việt Nam). Bà đã nhấn mạnh tầm quan trọng của tính nhẩm, là “rất quan trọng để học sinh tự hướng dẫn trong việc tự động hóa những phản xạ, và phép tính nhẩm là một trong những phản xạ mà con người cần có”. Về luyện viết ở trung học, bà nêu yêu cầu học sinh lớp 5 (tương đương lớp 7 VN) phải viết đúng một bài từ 500 đến 1.000 ký tự, học sinh lớp 4 và lớp 3 (tương đương lớp 8 và lớp 9 VN) phải viết đúng một bài từ 2.000 đến 3.000 ký tự. Theo bà Bộ trưởng, cần đặt tin tưởng vào “phương pháp sư phạm biết hướng dẫn trẻ hàng ngày và cho trẻ lặp đi lặp lại” để có thể củng cố “những kiến thức đơn giản nhất trước khi phát triển những kiến thức phức tạp hơn.”

Ngôn ngữ Pháp là ưu tiên hàng đầu

“Tôi mong rằng ở nhà trường sơ cấp (từ lớp 1 đến lớp 3), cần nhiều hơn 10 giờ Tiếng Pháp trong một tuần, còn 10 giờ khác dành cho các môn khác. Học sinh không thể rời trường học mà không làm chủ được ngôn ngữ Pháp”, bà Bộ trưởng kỳ vọng như thế.

Một cách dạy tuần tự nhi tiến

Mục tiêu của cải cách là phải để ý đến những khái niệm không nên được đề cập quá sớm, để có sự điều chỉnh. Bà Bộ trưởng lấy ví dụ về phép chia, được dạy ở lớp CE2 (tương đương lớp 3 VN) nhưng thầy cô giáo cho rằng quá phức tạp. Trong lần xét lại mới nhất, Hội đồng tối cao về chương trình dự kiến rằng phép chia phải được dạy từ lớp CM1 (tương đương lớp 4 VN). “Mỗi sự luyện tập phải được đề cập đúng lúc và theo cách lặp đi lặp lại”, bà Bộ trưởng nhấn mạnh.

Chương trình môn Lịch sử cần sửa đổi

Vào kỳ khai giảng này, bà Bộ trưởng mong làm lắng dịu những tranh luận bằng cách trở về một vài điểm gây bức bối cho nhiều nhà trí thức và nhà giáo, đặc biệt về chương trình môn Lịch sử. Như vậy, sự phân biệt giữa những thời kỳ lịch sử “bắt buộc” và “nhiệm ý” bị bãi bỏ. “Học sinh phải học tất cả”. Trong một phiên bản mới nhất, Hội đồng tối cao về cải cách chương trình đề nghị một chủ đề mới cho lớp 5 (tương đương lớp 7 VN): “Đạo Cơ Đốc và đạo Hồi, hai thế giới tiếp xúc với nhau”. Bà Bộ trưởng cho biết thêm: “Những chương trình lịch sử theo niên đại củng cố cách dạy không tôn giáo về sự kiện tôn giáo”.

Hệ thống cho điểm từ 0 đến 20 vẫn tồn tại

“Bà Bộ trưởng xác nhận “Điểm 0 vẫn còn đó” không như dự đoán của đài Europe 1 cho rằng hệ thống cho điểm từ 0 đến 20 kết thúc. “Hệ thống cho điểm này không bao giờ là vấn đề cần xem lại và nó vẫn thế” Thông tin lệch như thế là từ đâu? “Những nhà quan sát không kiên nhẫn xem cải cách của sự đánh giá”. Bà giải thích rõ hơn: “Điều mà chúng tôi làm việc, đó là đánh giá cái nền chung của những năng lực hiểu biết và rèn luyện, có nghĩa rằng tất cả những thứ đó sẽ là cơ sở chính yếu vào cuối thời gian học bắt buộc ở trường” (Ở Pháp, trẻ phải được giáo dục tại nhà trường ít nhất là hết phổ thông cơ sở). Đó đang là vấn đề của một hệ thống đánh giá theo thang điểm từ 1 đến 5 để đánh giá năng lực của học sinh 15 tuổi, vào cuối thời gian học bắt buộc ở trường.

Những công bố về cải cách chương trình của bà Bộ trưởng Bộ Giáo dục Pháp không phải là những gì to tát, nhưng là những phương án cần thiết để gia cố nền móng cho giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, từ đó đưa học trò nắm được vững vàng những kiến thức và kỹ năng căn bản, rồi vững bước đi tiếp trên con đường học vấn. Trong khi quá nhiều người nhấn mạnh đến những phương tiện điều kỳ trong học tập, như máy chiếu, máy vi tính, máy tính bảng, bảng thông minh, phần mềm dạy học... mà xem nhẹ chuyện viết chính tả, làm luận, làm toán – cần gì, máy làm nhanh như điện! – thì giáo dục Pháp vẫn trở về với chuyện muôn thuở và thấy cần làm tốt hơn, đó là: học sinh bậc tiểu học Pháp phải viết được tiếng mẹ đẻ, viết được câu văn và bài văn đơn giản, làm cho được các phép toán cộng trừ nhân chia.

Chuyện muôn thuở đó, tôi đã nhớ vì tôi đã học, thời cách đây hơn 60 năm, tại ngôi trường tiểu học thị xã Quảng Trị! ■

Tài liệu sử dụng:

Najat Vallaud-Belkacem veut «une dictée, du calcul et de la lecture tous les jours», bài báo trên *Le Figaro.fr* ngày 18/9/2015.



NGUYỄN ANH

Như mái nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào;
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập.¹

*Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến.²*

Đó là lý do đạo Phật nhấn mạnh đến tâm và khuyên nhắc mọi người nỗ lực tu tâm.

Tâm không tu nghĩa là không chú ý nhận biết tâm ý mình sinh khởi và diễn biến thế nào, cứ để mặc cho nó vận hành theo thói quen, không quan tâm phòng hộ, uốn nắn, giáo dục, không tập cho nó rời bỏ các lẽ thói bất chánh xấu ác và tập cho nó quen dần với lẽ lối chân chánh hiền thiện. Tham dục hay nói rộng hơn là tham-sân-si, là tập khí ô nhiễm tiềm tàng trong mỗi chúng sinh; khi gặp điều kiện thuận hợp thì chúng dấy khởi và vận hành gắn liền với dòng chảy của tâm thức, gọi là

dục tầm, sân tầm, hại tầm hay dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy, trở thành năng lực chi phối tâm, khiến cho tâm bị ô nhiễm, mê mờ, không thanh tịnh, không sáng suốt, trở nên dao động, quay cuồng, không vắng lặng, không an trú, không định tĩnh. Như vậy gọi là tâm không tu, bị tham dục xâm nhập, không được điều phục, quay cuồng theo các dục, rơi vào phiền não, không đưa đến an lạc. Vì người mà tâm bị tham dục hay tham-sân-si chi phối thì mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm sẽ trở nên mê lầm, sai trái, xấu ác và đưa đến khổ đau³.

Trái lại, tâm có tu tức là có chú tâm nhận biết tâm ý sinh khởi và vận hành thế nào, có nỗ lực phòng hộ, uốn nắn, định hướng, giáo dục, khiến cho tâm thức không bị tham dục hay tham-sân-si làm cho ô nhiễm, gọi là ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm hay ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy, vận hành theo chiều hướng trong sáng, thanh tịnh, có khả năng đạt đến an tịnh, định tĩnh, nhất tâm. Cái tâm mà được nhận diện, uốn nắn, làm cho trong sáng như vậy thì gọi là tâm có tu tập, được điều phục, không còn quay cuồng theo các dục, được an tịnh, không phiền não, đưa đến an lạc. Người mà có

tâm ý trong sạch, không bị tham-sân-si chi phối, thì mọi ý nghĩ, lời nói và việc làm đều trong sáng, chân chánh, hiển hiện, đưa đến an lạc⁴.

Theo Tôn giả Sàriputta thì căn bản của việc tu tâm nằm ở chỗ con người có chú ý nhận biết và xem xét tâm mình hay không. Vì nếu có chú tâm xem xét thì mới thấy rõ tâm mình thế nào để mà nỗ lực uốn nắn hay điều chỉnh; không quan tâm xem xét thì không có cơ hội để nhiếp phục hay tu tập. Tôn giả dùng hình ảnh bốn hạng người để gợi ý về cách thức tu tâm, đồng thời nêu rõ hệ quả phiến toái của việc bỏ mặc tâm thức và kết quả lợi lạc của việc chú tâm tu tập tâm ý:

1. Hạng người thứ nhất không quan tâm nhận diện tâm mình thế nào nên tâm bị chìm đắm trong cấu uế mà không hay biết và do vậy không bao giờ nỗ lực làm trong sạch nội tâm.

2. Hạng thứ hai có chú tâm xem xét tâm mình nên biết rõ tâm có cấu uế và cố gắng tẩy sạch các cấu uế nội tâm.

3. Hạng thứ ba không chú tâm nhận biết tâm mình nên dù cho nội tâm không có cấu uế, vì ấy để cho tâm mình trở thành cấu uế vì tư niệm tịnh tướng (nghĩ nhớ đến các đối tượng hấp dẫn khiến tham dục dấy khởi và tăng trưởng).

4. Hạng người thứ tư thường xuyên theo dõi tâm mình, biết rõ nội tâm không có cấu uế và biết cách giữ cho tâm không rơi vào cấu uế, tức không tư niệm tịnh tướng (không nghĩ nhớ đến các đối tượng hấp dẫn khiến tham dục dấy khởi và tăng trưởng).

Nguyên văn lời Tôn giả Sàriputta:

“Này chư Hiền, ở đời có bốn hạng người. Thế nào là bốn?”

Chư Hiền, ở đây, có hạng người có cấu uế, nhưng không như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta có cấu uế.’

Lại nữa chư Hiền, ở đây, có hạng người có cấu uế, và như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta có cấu uế.’

Lại nữa chư Hiền, ở đây có hạng người không có cấu uế, nhưng không như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta không có cấu uế.’

Lại nữa, chư Hiền, ở đây, có hạng người không có cấu uế, và như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta không có cấu uế.’

Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta có cấu uế.’ Trong hai hạng người có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người hạ liệt. Chư Hiền, ở đây, hạng người có cấu uế và như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta có cấu uế.’ Trong hai hạng người có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người ưu thắng. Chư Hiền, ở đây, có hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta không có cấu uế.’ Trong hai hạng người không có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người hạ liệt. Chư Hiền, ở đây, hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta không có cấu uế.’ Trong hai hạng người không có cấu uế, hạng người này vì vậy được gọi là hạng người ưu thắng.”

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Mahamoggallana (Đại Mục-kiền-liên) nói với Tôn giả Sàriputta:

“Tôn giả Sàriputta, do nhân gì, do duyên gì, trong hai hạng người có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng? Tôn giả Sàriputta, do nhân gì, do duyên gì trong hai hạng người không có cấu uế này, một hạng người được gọi là hạ liệt, một hạng người được gọi là ưu thắng?”

“Ở đây, Hiền giả, hạng người có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta có cấu uế.’ Với người này, có thể chờ đợi như sau: ‘Người này sẽ không khởi lên ước muốn, sẽ không cố gắng, sẽ không tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ tử trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm.’ Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian càng ô nhiễm hơn, càng đầy bụi bặm hơn.

Ở đây, này Hiền giả, hạng người có cấu uế, và như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta có cấu uế.’ Với người này, có thể chờ đợi như sau: ‘Người này sẽ khởi lên ước muốn, sẽ cố gắng, sẽ tinh tấn để diệt trừ cấu uế ấy. Người này sẽ tử trần, trong khi không còn tham, không còn sân, không còn si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm.’ Này Hiền giả, giống như cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, phủ đầy bụi bặm, và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian được thanh tịnh hơn, được sạch sẽ hơn.

Ở đây, này Hiền giả, hạng người không có cấu uế nhưng không như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta không có cấu uế.’ Với người này, có thể chờ đợi như sau: ‘Người này sẽ tư niệm tịnh tướng. Do tư niệm tịnh tướng, tham sẽ làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ tử trần, trong khi còn có tham, còn có sân, còn có si, trong khi còn cấu uế, trong khi tâm còn ô nhiễm.’ Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ. Và người chủ cái bát ấy không dùng đến, không lau chùi và quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng ô nhiễm hơn, càng bụi bặm hơn.

Ở đây, này Hiền giả, hạng người không có cấu uế và như thật tuệ tri: ‘Nội thân ta không có cấu uế.’ Với người này có thể chờ đợi như sau: ‘Người này sẽ không tư niệm tịnh tướng. Do không tư niệm tịnh tướng, tham sẽ không làm ô nhiễm tâm của người này. Người này sẽ tử trần, trong khi không có tham, không có sân, không có si, trong khi không còn cấu uế, trong khi tâm không còn ô nhiễm.’ Này Hiền giả, giống như một cái bát bằng đồng, mang từ chợ về hay mang từ nhà thợ rèn về, thanh tịnh và sạch sẽ và người chủ cái bát ấy dùng đến, lau chùi và không quăng cái bát ấy vào chỗ đầy bụi bặm. Này Hiền giả, như vậy cái bát ấy, sau một thời gian, càng được thanh tịnh hơn, càng được sạch sẽ hơn.

Này Hiền giả Moggallana, do nhân này, do duyên này, trong hai người không có cấu uế này, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng. Này Hiền giả Moggallana, do nhân này, do duyên này, trong hai người không có cấu uế này, một người được gọi là hạ liệt, một người được gọi là ưu thắng¹⁵.

Như vậy, người không tu tâm được gọi là hạ liệt vì không nhận biết chính mình, không tỉnh thức, không nỗ lực làm trong sạch các cấu uế nội tâm, cứ để cho tham dục hay tham-sân-si có cơ hội đeo bám và làm hoen ố tâm thức. Người ấy được xem là chứa đầy bất tịnh xấu ác bên trong, khiến người hiền trí cảm thấy ghê tởm, dù bên ngoài cố trang điểm cho thật đẹp. Trái lại, người có tâm tu tập thì được gọi là ưu thắng vì thường xuyên nhận biết tâm mình, luôn luôn tỉnh giác, biết nỗ lực làm trong sạch các cấu uế nội tâm và biết phòng hộ tâm thức, không để cho tham dục hay tham-sân-si có điều kiện dấy khởi và xâm nhập. Người ấy được biết là đồ đầy thanh tịnh hiền thiện bên trong, khiến người hiểu biết luôn cảm thấy mến yêu, dù không chú ý nhiều đến hình thức bên ngoài.

Cũng theo lời Tôn giả Sàriputta thì tâm cấu uế tức là cái tâm đồ đầy các bất thiện pháp đưa đến phiền não khổ đau như tham dục, sân hận, phần nộ, hiềm hận, giả dối, náo hại, tật đố, xan tham, man trá, phần bội, ngoan cố, bông bột, mạn, quá mạn, kiêu căng, phóng dật¹⁶. Chính vì vậy mà để dứt trừ phiền não khổ đau thì cần phải chú ý xem xét và nỗ lực tu tâm, phải tẩy rửa tâm khỏi các cấu uế, phải giữ cho tâm luôn luôn trong sáng, hiền thiện, không để cho nó rơi vào cấu uế, bất thiện. Kinh *Ví dụ tấm vải* xác nhận vị Tỳ-kheo nào chú tâm nhận diện và nỗ lực đoạn trừ các cấu uế của tâm thì đạt được nhiều lợi ích tiến bộ lớn trong lộ trình tu tập hướng đến đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt hoàn toàn khổ đau:

“Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: ‘Tham dục, tà tham là cấu uế của tâm’ và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ tham dục, tà tham, cấu uế của tâm; nghĩ rằng: ‘Sân là cấu uế của tâm’ và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ sân, cấu uế của tâm; phần... hận... hư ngụy... náo hại... tật đố... xan tham... man trá... khi cuồng... ngoan cố... cấp tháo... mạn... quá mạn... kiêu; nghĩ rằng: ‘Phóng dật là cấu uế của tâm’ và sau khi biết vậy, vị ấy đoạn trừ phóng dật, cấu uế của tâm... Đối với vị ấy có sự từ bỏ, có sự diệt trừ, có sự giải thoát, có sự đoạn trừ, có sự xả ly. Vị ấy thành tựu lòng tin tuyệt đối đối với Phật, Pháp, Tăng, chứng được nghĩa tín thọ, pháp tín thọ, chứng được hân hoan liên hệ đến pháp, từ hân hoan, hỷ sanh, từ hỷ thân được khinh an; thân khinh an, cảm giác được lạc thọ; với lạc thọ, tâm được Thiền định.”¹⁷

Trong kinh *Tư lượng*, Tôn giả Mahà Moggallāna chỉ rõ cho các Tỳ-kheo cách thức tu tâm, làm sạch các cấu uế nội tâm như sau:

“Chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo cần phải quán sát tự ngã với tự ngã như sau: ‘Không biết ta có ác dục, có bị ác dục chi

phối không?’ Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta có ác dục và bị ác dục chi phối’, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta không có ác dục, không bị ác dục chi phối’, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học các thiện pháp.

Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo phải quán sát tự ngã với tự ngã như sau: ‘Không biết ta có khen mình chê người hay không? Ta không khen mình chê người... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có phần nộ, bị phần nộ chi phối không...? Ta không có phần nộ, không bị phần nộ chi phối... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có phần nộ, vì phần nộ làm nhân, trở thành có hiềm hận không...? Ta không có phần nộ, không vì phần nộ làm nhân, trở thành người hiềm hận... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có phần nộ làm nhân, trở thành người cố chấp...? Ta không có phần nộ, không vì phần nộ làm nhân, trở thành người cố chấp... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có phần nộ, thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ...? Ta không có phần nộ, không thốt ra những lời liên hệ đến phần nộ... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chống đối vị đã buộc tội ta...? Ta bị buộc tội, ta không trở lại chống đối vị đã buộc tội ta... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chỉ trích vị đã buộc tội ta...? Ta bị buộc tội, ta không trở lại chỉ trích vị đã buộc tội ta... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có trở lại chất vấn vị đã buộc tội ta...? Ta bị buộc tội, ta không trở lại chất vấn vị đã buộc tội ta... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có tránh né vấn đề với một vấn đề khác, trả lời ra ngoài vấn đề, để lộ phần nộ, sân hận, bất mãn của ta...? Ta bị buộc tội, ta không tránh né vấn đề với một vấn đề khác, không trả lời ngoài vấn đề, và ta không để lộ sự phần nộ, sân hận và bất mãn của ta... các thiện pháp.

Lại nữa... Ta bị buộc tội, không biết ta có giải thích thỏa mãn hành động của ta cho vị buộc tội biết...? Ta bị buộc tội, Ta có giải thích thỏa mãn hành động của ta cho vị buộc tội biết... các thiện pháp.

Lại nữa, không biết ta có hư ngụy và náo hại...? Ta không có hư ngụy và náo hại... các thiện pháp.

Lại nữa, không biết ta có tật đố và xan tham...? Ta không có tật đố và xan tham... các thiện pháp.

Lại nữa, không biết ta có khi cuồng và lường gạt...? Ta không có khi cuồng và lường gạt... các thiện pháp.

Lại nữa... không biết ta có ngoan mê và quá mạn...? Ta không có ngoan mê và quá mạn... các thiện pháp.”

Lại nữa, chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo cần phải quán sát tự ngã như sau: ‘Không biết ta có chấp trước thế tục, cố chấp tư kiến, tánh khó hành xả không?’ Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta có chấp trước thế tục, cố chấp tư

kiến, tánh khó hành xả, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ những ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán sát và biết rằng: ‘Ta không chấp trước thể tục, không cố chấp tư kiến, tánh dễ hành xả, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp.

Chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỳ-kheo thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn trừ trong nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo trong khi quán sát thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp đã được đoạn trừ trong nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp.

Chư Hiền, ví như một phụ nữ hay một đàn ông trẻ tuổi, trong tuổi thanh xuân, tánh ưa trang điểm, tự quán sát mặt mày của mình trong một tấm kính sạch sẽ và trong suốt, hay trong một bát nước trong sáng. Nếu người ấy thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình, thì người ấy tinh tấn đoạn trừ bụi bặm hay cấu uế ấy. Nếu người ấy không thấy bụi bặm hay cấu uế trên mặt mình, thì người ấy sẽ hoan hỷ nghĩ rằng: ‘Thật sự ta được điều tốt đẹp; thật sự ta được thanh tịnh’. Cũng vậy chư Hiền, nếu trong khi quán sát, Tỳ-kheo thấy rõ rằng tất cả các ác, bất thiện pháp chưa được đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy cần phải tinh tấn đoạn trừ các ác, bất thiện pháp ấy. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo trong khi quán sát thấy rõ rằng các ác, bất thiện pháp đã được đoạn trừ ở nội tâm, thì chư Hiền, Tỳ-kheo ấy phải sống với tâm niệm hoan hỷ, ngày đêm tu học thiện pháp⁹.

Như vậy, cứ theo kinh nghiệm của các bậc tự điều thì con người phải thường xuyên nhìn vào chính mình để xem xét, tự vấn xem mình có các cấu uế hay không để mà nỗ lực tẩy rửa tâm thức, làm sạch các cấu uế nội tâm. Chỉ có chú tâm làm như thế thì mới nhận biết tâm mình thế nào, có bị tham dục hay tham-sân-si xâm nhập và chi phối hay không, có vận hành theo dục tâm, sân tâm, hại tâm hay không, sau đó mới học cách uốn nắn, chế ngự, làm trong sạch nội tâm. Bởi tâm là nhân tố dẫn dắt và chi phối lối sống của con người; mỗi mỗi hành vi mà con người thể hiện ra bên ngoài, hoặc tốt hoặc không tốt, hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc đưa đến khổ đau hoặc mang lại an lạc, đều xuất phát từ nội tâm, đều là hệ quả vận hành của tâm thức; vì vậy tâm có tính chất quyết định đối với vấn đề khổ đau hay hạnh phúc của con người. Chính vì vậy mà đạo Phật nhấn mạnh đến việc tu tâm, quan tâm khuyên nhắc mọi người nỗ lực làm trong sạch và trong sáng nội tâm. Vì nếu với tâm ô nhiễm mà nói năng hay hành động thì theo đó khổ não sẽ đi theo người ấy, giống như cỗ xe lăn theo bước chân con bò kéo xe. Nhưng nếu với tâm trong sạch mà nói năng hay hành động thì an lạc sẽ đi theo người ấy, như bóng không rời hình vậy⁹.

Nhìn chung, với người học Phật thì tu tâm hay nỗ lực làm trong sạch và trong sáng nội tâm là công việc hết sức quan trọng nhưng khó làm, cần phải kiên trì học



tập, hành tập nhiều lần và lâu bền thì mới có được kết quả tốt đẹp. Quan trọng vì tâm là gốc sanh ra các pháp, là nhân tố quyết định hạnh phúc hay khổ đau của con người. Khó làm vì tâm không hình tướng, khó nhận biết, thay đổi nhanh chóng, biến thái thường xuyên theo duyên ngoại cảnh. Tâm quan trọng nhưng khó nắm bắt như thế nên việc học tập cách nhận biết, phòng hộ, uốn nắn, điều chỉnh và định hướng phát triển cho tâm thức luôn luôn là công việc vất vả, khó làm, đòi hỏi nhiều thời gian và nghị lực, chỉ những ai ít ham muốn, tinh táo và kiên nhẫn mới làm được; người nhiều tham dục, vọng động và thiếu nhẫn nại thì khó kham nhẫn việc tu tâm. Người con Phật suốt đời lặng lẽ làm mọi việc công đức và cần mẫn trong nếp sống hành trì các pháp môn tu tập, cốt yếu là tập tu tâm. Vì họ nhận thức được tầm quan trọng của tâm trong đời sống hàng ngày. Tâm có tu thì mọi việc thanh thản. Tâm không tu thì lợi bất cập hại. Chữ “tài” thì học vài ba năm đôi khi đã hiện rõ nhưng chữ “tâm” thì tập suốt đời chưa chắc đã nhận ra. Nhưng tài ít khi đi đôi với tâm. Tài thường lẫn lút và bỏ quên tâm. Có tài mà không có tâm thì hư hỏng nhiều việc. Vì thế mà Tổ Như mới gởi gắm tâm sự:

Có tài mà cậy chi tài...

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. ■

Chú thích:

1. Pháp Cú, kệ số 13.
2. Pháp Cú, kệ số 35.
3. Kinh Channa, *Tăng Chi Bộ*.
4. Kinh Channa, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh Vô uế, *Trung Bộ*.
6. Kinh Thừa tự Pháp, *Trung Bộ*.
7. Kinh Ví dụ tấm vải, *Trung Bộ*.
8. Kinh Tư lượng, *Trung Bộ*.
9. Kinh Pháp Cú, kệ số 1-2.



Hạnh Phổ Hiền

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Để ngộ nhập pháp giới, *kinh Hoa Nghiêm* nói nhiều về hạnh Phổ Hiền, hạnh trùm khắp pháp giới, không hờ sót một vi trần, một niệm. Hạnh Phổ Hiền là hạnh khắp pháp giới, nó cũng chính là pháp giới. Một pháp giới mà mỗi vi trần, mỗi khoảnh khắc đều thiêng liêng, vi diệu, không thể nghĩ bàn.

Phổ Hiền (Samantabhadra, All Good) có nghĩa là toàn thiện, viên mãn. Toàn thiện, viên mãn trong mỗi phần tử vi trần, mỗi niệm và nơi toàn thể pháp giới. Toàn bộ *kinh Hoa Nghiêm* nói lên con đường tu hành của Bồ-tát Phổ Hiền. Đồng tử Thiện Tài là một hành giả đi trên con đường ấy để nhập pháp giới, cuối cùng có đầy đủ cái thấy biết của một vị Phật.

Ở đây chúng ta nói theo ba phần Nền tảng, Con đường, và Quả. Nền tảng là pháp giới, tức Phật Tỳ-lô-giá-na, tức thân tâm của Bồ-tát Phổ Hiền. Con đường khởi từ pháp giới và đi trong pháp giới. Quả là cái thấy

biết viên mãn pháp giới. Ở nơi hành giả thì có bốn: *Cái thấy* được nền tảng, *Tham thiền* về cái Thấy ấy; *Hạnh* là sống cái thấy ấy bằng tất cả thân tâm; và *Quả* là thân tâm mình là một với tất cả pháp giới.

Con đường bắt đầu bằng phát nguyện. Trong phẩm *Phổ Hiền tam muội*, thứ 3, tất cả chư Phật mười phương nói với Đại Bồ-tát Phổ Hiền:

“Lành thay, lành thay! Này Thiện nam tử! Ông có thể nhập tam muội ‘Nhất thiết chư Phật Tỳ-lô-giá-na Như Lai tạng thân’ này. Này Phật tử! Đây là mười phương tất cả chư Phật đồng gia hộ cho ông, do bởi nguyện lực của Như Lai Tỳ-lô-giá-na, mà cũng do nguyện lực tu tập tất cả Phật hạnh của ông.

Ông có thể chuyển pháp luân của chư Phật, khai hiển biển trí huệ của chư Phật, chiếu khắp những biển sai khác ở mười phương không sót, khiến chúng sanh trừ mê lầm và phiền não được thanh tịnh, nhiếp khắp tất cả quốc độ không chấp trước, thâm nhập cảnh giới

chư Phật không chướng ngại, hiển bày công đức chư Phật, vào được thật tướng của các pháp, thêm lớn trí huệ, quán sát tất cả pháp môn, rõ biết căn cơ tất cả chúng sanh, hay thọ trì giáo văn của tất cả chư Phật”.

Cái thấy Phật Tỳ-lô-giá-na hay pháp giới Hoa Nghiêm là cái thấy khắp, như của Bồ-tát Phổ Nhân trong phẩm Thập Định thứ 27:

*Thân Phật đầy khắp nơi pháp giới
Hiện khắp trước tất cả chúng sanh
Tùy duyên phó cảm đều khắp cùng
Mà hằng ở tòa Bồ-đề này.
Trong mỗi chân lông của Như Lai
Tất cả sát trần chư Phật ngồi
Chúng hội Bồ-tát cùng vây quanh
Diễn nói thắng hạnh của Phổ Hiền.*

...

*Bồ-tát trong hội này
Vào Phật địa khó lường
Mỗi mỗi đều được thấy
Thần lực của chư Phật.
Trí thân khắp vào được
Tất cả vi trần cõi
Thấy thân ở trong đó
Thấy khắp các Đức Phật
Như bóng hiện các cõi...
Phổ Hiền các hạnh nguyện
Tu tập đã sáng sạch
Có thể tất cả cõi
Thấy khắp Phật hiện tiền.*

(Phẩm Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Khi thấy được pháp giới tức là sự hiện thân của Phật, tiến trình làm quen, duy trì cái thấy ấy, làm cái thấy ấy thêm sâu rộng, gọi là *tham thiền*. Tham thiền gồm thiền Chỉ (an trụ) và thiền Quán, và cả hai thực hành đồng thời là Thiền.

Chỉ, Quán, Thiền là để nhập vào tam muội (Samadhi, Chánh định). Khi đã quen với tam muội, mới thấy rằng đây là cái tam muội đã có sẵn, pháp giới vốn thường định như vậy, pháp giới vốn là Hải Ấn tam muội như vậy. Hải Ấn tam muội không do nhập định mà có, đó là trạng thái bình thường tự nhiên của pháp giới. Cái thấy pháp giới Hoa Nghiêm ở đâu cũng có, thời gian nào cũng có, đó là Chánh định tự nhiên bình thường của pháp giới Tỳ-lô-giá-na. Hải Ấn tam muội là nền tảng hiển hiện vũ trụ.

Chúng ta trích ra một đoạn trong phẩm *Phổ Hiền tam muội*, thứ 3:

*Chân Như bình đẳng tạng hư không
Pháp thân của ngài đã nghiêm tịnh
Tất cả cõi Phật trong chúng hội
Phổ Hiền ở khắp nơi trong đó.
Quang minh công đức bậc trí hải
Chiếu khắp mười phương đều được thấy
Công đức Phổ Hiền biến rộng lớn*

Qua khắp mười phương gần gũi Phật.

Tất cả vi trần có các cõi

Đều đến ở kia mà hiện rõ

Phật tử chúng tôi thường thấy ngài

Gần gũi tất cả chư Như Lai

Trụ trong tam muội cảnh chân thật

Số kiếp vi trần, tất cả cõi...

Biến cả chúng sanh đều tế độ

Pháp giới vi trần đều vào cả

Vào nơi pháp giới tất cả trần

Thân đó vô tận không sai khác

Ví như hư không đều cùng khắp

Diễn nói Như Lai pháp rộng lớn.

Hạnh: là mọi hành động, hoạt động Bồ-tát, sanh khởi từ Từ Bi, mở rộng khắp cả và sâu cho đến từng vi trần, từng niệm để tương ưng, hòa nhập trọn vẹn với pháp giới. Thân, ngữ, ý của hành giả niệm niệm tương ưng với nền tảng pháp tánh:

“Thân ngữ ý luôn luôn hiện hành theo trí huệ”.

(Phẩm Thập địa, thứ 26)

Trong phẩm *Phổ Hiền hạnh*, thứ 36, “lược nói ít phần cảnh giới của Như Lai”:

“Đại Bồ-tát Phổ Hiền nói: Chư Phật tử! Nếu Bồ-tát sanh lòng sân với Bồ-tát khác thì liền sanh ra trăm vạn chướng ngại...”

Chư Đại Bồ-tát muốn mau đầy đủ hạnh Bồ-tát thì phải chuyên cần siêng tu mười pháp:

Một là tâm chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh.

Hai là đối với chư Bồ-tát xem như Phật.

Ba là chẳng bao giờ hủy báng giáo pháp nào của chư Phật.

Bốn là biết các quốc độ không có cùng tận.

Năm là sùng mộ sâu xa Bồ-tát hạnh.

Sáu là chẳng bỏ tâm Bồ-đề bình đẳng khắp pháp giới như hư không.

Bảy là quán sát Bồ-đề, nhập vào thần lực chư Phật.

Tám là siêng năng tu tập biện tài vô ngại.

Chín là giáo hóa chúng sanh không nhàm mỏi.

Mười là ở nơi tất cả thế giới tâm không nhiễm trước”.

Chư Đại Bồ-tát an trụ trong mười pháp này thì có thể đầy đủ mười thứ thanh tịnh. Tâm, hạnh thanh tịnh thì đầy đủ mười thứ trí rộng lớn:

“Chư Phật tử! Đại Bồ-tát trụ ở trong mười pháp này rồi thì đầy đủ mười trí rộng lớn:

Một là trí biết tâm hành của tất cả chúng sanh

Hai là trí biết nghiệp báo của tất cả chúng sanh

Ba là trí biết tất cả Phật pháp

Bốn là trí biết ý nghĩa thâm mật của tất cả Phật pháp

Năm là trí biết tất cả môn đà-la-ni.

Sáu là trí biết tất cả văn tự biện tài

Bảy là trí biết tất cả ngôn ngữ âm thanh biện luận thiện xảo của tất cả chúng sanh

Tám là trí hiện thân mình ở khắp tất cả thế giới
Chín là trí hiện ảnh tượng mình ở khắp trong tất cả
chúng hội đạo tràng.

Mười là trí đầy đủ Nhất thiết trí ở nơi tất cả chỗ thọ sanh".
Đầy đủ trí rộng lớn bao la như vậy thì được sự phổ
nhập, dung thông vô ngại với pháp giới:

"Chư Phật tử! Đại Bồ-tát trụ trong mười trí ấy thì
được mười thứ phổ nhập:

Một là tất cả thế giới vào một lỗ lông, một lỗ lông
vào tất cả thế giới.

Hai là tất cả thân chúng sanh vào một thân, một
thân vào tất cả thân chúng sanh.

Ba là tất cả kiếp vào một niệm, một niệm vào tất cả kiếp.

Bốn là tất cả Phật pháp vào một pháp, một pháp vào
tất cả Phật pháp.

Năm là bất khả thuyết chỗ vào một chỗ, một chỗ
vào bất khả thuyết chỗ.

Sáu là bất khả thuyết căn vào một căn, một căn vào
bất khả thuyết căn.

Bảy là tất cả căn vào phi căn, phi căn vào tất cả các căn.

Tám là tất cả tướng vào một tướng, một tướng vào
tất cả tướng.

Chín là tất cả ngôn âm vào một ngôn âm, một ngôn
âm vào tất cả ngôn âm.

Mười là tất cả ba thời vào một thời, một thời vào tất
cả ba thời".

Bồ-tát Phổ Hiền kết luận đoạn này:

""Chư Phật tử! Đại Bồ-tát nghe pháp này rồi đều phải
phát tâm cung kính thọ trì, vì Đại Bồ-tát thọ trì pháp
này ít tốn công sức mà mau được Vô thượng Chánh
đẳng Chánh giác, đều được đầy đủ tất cả Phật pháp,
đều đồng với chư Phật ba thời".

Chúng ta thấy, từ Bồ-tát hạnh bèn có mười thứ thanh
tịnh của tâm, tiếp đến có mười thứ trí rộng lớn bao la,
rồi có mười thứ phổ nhập, nghĩa là nhiếp và nhập khắp
pháp giới, tức là đi vào pháp giới sự sự vô ngại.

Hạnh Bồ-tát kết hợp trí huệ với từ bi trong hành
động. Nhờ sự kết hợp này hạnh Bồ-tát là hạnh đồng
nhất. Đồng với tất cả chúng sanh bằng lòng bi, đồng
với chư Phật bằng trí và bi, do đó đồng với tất cả pháp
giới bằng hạnh Phổ Hiền.

Với đức tin và nguyện, hạnh, người ta có thể tức thời
tương ưng với nguyện, hạnh của Bồ-tát Phổ Hiền cũng là
nguyện, hạnh của chư Phật, và như vậy thâm nhập pháp
giới Hoa Nghiêm, tức là biến trí huệ, biến công đức, biến
từ bi, biến đại nguyện, biến đại hạnh... của tất cả chư Phật.

Sau đây, chúng ta trích một đoạn trong bài kệ cuối
phẩm *Phổ Hiền hạnh*, để thấy hạnh, nguyện đưa đến
Quả, tức là cái Thấy viên mãn:

Tư duy phát nguyện này

Ta sẽ làm Thế Đẳng

Đầy đủ công đức Phật

Mười lực, nhất thiết trí.

Tất cả các chúng sanh

Quá nặng tham sân si

Ta sẽ đều cứu thoát

Khiến diệt khổ đường ác...

Thân nghiệp không chướng ngại

Ngữ nghiệp đều thanh tịnh

Ý hành cũng thanh tịnh

Ba đời đều vậy cả.

Bồ-tát tu như vậy

Rốt ráo đạo Phổ Hiền

Xuất sanh trí thanh tịnh

Chiếu khắp cả pháp giới...

Ở trong một vi trần

Đều thấy các thế giới

Chúng sanh nếu ai nghe

Mê loạn tâm nghi cuồng.

Như ở một vi trần

Tất cả trần cũng thế

Thế giới đều vào trong

Chẳng nghĩ bàn như vậy.

Trong mỗi trần đều có

Mười phương ba đời pháp

Trong mỗi trần đều có

Cõi loài đều vô lượng

Đều hay phân biệt hết

Trong mỗi trần đều có

Vô lượng những cõi Phật

Chứng loại đều vô lượng

Nơi một trần đều biết.

Con đường của Bồ-tát Phổ Hiền đi từ cái Thấy nền
tảng Phật tánh, qua tham thiền và hạnh, để thân ngữ ý
thanh tịnh, và rốt ráo đạo Phổ Hiền là Quả, chứng ngộ
pháp giới sự sự vô ngại. Pháp giới sự sự vô ngại này biểu
hiện trong tất cả vi trần và tất cả khoảnh khắc hay niệm:

Vô lượng vô số kiếp

Hiểu đó tức một niệm

Biết niệm cũng vô niệm

Như vậy thấy thế gian.

Bất khả thuyết những kiếp

Tức là một khoảnh khắc

Chẳng thấy dài hay ngắn

Rõ thấu pháp sát-na.

Tâm trụ nơi thế gian

Thế gian trụ nơi tâm

Nơi đây chẳng vọng khởi

Phân biệt hai, chẳng hai.

Chúng sanh, thế giới, kiếp

Chư Phật và Phật pháp

Tất cả như huyễn hóa

Pháp giới đều bình đẳng.

Ở khắp mười phương cõi

Thị hiện vô lượng thân

Biết thân từ duyên khởi

Rốt ráo không chỗ chấp.

Y nơi trí vô nhị
 Xuất hiện nhân sư tử
 Chẳng chấp pháp vô nhị
 Biết không hai, chẳng hai.
 Rõ biết các thể gian
 Như sóng nổi, như bóng
 Như vang cũng như mộng
 Như huyền, như biến hóa.
 Tùy thuận nhập như vậy
 Chỗ sở hành chư Phật
 Thành tựu trí Phổ Hiền.
 Chiếu khắp pháp giới sâu
 Chúng sanh, cõi, nhiễm trước
 Tất cả đều bỏ lại
 Mà khởi tâm đại bi
 Tịnh khắp các thể gian...

Tóm lại, hai cột trụ chính của Đại thừa là Trí huệ và Từ bi. Trí huệ và Từ bi được hiện thực hóa sâu và rộng nhờ Đại hạnh. Trí huệ là thấu rõ tánh Không, quang minh, như huyền. Hạnh giả dùng trí huệ thấu rõ để thâm nhập pháp giới chư Phật. Từ bi là tâm ôm trùm tất cả thể giới chúng sanh. Đến một lúc nào, cụ thể là từ Địa thứ Năm, Trí huệ và Từ bi bắt đầu thực sự nhập làm một, pháp giới giác ngộ của chư Phật và thế giới sanh tử của chúng sanh bắt đầu nhập thành một. Càng đi lên càng có sự hợp nhất để trở thành Pháp giới Nhất Tâm Sự sự vô ngại.

Sự thực hành Cái Thấy, Tham Thiển và Hạnh để tương ứng với pháp giới Hoa Nghiêm phải được làm trong từng niệm niệm, trong mỗi mỗi vi trần. Bởi vì pháp giới Hoa Nghiêm là cực kỳ vi tế, sự tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp ở cấp độ vi tế nhất, mà đơn vị là niệm niệm và vi trần. Mặc dù cực kỳ vi tế như vậy, nhưng pháp giới ấy vẫn xảy ra, hiện khắp, vì tất cả xảy ra trên nền tảng Chân Như hiện hữu khắp. Và hạnh của người tu là hạnh đồng với Chân Như, nghĩa là đồng với pháp giới hiện hữu khắp:

Ví như Chân Như khắp tất cả
 Bao trùm mọi thể gian như vậy
 Bỏ-tát dùng tâm hồi hướng này
 Đều khiến chúng sanh không chấp trước.
 Ví như tự tánh của Chân Như
 Bỏ-tát phát tâm cũng như vậy
 Chân Như ở đâu nguyện ở đó
 Dùng hạnh như vậy mà hồi hướng.
 Ví như tự tánh của Chân Như
 Trong đó chưa từng có một pháp
 Tự tánh chẳng đặc là chân tánh
 Đem hạnh như vậy mà hồi hướng.
 Như tướng Chân Như, hạnh cũng vậy
 Như tánh Chân Như, hạnh cũng vậy
 Như tánh Chân Như vốn chân thật
 Hạnh cũng như vậy đồng Chân Như. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
 Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
 Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
 Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
 Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
 PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
 Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
 Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo An : 12 cuốn/kỳ
 Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
 PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
 Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
 Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
 Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
 Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
 Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
 Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
 Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
 Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
 Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
 Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
 Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
 Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
 Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
 Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
 Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
 Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
 Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
 Lakin.com : 5 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
 Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
 Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
 Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
 Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
 Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
 Châu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
 Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
 BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
 Chị Tuyền,
 Cty TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
 Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
 Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
 BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
 Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
 Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
 Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
 Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
 Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
 Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
 Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
 Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
 Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
 Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
 Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
 Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
 Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
 Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
 PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
 Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
 Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

Sự thăng trầm của Phật giáo Việt Nam

TRƯƠNG HOÀNG MINH

Mặc dù chưa biết thời điểm chính xác vào lúc nào, nhưng theo các học giả và nhà nghiên cứu thì Phật giáo truyền đến nước ta từ rất sớm, khoảng hơn hai ngàn năm trước, trực tiếp từ Ấn Độ chứ không phải từ Trung Quốc. Trong thời Bắc thuộc ngót ngàn năm, dù có đạo Nho, đạo Lão và tín ngưỡng dân gian song hành, nhưng Phật giáo vẫn phát triển đều đặn và ngày càng lớn mạnh về cơ sở vật chất, kinh sách và Tăng sĩ. Thành Luy Lâu là trung tâm Phật giáo thời bấy giờ, kinh sách phong phú, người xuất gia tu hành theo các pháp môn Thiên tông, Tịnh Độ tông, Mật tông... khá đông, trong đó có nhiều cao tăng nổi tiếng. Rất tiếc là những việc này không được ghi chép trong các bộ chính sử mà chỉ được biết đến qua các tác phẩm “*thiền uyển tập anh*”, “*Lĩnh Nam chích quái*” của nước ta và “*Lý hoắc luận*”, “*Đại Đường cầu pháp cao tăng truyện*” của Trung Quốc. Trong “*Kiến văn tiểu lục*”, cụ Lê Quý Đôn cho đó là một thiếu sót, cụ viết: “*các bậc cao tăng nước ta không phải ít trong khoảng thuộc Tấn thuộc Đường, tất nhiên có nhiều điều đáng ghi chép nhưng ghi chép thiếu sót*”.

Sau khi Ngô Vương Quyền giành lại độc lập tự chủ cho đất nước, dân tộc thì vị trí vai trò của Phật giáo trở nên quan trọng trong triều đình và ngoài xã hội. Năm Tân Mùi (971), song song với việc ấn định thứ bậc phẩm trật cho các quan văn võ, vua Đinh Tiên Hoàng còn ấn định thứ bậc phẩm trật trong Tăng đạo, sắc

phong Ngô Chân Lưu làm Khuông Việt đại quốc sư chức Tăng thống, Trương Ma Ni chức Tăng đạo, Đặng Huyền Quang chức Sùng chân uy nghi, được tham gia chính sự trong triều đình.

Năm Đinh Hợi (987) vua Tống sai Lý Giác đi sứ sang nước ta, vua Lê Đại Hành bèn sai sư Đỗ Pháp Thuận giả làm người chèo đò ra đón, ứng khẩu ngâm thơ đối đáp với Giác (bài thơ Thiên Nha), được ông ta ngợi khen và làm thơ tặng lại có ý tôn trọng vua ta như vua của ông ấy. Khi Giác trở về nước, vua sai sư Khuông Việt làm bài ca khúc tiễn biệt. Đây là lần đầu tiên hai nhà sư được dùng làm nhà ngoại giao, văn thơ của họ thay thế văn bản ngoại giao, sử thần Ngô Thì Sĩ viết: “*Trong một đời Lê Đại Hành, việc tuân hành đánh dẹp đã chiếm hết một nửa, không thấy nói gì đến chính sách trường học thi cử. Thế mà trong văn kiện bang giao lúc bấy giờ, như bức thư xin nối ngôi của Vệ vương Toàn thấy được bút pháp uyển chuyển khúc chiết, đúng thể cách cho đến câu thơ nổi văn thơ Thiên Nha (của sư Pháp Thuận), khúc ca tiễn sứ giả (của sư Khuông Việt), tình tứ sắc bén đầy đủ, dù văn nhân từ khách ngày nay cũng không hơn được*”.

Phật giáo phát triển rực rỡ, đạt đến đỉnh cao vào triều Lý, bắt đầu từ vua Lý Thái Tổ (Công Uẩn). Vua xuất thân tại cửa thiền, được sư Khánh Vân và sư Vạn Hạnh nuôi dạy từ tấm bé đến trưởng thành. Sau khi lên ngôi, Thái Tổ xuất ngân khố xây dựng và sửa chữa chùa tháp khắp nước, tạc tượng đúc chuông, dựng “Tàng kinh các” (nơi

chứa kinh) và nhiều lần sai người sang nhà Tống thỉnh Tam tạng kinh (Kinh Luật Luận, trong đó có hai bộ *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*) về cho Tăng Ni hoàng dương đạo pháp. Dựng “Giới trường” làm nơi thọ giới qui y cho thiện nam tín nữ, vua đã hai lần làm chủ lễ và cấp *độ điệp* (giấy chứng nhận) cho hàng ngàn người xuất gia tu hành. Lấy tinh thần từ bi, trí huệ của nhà Phật làm phương châm tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Sau khi lên ngôi, vua thả hết tù binh người Man do Long Đĩnh bắt trước kia, cấp lương thực, tiền bạc cho họ về quê, miễn giảm hình phạt cho tội nhân và bốn lần đặc xá tô thuế ba năm cho nhân dân trong suốt 18 năm trị vì.

Các vua đời sau đều noi gương Thái tổ, lấy việc thờ Phật và giáo lý của Ngài làm phép thường của người trị nước an dân. Sử dụng người hiền tài, vỗ về bá tánh bằng sự nhân từ khoan thứ để bền sâu gốc rễ, tạo nên một thời thịnh trị và thời gian trị vì lâu dài nhất trong lịch sử nước ta (216 năm). Tạo nên những thành tựu văn hóa Phật giáo nổi tiếng như chùa Một Cột, chùa Bái Đính và ba “đại khí” là tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, tháp Báo Thiên, chuông Qui Điền cùng những tác phẩm văn học bất hủ của các thiền sư lỗi lạc như Vạn Hạnh, Mãn Giác, Minh Không... Đạo Phật cũng trở thành quốc giáo từ triều đại này.

Nhà Trần là triều đại thừa hưởng và phát huy truyền thống vẻ vang đó lên tầm cao mới. Nổi bật là hai vua Thái Tông, Nhân Tông từ bỏ ngai vàng, cuộc sống vương giả để trở thành thiền sư. Hình ảnh của vua Nhân Tông là phiên bản của thái tử Tất-đạt-đa khai sinh đạo Phật hơn hai ngàn năm trước. Sau khi giác ngộ *Chân như*, Ngài sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và là vị sơ tổ của thiền phái này. Đây là thiền phái đầu tiên của nước ta, tập hợp ba dòng thiền trước đó và hệ thống giáo hội Phật giáo thành một tổ chức thống nhất trong cả nước. Tư tưởng chính của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là “phản quan tự kỷ” được thể hiện trong bài phú “Cư trần lạc đạo” của Ngài. Thiền phái này tồn tại và phát triển đến ngày nay, Ngài được hậu thế tôn vinh là Phật hoàng, Điều ngự Giác hoàng. Ngoài ra, vạc Phổ Minh được đức đời Thánh Tông là “đại khí” thứ tư của nước ta cùng nhiều bài thơ thiền thâm sâu uyên áo của vua Nhân Tông, Tuệ Trung thượng sĩ, Huyền Quang... làm phong phú thêm kho tàng văn hóa, văn học Phật giáo.

Đạo Phật bắt đầu suy thoái khi Hồ Quý Ly chuyên quyền, lấn át vua Trần Thuận Tông. Năm Bính Tý (1396) vua ban chiếu sa thải Tăng đạo, những Tăng nhân chưa đến 50 tuổi đều bị bắt về thế tục không cho tu nữa. Tình hình ngày càng xấu đi vào thời Lê sơ, thời Mạc, thời Lê trung hưng và Trịnh Nguyễn phân tranh. Nguyên nhân chính là do vua quan, sĩ phu các thời đó tôn sùng đạo Nho, đưa Khổng giáo lên thành nền quốc học, đạo Phật bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Do chiến tranh liên miên giữa Nam-Bắc triều và Đàng Ngoài-Đàng Trong, phần còn lại là do tự thân Phật giáo phân hóa, biến tướng, gây bạo loạn

(Phạm Sư Ôn). Ở Đàng Trong có khá hơn nhưng không có gì nổi bật, ngoại trừ việc chúa Nguyễn Phúc Chu thọ đến giới Bồ-tát, qui y Tam bảo, ăn chay niệm Phật hàng ngày.

Khi người phương Tây sang nước ta ở Đàng Trong và đầu đời nhà Nguyễn, nhất là sau khi nước ta bị thực dân Pháp đô hộ, Phật giáo lại bị lấn lướt bởi đạo Thiên Chúa. Các giáo sĩ dùng mọi thủ đoạn truyền bá, dụ dỗ, mua chuộc nhân dân theo đạo mới với sự hỗ trợ tích cực của bộ máy cai trị thực dân. Ai không theo đạo mới chúng hăm dọa, tru dập thậm chí ép buộc, đàn áp bằng bạo lực, phá hoại các cơ sở vật chất, sản phẩm văn hóa Phật giáo. Triều đình Huế và nhân dân chống đối, bài xích nhưng thất bại nên đạo Thiên Chúa phát triển ngày càng mạnh trên khắp đất nước, số người theo đạo mới hoặc cải đạo ngày càng nhiều khiến chùa chiền “hoang sơ như buổi chợ chiều”. Phật giáo lúc đó cũng bị phân hóa đến hàng chục tông phái, hệ phái khác nhau, hoạt động theo tôn chỉ, phương hướng riêng, không có sự thống nhất thì làm sao có sức mạnh chống lại sự bành trướng của Thiên Chúa giáo và sự kỳ thị của thực dân!

Trước tình hình nguy cấp đó, vào khoảng nửa đầu thế kỷ XX, nhiều vị cao tăng và nhân sĩ trí thức có tâm huyết với tiền đồ Phật giáo, coi đó là pháp nạn, tự đặt gánh nặng lên vai, đồng tâm hiệp lực làm cuộc “chấn hưng” trên qui mô cả nước. Nghĩa cử này được đông đảo Tăng Ni và quần chúng ủng hộ, phát triển thành nhiều phong trào trong mọi lãnh vực, gặt hái nhiều thành tựu đáng kể. Được tưới tắm bằng nguồn năng lượng dồi dào mạnh mẽ của tầng thân, Phật giáo đã từ từ hồi sinh như ruộng lúa bị khô hạn gặp cơn mưa rào.

Thời gian qua, song song với sự phát triển của đất nước, Phật giáo cũng không ngừng vươn lên từ Bắc chí Nam, từ cao nguyên ra hải đảo, từ thành thị đến nông thôn. Nơi nơi đều có chùa, tu viện, thiền viện... cũ mới, lớn nhỏ gần 15 ngàn ngôi trên cả nước. Người xuất gia tu hành cũng ngày càng nhiều, không phân biệt già trẻ gái trai, sang hèn giàu nghèo, ước khoảng trên bốn vạn bốn ngàn người. Trong số đó, Tăng Ni trẻ thường có học vấn, được đào tạo chính qui, bài bản trong các cơ sở giáo dục Phật giáo, sẽ là đội ngũ cán bộ giỏi, năng động, sáng tạo trong tương lai.

Tăng Ni là lực lượng nòng cốt hoàng dương đạo pháp, họ đã góp nhiều công sức trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán văn sang tiếng Việt, viết sách giảng giải luận bàn giáo lý, trực tiếp thuyết pháp hoặc gián tiếp bằng băng đĩa, phổ biến rộng rãi trong quần chúng. Về công tác Phật sự và từ thiện xã hội, họ cũng thường xuyên tổ chức các cuộc cầu nguyện tập thể, lễ hội tôn giáo, trang nghiêm thành kính tại nơi thờ tự và ngoài dân gian theo từng thời điểm thích hợp (trong đó có hai lần tổ chức đại lễ Phật đản mang tầm vóc quốc tế). Thường xuyên ủy lạo, giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, đồng bào nghèo, bị thiên tai tàn phá, đúng lúc kịp thời.



Do đáp ứng được những nhu cầu vật chất và tâm linh, tín ngưỡng của nhân dân, tính đến năm 2010, Phật giáo có trên 45 triệu tín đồ qui y Tam bảo, ăn chay niệm Phật (theo số liệu thống kê của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, còn theo kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số năm 2009 của Nhà nước thì chỉ có 6.802.318 người).

Có thể nói đây là thời kỳ phát triển mạnh mẽ nhất của Phật giáo từ trước đến nay, không chỉ trong nước mà còn vươn ra thế giới. Tuy nhiên, đối với đạo Phật thì tất cả đều “bất khả tư nghị” cho nên số lượng chỉ là tượng trưng, phẩm chất mới quan trọng. Có người tinh tấn tu hành vài chục năm, thậm chí suốt đời vẫn không giác ngộ, có người chỉ nghe một câu kinh thôi cũng chứng quả Bồ-đề. Do đó, thành thật mà nói thì sự phát triển của Phật giáo thời gian qua không có sự song hành giữa số lượng và phẩm chất, vẫn còn đó sự chênh lệch khá cao của cặp phạm trù này.

Đại khái, với gần 15 ngàn ngôi chùa, tu viện, thiền viện... cùng nhiều tông phái, hệ phái và hơn 44 ngàn Tăng Ni trên khắp nước, chắc chắn Giáo hội sẽ không quản lý hết, quản lý nổi. Ai dám bảo đảm trong số đó có bao nhiêu nơi, bao nhiêu người tu hành chân chánh theo đúng giáo lý của Đức Phật, hoạt động theo đúng chủ trương đường lối của Giáo hội và Nhà nước? Ai dám bảo đảm trong hàng ngũ Tăng Ni đông đúc không có kẻ gian manh bất hảo trà trộn vào mượn đạo tạo đời, kinh doanh trục lợi, làm chuyện dâm ô, làm điều phi pháp, làm mất thanh danh đạo Phật? Thực tế cho thấy có nhiều nơi nhiều người tu hành chệch hướng, pha trộn tạp nhạp lai căng, tôn thờ những thực thể siêu nhiên, đề cao thần quyền nặng mùi dị đoan mê tín. Báo chí đã nhiều lần phản ánh “đạo nạn” này, tôi cũng xin kể thêm một chuyện nhỏ mắt thấy tai nghe ở quê mình.

Cách nhà tôi khoảng một cây số có ngôi chùa do một Ni sư già làm trụ trì. Tháng trước, người chị bà con tôi mất, gia đình làm đám tang nhưng không nhận tiền phúng điếu do sợ mắc nợ thế gian không trả nổi tạo thêm nghiệp chướng. Vị Ni sư bèn đến bảo tang gia cứ nhận tiền phúng điếu rồi đem cúng hết vào chùa của bà, chẳng những không có tội mà còn được phước nữa!?. Bà ấy còn có cách gây quỹ cho chùa khá độc đáo. Cứ cách mười bữa nửa tháng, bà ấy dẫn một đoàn nữ Phật tử

đến thăm viếng, giao lưu và cúng dường Tam bảo với những ngôi chùa khác trong vùng. Dĩ nhiên các chùa đó cũng phải “bánh sập đi bánh qui lại”, thế là nguồn quỹ của chùa ngày càng dồi dào nhờ cách móc túi Phật tử siêu đẳng của bà, hơn cả “Diệu thủ thư sinh”!

Đạo Phật được nhân dân mến mộ, Tăng Ni được kính trọng là đáng mừng; nhưng, cái gì cũng có chừng có mực, thái quá sẽ dẫn đến nhiều điều không hay. Thời gian qua, nhiều Việt kiều, giới kinh doanh, người giàu có, khá giả, thậm chí cán bộ nhà nước, cúng dường Tam bảo rất mạnh tay. Sự hào phóng đó không loại trừ khả năng đánh bóng tên tuổi và sự nghiệp của họ thêm nổi tiếng mà còn tạo tâm lý kiêu hãnh, ỷ lại cho Tăng Ni, ảnh hưởng đến cuộc sống và hoạt động đạo pháp của họ. Đó còn là sự nuông chiều, tạo điều kiện cho Tăng Ni hưởng thụ, chạy theo thị dục thị hiếu, thích ăn ngon mặc đẹp, khoái ở chùa to lớn lộng lẫy, đi xe xịn, xài hàng sang hàng độc, không diệt trừ được tâm ngã mạn, không dứt được dục lạc thế gian, xao nhãng việc tu hành, hoằng dương đạo pháp.

Đây là những biểu hiện suy thoái mới của Phật giáo gần giống như thời Lê sơ và thời Pháp thuộc. Bên cạnh những mặt tiêu cực trên còn có tình trạng cải đạo của tín đồ Phật giáo. Hiện nay, có nhiều tôn giáo lớn nhỏ khác đang âm thầm vận động, thuyết phục, lôi kéo, mua chuộc tín đồ Phật giáo cải sang đạo của họ ở một số địa phương, người cải đạo ngày càng đông, trong đó có quê tôi. Chính tôi cũng được (hay là bị?) một chức sắc cao cấp của một tôn giáo lớn có uy tín chiếu cố nhưng tôi đã từ chối. Xin đừng xem chuyện này nhỏ. Một vết dầu tuy nhỏ nhưng sự lan tỏa của nó gấp đôi ba trăm lần, nhiều vết dầu sẽ tạo nên một vết loang bao lớn? Nhiều lỗ nhỏ đã làm vỡ toang con đê cao to chắc chắn không phải không có xảy ra! Mức chênh lệch khá ấn tượng của con số thống kê về số lượng tín đồ giữa GHPGVN và cuộc Tổng điều tra dân số của Nhà nước năm 2009 cho thấy tình hình đã đến hồi báo động.

Đất nước và xã hội phát triển không chỉ mang đến của cải vật chất, hạnh phúc an vui cho nhân dân mà còn mang đến cả bất hạnh khổ đau. Đọc báo hàng ngày sẽ thấy luân lý suy đồi, đạo đức xuống cấp, lừa đảo lường gạt lên ngôi, trộm cướp lộng hành, bạo lực gia tăng từ trong gia đình đến học đường và ngoài xã hội khiến nhân dân hoang mang lo sợ không biết mình sẽ bị bức hại bất cứ lúc nào! Khi tâm trạng bất an, người ta thường quay về dựa dẫm vào đời sống tâm linh nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ và phương cách tốt nhất có thể đương đầu với những khó khăn trở ngại trong cuộc sống mà các phương tiện duy lý bất lực, không thể giải quyết, xử lý được. Trước tình hình đó Phật giáo sẽ làm gì để đem lại bình an cho xã hội, đem lại hạnh phúc và niềm tin cho nhân dân? Câu trả lời xin dành cho GHPGVN cùng những vị cao tăng và nhân sĩ trí thức quan tâm đến tiền đồ Phật giáo như các vị tiền bối trong phong trào “Chấn hưng” hồi thế kỷ XX. ■



Một phương thuốc đúng lúc và vượt thời gian

THANISSARO BHIKKHU
HOANG PHONG dịch

Đức Phật thường ví mình như một vị y sĩ, và Đạo Pháp là phương thuốc Ngài dùng để chữa bệnh. Thế nhưng điều quan trọng mà chúng ta cần phải hiểu là sự so sánh đó không có nghĩa Đức Phật giống như là một vị bác sĩ trong các bệnh viện tân tiến ngày nay. Quý vị không tìm đến Đức Phật để được Ngài tiêm cho một mũi thuốc. Ngài là một vị y sĩ cổ truyền, và y học cổ truyền thì mang rất nhiều tính cách chiến lược(strategic) khác với nền y học tân tiến ngày nay. Trong kinh sách có nhắc đến vị y sĩ của Đức Phật tên là Jivaka cùng cho biết là nhờ đâu mà Jivaka đã trở thành một vị y sĩ tài ba, và đây cũng chính là hình ảnh của người y sĩ mà Đức Phật muốn nhắc đến. Jivaka có một kiến thức sâu rộng về tác dụng y học của tất cả những thứ được thảo mà ông biết, thế nhưng tài ba của ông không phải là chỉ có thế. Biệt tài của ông chính là ở mặt chiến lược: làm sao để đối phó với những bệnh

nhân khó tính, cũng như làm sao chữa trị đủ loại các thứ bệnh tật trầm kha.

Tương tự như vậy, khi Đức Phật bảo rằng mình là một y sĩ, thì Ngài cũng cho thấy là Ngài cũng đã dùng một phương thức mang tính cách chiến lược. Những điều Ngài giảng dạy không phải luôn là những sự thật bình thường, mà trước khi thốt lên lời gì Ngài cũng luôn nắm chắc rằng những lời giảng dạy ấy đều mang lại lợi ích và đúng lúc. Nói cách khác là những lời giảng dạy của Ngài đều nhằm đưa đến những tác động cụ thể, căn cứ vào từng bối cảnh khác nhau và được thốt lên đúng lúc và đúng chỗ,

Điều đó cho thấy tại sao khi Cấp Cô Độc - một người đã bước vào dòng chảy và được xem như đã hội đủ khả năng hiểu biết - được hỏi về các quan điểm của Đức Phật là như thế nào, thì ông đã trả lời như sau: "Tôi không hoàn toàn hiểu được hết những gì Đức Phật muốn nói!". Đấy chẳng qua là vì Cấp Cô Độc đã nhận

thấy được là mỗi khi Đức Phật thuyết giảng thì Ngài giảng dạy với những cách khác nhau. Những lời thuyết giảng của Ngài không nhất thiết bao hàm toàn bộ các quan điểm của Ngài. Vì thế mỗi khi quý vị đọc rằng Đức Phật quán thấy thế giới hay suy tư thế này thế nọ, thì quý vị cũng cần phải tự hỏi rằng “Ngài đã thuyết giảng như thế là cho ai, trong bối cảnh nào và trong các hoàn cảnh nào?”. Tất cả chỉ vì là một vị y sĩ thì tất Ngài phải khéo léo về mặt chiến lược.

Nếu quý vị đã từng được chữa trị bằng các phương pháp y học cổ truyền thì tất sẽ thấy rằng các phương pháp ấy rất đa dạng và mang tính cách chiến lược nhiều hơn so với hầu hết các phương cách của y học hiện đại. Tôi đã từng được chứng kiến một số trường hợp mà một vị y sĩ cổ truyền chữa trị một căn bệnh có sẵn bằng cách gây ra thêm một căn bệnh thứ hai. Một khi căn bệnh thứ nhất đã chuyển thành căn bệnh thứ hai, thì khi đó người y sĩ này mới làm cho căn bệnh thứ hai phải chấm dứt. Điều này có nghĩa là đôi khi quý vị dùng một thứ thuốc nào đó thì gây ra thêm cho mình các triệu chứng mới, và đến một lúc nào đó thì quý vị phải ngưng thứ thuốc ấy và dùng một thứ thuốc khác để chữa trị các triệu chứng mới. Có nhiều thứ thuốc có thể dùng liên tục suốt trong thời gian chữa trị, thế nhưng cũng có những thứ thuốc mà quý vị không thể tiếp tục dùng thêm được nữa sau khi đã chuyển sang thứ thuốc khác. Và dĩ nhiên là khi đang dùng món

thuốc thứ nhất thì không được động đến món thuốc thứ hai.

Do đó, mỗi khi nhìn vào giáo huấn của Đức Phật, thì quý vị phải luôn tự hỏi rằng: Phần giáo huấn nào có thể áp dụng toàn bộ và phần giáo huấn nào thì cần thiết cho một giai đoạn nào đó trên con đường tu tập của mình? Chẳng hạn như Đức Phật đã thuyết giảng rất nhiều về sự nhận thức. Ngài nói rằng sở dĩ chúng ta khổ đau chỉ vì chúng ta nhận thức sai lầm về mọi sự vật, trông thấy sự bất biến từ những gì vô thường, thấy thích thú từ những gì khổ đau, thấy cái tôi từ những gì vô ngã, và thấy quyền rũ từ những gì xấu xí. Thế nhưng lời giảng dạy của Ngài không phải chỉ đơn thuần là: “Chỉ cần thay đổi nhận thức của mình vân vân..., thì mọi khó khăn sẽ được giải quyết”. Chuyện không hề đơn giản và giải pháp không đến thẳng như vậy.

Trước khi đề cập đến ba thứ nhận thức về tính cách bất định (inconstancy), sự trầm cảm (stress) và không có cái tôi (not-self) thì Đức Phật muốn chúng ta phát huy các sự nhận thức khác - đặc biệt nhất là sự nhận thức giúp tâm trí chúng ta tập trung tư tưởng. Quý vị đến đây để luyện tập sự chú tâm, vậy thì hãy tập trung vào hơi thở của mình. Thử hỏi cái gì đã buộc chặt quý vị với hơi thở? Đó là sự cảm nhận, tương tự như một hiệu lệnh trong tâm thức mình gọi là “thở”. Có rất nhiều phương cách luyện tập về sự chú tâm giúp mình cảm nhận về hơi thở và giữ được nó thật lâu trong tâm trí mình thật thoải mái và an lành. Quý vị cứ hãy luyện tập về sự cảm nhận hơi thở theo nhiều cách khác nhau, hầu tìm ra một phương cách hữu hiệu nhất - nói cách khác là cách thích hợp với mình hơn cả.

Cách luyện tập đó có vẻ như đi ngược lại sự cảm nhận về vô thường, và quả cũng đúng là như thế. Quý vị muốn hơi thở của mình là một thứ gì đó thật vững chắc và thích thú mà mình có thể làm nơi nương tựa. Tuy nhiên, nếu cảm nhận hơi thở vào và hơi thở ra là hai thứ hoàn toàn khác biệt nhau, thì sẽ thật hết sức khó cho quý vị chú tâm vào hơi thở vì phải luôn chuyển đổi hai cảm nhận ấy theo hai chiều ra vào của hơi thở. Thế nhưng nếu quý vị nhận thức được năng lượng của hơi thở là một thứ gì đang hiện hữu trong cơ thể mình thì hãy cố gắng duy trì sự nhận thức đó trong tâm trí. Quý vị sẽ có một cảm nhận về quá trình hô hấp khác hẳn với trước đây. Hơi thở lúc nào cũng hiện hữu với mình, và chỉ cần để cho hơi thở vào hòa nhập với những gì “đang có sẵn”. Sau đó quý vị hãy kiểm chứng lại xem những gì “đang có sẵn” ấy có bị thổi phồng quá đầy hay là bị bơm ra quá mức.

Khi nào quý vị nhận thấy năng lượng của hơi thở



thăng bằng, thì lúc đó sẽ rất dễ dàng để điều chỉnh nhịp thở, giúp mình cảm thấy sáng khoái, khỏe mạnh và tràn đầy sinh lực. Quý vị sẽ cảm nhận được một sự tròn đầy tự nhiên mà không dồn nén. Mỗi lần thở ra, quý vị có thể cảm nhận được lúc nào là mình bắt đầu thở ra quá nhiều. Đây là lúc mà quý vị dồn ép và làm cạn nguồn năng lượng của hơi thở, và đó là điều không nên.

Trong giai đoạn luyện tập này, quý vị chỉ cần giữ sự cảm nhận về sự hít thở được thăng bằng và thoải mái, và đó là điều mà mình có thể chủ động được. Chỉ khi nào cảm thấy tâm thức mình bị tách rời ra khỏi hơi thở và suy nghĩ về những gì khác, thì mới phải sử dụng đến ba thứ nhận thức. Khi quý vị quán nhìn vào hạnh phúc và những sự thích thú phát sinh từ đó, thì hãy ý thức rằng sự thích thú ấy không bền vững bằng sự thích thú đến với mình khi ngồi yên với hơi thở của mình: sự quán nhìn vào hạnh phúc ấy chỉ gây thêm căng thẳng và khó chủ động được.

Do đó trong giai đoạn chữa trị các thứ bệnh tật này của quý vị thì trọng tâm cơ bản nhất là phải tạo ra cho mình một thể dạng tâm thức bền vững nhờ vào phương pháp theo dõi hơi thở mà lúc nào cũng sẵn có. Nhà sư Ajahn Lee nói rằng quý vị cần biết nhìn thấy được một thứ gì bền vững từ một thứ gì không bền vững. Nếu chỉ biết nhận thấy tất cả mọi thứ đều không bền vững, thì bạn đã đánh mất đi một số khía cạnh chủ yếu trong việc luyện tập của mình. Nhà sư này đưa ra một thí dụ cụ thể như sau: Môi dưới của bạn không bao giờ có thể biến thành môi trên của bạn được, đây là một cái gì bền vững về con mắt của bạn. Cũng thế, có một số thể dạng năng lượng của hơi thở bên trong cơ thể mang tính cách bền vững thật sự. Khi quý vị còn sống, thì năng lượng của hơi thở vẫn sẽ còn tồn tại trong cơ thể của mình.

Quý vị hãy luyện tập theo cách đó hầu mang lại lợi ích cho mình. Chỉ cần kết chặt với sự cảm nhận về sự hít thở ấy với chính mình thì quý vị sẽ cảm nhận được năng lượng sâu kín của nó hiện lên như thế nào xuyên qua một chuyển động thật nhẹ nhàng. Quý vị hãy tập trung vào ý nghĩ là hơi thở luôn hiện ra với mình, và chỉ thỉnh thoảng thì quý vị mới có cảm giác hít vào quá đầy, hoặc thở ra quá nhiều khiến mình hụt hơi. Tuy nhiên quý vị cũng có thể điều chỉnh được nhịp hít vào và thở ra được điều hòa hơn, và chỉ nên xem các chuyển động vào ra là thứ yếu, còn sự hiện hữu của năng lượng hơi thở trong cơ thể mới là chủ yếu, là những gì mà mình phải duy trì.

Ở vào giai đoạn này của cuộc chơi thì đây là cách mà quý vị sử dụng sự cảm nhận. Chỉ khi nào sự chú tâm của quý vị đã khá vững chắc, thì khi ấy quý vị mới có thể bắt đầu sử dụng ba thứ nhận thức để mổ xẻ sự tập trung ra thành từng mảnh. Tuy nhiên trước khi có

thể đạt được cấp bậc này thì quý vị cũng không nên nghĩ đến chuyện ấy. Nếu quý vị khởi sự ngay với ba thứ nhận thức (*thích thú, khó chịu và trung hòa*) và tìm cách sử dụng chúng như một thứ thuốc để chữa trị bất cứ thứ gì do chúng làm phát sinh ra, thì quý vị sẽ khó lòng giữ được sự tập trung cho tâm thức mình.

Do đó phải ý thức rằng có nhiều cấp bậc khác nhau trong việc chữa trị. Tâm thức quý vị đang ốm đau. Vậy thì nó đang bị bệnh gì? Đó là các thứ bệnh thêm muốn, giận dữ và ảo giác. Và đây là phương pháp chữa trị các thứ bệnh ấy. Phương pháp này gồm có nhiều giai đoạn. Trước hết quý vị hãy cố gắng giữ cho tâm thức mình thật thăng bằng và thoải mái. Trong giai đoạn này thì quý vị thực sự là còn đang phải chiến đấu chống lại ba thứ nhận thức trên đây. Thế nhưng đây chỉ là một cuộc chiến đấu với một sự thật mà quý vị biết là nó thật như thế nào, thật đến đâu, và giới hạn của nó là ở đâu.

Tóm lại, quý vị phải luôn ý thức rằng hiện mình đang phải chọn cho mình một chiến lược để chữa trị. Không nên tìm cách đốt giai đoạn bằng cách lập tức dùng ba thứ nhận thức để giải quyết mọi vấn đề cho xong để sống. Việc luyện tập phải trải qua nhiều chu kỳ, việc chữa trị bệnh tật cũng thế, cũng có những chu kỳ phải đi qua. Đôi khi quý vị cũng có thể muốn hỏi trước bác sĩ rằng: “Tôi còn phải theo cách chữa trị này thêm bao nhiêu tháng nữa thì mới khỏi bệnh?”. Có thể là bác sĩ sẽ trả lời quý vị như sau: “Phải xem đã, tất cả còn tùy vào phản ứng của cơ thể”. Việc luyện tập sự chú tâm thì cũng thế. Nào có ai biết được là cần phải bao nhiêu năm? Nhà sư Ajahn Fuang thường nói như sau: “Không nên thắc mắc gì cả. Chỉ cần làm những gì mình phải làm thế thôi”. Cứ để cho đến khi tâm thức đã chín muồi, có thể là mau hay chậm, và điều chủ yếu là nó phải chín muồi – thì mới sẵn sàng để quán thấy mọi việc (insight) và bước vào các cấp bậc khác của sự nhận thức.

Lúc này thì quý vị cũng không nên đánh mất niềm tin nơi Đức Phật. Nếu hiện đang ở vào giai đoạn này của việc chữa trị thì quý vị phải vững lòng. Hãy đặt hết lòng tin vào Đức Phật như một vị y sĩ lão luyện. Có nhiều sự nghịch lý trong phương cách mà Đức Phật chỉ bày, thế nhưng các chiến lược ấy đã mang lại hiệu quả suốt hơn 2.500 năm qua. Phương thuốc này đã trị được mọi bệnh tật trong tâm thức của tất cả mọi con người, dù là họ sinh ra ở nơi nào, và thuộc vào lứa tuổi nào. Chính vì thế mà Đức Phật đã bảo rằng Đạo Pháp (Dhamma) vượt ra khỏi yếu tố thời gian. Đạo Pháp không phải chỉ đúng vào thời kỳ Đức Phật còn tại thế. Đạo Pháp lúc nào cũng đúng, xuyên qua thời gian. Khía cạnh thời gian chỉ là việc quý vị đang ở vào thời điểm nào trong quá trình chữa trị bệnh tật của mình. Do đó quý vị hãy cố gắng áp dụng những lời dạy của Đức Phật đúng lúc. Đây là cách sẽ giúp quý vị đạt được thể dạng phi thời gian tối thượng mà toàn bộ việc luyện tập hướng tới: ấy là sự giải thoát hoàn toàn khỏi mọi thứ ốm đau. ■



Hãy thở thật thâm sâu

Hiện nay để có sức khỏe, ta thường nghe lời khuyên: “Hãy sống thư thái an lạc; ăn uống đầy đủ, cân bằng dưỡng chất; ngủ, nghỉ ngơi đúng mực; vận động đúng phép”. Tức phải thỏa điều kiện cho bốn việc là lối sống, ăn uống, nghỉ ngơi, vận động.

Trong một bài viết “Già sao cho sướng”, Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc kể ba nỗi khổ của người già thường gặp, nếu giải quyết được sẽ giúp họ sống “trăm năm hạnh phúc”. Một là thiếu bạn, hai là thiếu ăn, và ba là thiếu vận động. Như vậy, một điều kiện trong giữ gìn sức khỏe là năng vận động.

Từ rất lâu, người xưa cũng đã có những lời khuyên bảo rất quý báu về cách tạo ra, duy trì, và tăng cường sức khỏe. Điển hình là lời khuyên: “Ngủ không mộng mị, thức chẳng lo âu, ăn không cầu kỳ, thở thật thâm sâu” (Trang Tử, *Nam Hoa kinh*).

Ồ hay, tại sao không có “vận động” trong lời khuyên vừa kể mà thay vào đó “thở thật thâm sâu”?

Suy đi gẫm lại thì thấy, thay vì đề cập “vận động” người xưa dùng “thở thật thâm sâu” là có dụng ý kể ra cũng sâu sắc.

Quan sát một người khỏe mạnh vừa vận động cật lực như sau cuộc chạy bộ, ta thấy người đó thở dồn dập. Thở như thế có thể xem là thở thật thâm sâu. Như vậy, thở thật thâm sâu cũng có thể kể thêm là thở nhờ vận động. Khuyên “thở thật thâm sâu”, người xưa còn muốn ta ngoài thở do vận động còn nên thở cho thật tốt khi

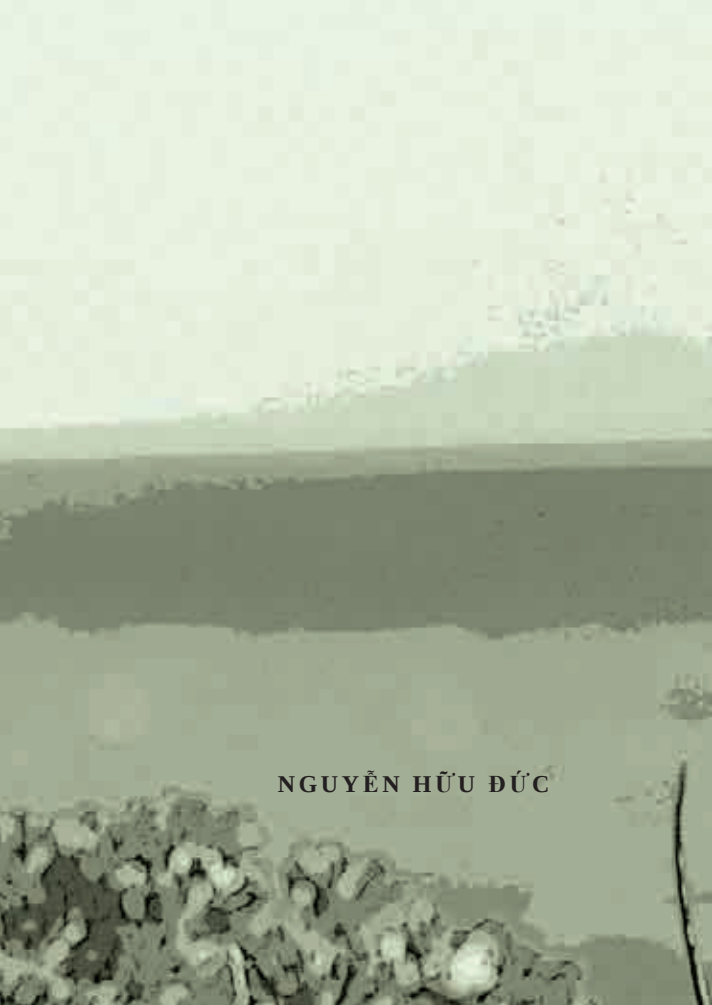
đang ngồi yên, chẳng làm việc gì cả. Thế mới đúng phép dưỡng sinh, nuôi dưỡng cuộc sống khỏe mạnh.

Thở giúp thanh lọc thể chất

Thở là hoạt động của hệ hô hấp. Nhờ hô hấp, thở ra hít vào, mà cơ thể ta mới được cung cấp đủ dưỡng khí (tức oxy) từ khí trời đưa vào và thải bỏ thán khí (tức CO₂) từ trong cơ thể ra ngoài. Nhờ hít thở mà duy trì sự sống vì ta không thể sống nếu không thường xuyên được cung cấp cho cơ thể dưỡng khí có ích và thải khỏi cơ thể thán khí vô tích sự, nếu không cho là có hại. Nhờ thở thâm sâu mà ta thu thật nhiều khí oxy, thải cho gần hết khí CO₂ ở phổi.

Hít thở bình thường chỉ dùng một phần hai lá phổi. Còn thở thật thâm sâu là hít thở với gần trọn cả hai lá phổi, với cơ hoành hoạt động tích cực xoa bóp các phủ tạng ở bụng.

Vận động giúp tăng cường hoạt động của nhiều cơ quan trong cơ thể, trong đó tăng cường hoạt động của hệ hô hấp. Nhờ vận động ta sẽ thở thâm sâu hơn. Thở thâm sâu đúng cách nhờ vận động mà sự trao đổi khí ở hệ hô hấp tốt hơn. Không chỉ có thế, từ đó cơ thể bắt đầu cả một chu trình sinh học mới: lượng calo được tiêu thụ nhiều hơn; lượng mỡ trong cơ thể được đốt cháy; thay vì tích tụ lượng đường được tiêu hao tạo năng lượng. Và sự trao đổi các chất khác cũng sẽ được thúc đẩy để đi đến một mục tiêu của sức khỏe là thanh lọc thể chất, chất gì độc sẽ bị thải trừ, chất gì lợi sẽ hình thành.



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Để thở thâm sâu trong vận động và trong cả nghỉ ngơi, người ta khuyên nên thở bụng hay thở theo cơ hoành: “thóp bụng thở ra, phình bụng hít vào”.

Cần biết, động tác thở được thực hiện với các cơ, trong đó có cơ hoành là cơ nằm ngang giữa ngực và bụng tạo thành một cái vòm, mặt trên giáp với tim phổi, mặt dưới giáp với các cơ quan của hệ tiêu hóa. Khi hít thở, cơ hoành hoạt động phối hợp với các cơ bụng, cơ liên sườn, cơ vai... Lúc cơ hoành hạ xuống, phần dưới lồng ngực nở ra, các nội tạng trong bụng bị dồn xuống, bụng phình lên, lúc ấy không khí được hút vào. Hít vào phình bụng là vậy. Lúc cơ hoành nâng lên, bụng thóp lại, không khí bị đẩy ra. Thóp bụng thở ra là vậy. Nhìn một em bé đang ngủ, ta thấy rõ động tác phình thóp bụng này.

Thở bụng có tác dụng như sau:

- Trong cùng một thời gian, lượng khí vào phổi do thở bụng nhiều hơn thở ngực.

- Cơ hoành di chuyển làm các nội tạng trong ổ bụng được xoa bóp rất tốt.

- Thở ngực làm cho máu về tim khó khăn còn thở bụng làm máu về tim dễ dàng, nhẹ gánh rất nhiều cho tim.

Theo y học phương Đông, khí thở bụng, cơ hoành hạ thấp đưa tâm khí mạng hỏa ở trên xuống đan điền, chúng kết hợp với thân khí mạng thủy để chưng cất tinh tiên thiên thành khí tiên thiên. Không có sự kết hợp này tinh tiên thiên không thành khí tiên thiên được. Thở bụng có sự vận khí: ở thì hít vào, khí được đưa xuống đan điền đồng thời ép khí vào huyết mạch

môn, từ mệnh môn khí đi theo cột sống và theo đường kinh mạch đến tất cả các cơ quan trong cơ thể. Từ đó mà có sức khỏe.

Trong tập luyện Yoga, người học phải tập cách thở bằng cơ hoành, dùng cơ hoành để làm lưu thông cho phần dưới đáy phổi, nhận vào thật nhiều dưỡng khí và tổng hết thân khí ra ngoài. Vì hơi thở là quan trọng, biết thở đúng cách nó dẫn nguồn năng lượng đi khắp cơ thể.

Rất nhiều người chưa có thói quen thở bụng đúng cách. Khi vận động, do tập trung vào việc vận động các động tác, rất khó tập trung thở bụng. Vậy ngay sau khi vận động (lúc này rất dễ thở thật thâm sâu), nên dành thời gian nghỉ cho việc tập thở cơ bản là: thóp bụng cho cơ hoành nâng lên để thở ra và phình bụng cho cơ hoành hạ xuống để hít vào.

Thở giúp thanh lọc tâm ý

Thở thâm sâu không chỉ cho ta nguồn sống nhờ thu thật nhiều khí oxy, thải cho gần hết khí CO₂ ở phổi, giúp cơ thể thanh lọc thể chất mà còn có tác động giúp thanh lọc tâm ý.

Cần biết rằng sự điều chỉnh hoạt động của nhiều cơ quan, đặc biệt là nội tạng, thông thường là tự phát (hoạt động theo thần kinh thực vật), ngoài ý muốn của ta. Ta không thể điều khiển cho nhịp tim đập nhanh hay chậm, dạ dày co bóp nhiều hay ít, mạch máu co hay giãn... Tất cả những chuyển động ấy đều thoát khỏi ý muốn của ta. Chỉ có hơi thở thuộc hệ hô hấp là vừa tự phát vừa có thể điều khiển, làm chủ nó theo ý ta. Khi ta không để ý thì vận động của hơi thở là tự phát, tùy theo các kích thích hay ức chế của hệ thần kinh thực vật do cảm xúc; hay khi để ý, tức tùy vào suy nghĩ của ta, mà nó diễn ra nhanh hay chậm, nông hay sâu, đều hay không đều.

Như vậy, hơi thở là sợi dây liên lạc giữa thân và tâm. Nhiều người cho rằng trạng thái hạnh phúc trọn vẹn (thân tâm an lạc) có thể đạt được khi chúng ta có ý thức rõ ràng về hơi thở của mình. Tức ta điều khiển nó, làm chủ nó bằng suy nghĩ trong tĩnh thức.

Hãy thở thật thâm sâu: “Hít vào, thấy bụng phình ra; Thở ra, thấy bụng xẹp lại” với trạng thái tĩnh thức hoàn toàn. Và với tâm ý thanh tịnh: “Hít vào tâm tĩnh lặng: Thở ra miệng mỉm cười”, và với tâm hân hoan, như Đức Phật Thích Ca trong kinh *Niệm xứ và niệm hơi thở* đã cho thấy: “Với tâm hân hoan, tôi thở vào; Với tâm hân hoan, tôi thở ra”, để như thế mà đi vào Thiền.

Chú tâm hoàn toàn vào các hơi thở vào, thở ra là bước đầu đi vào Thiền. Ngồi thở thiền trước hết là để không phải làm gì hết và để được buông xả. Khi nắm vững nghệ thuật theo dõi hơi thở và mỉm cười thì càng ngồi thiền càng thấy thích thú. Rồi, nhờ năng lượng của niệm và định, ta sẽ bắt đầu quán chiếu sâu sắc vào thân thể, tâm thức và hoàn cảnh. Để đem lại an lạc hạnh phúc cho ta và cho cả thế gian này. ■

Thấp thoáng lời Kinh

Vào cửa Bất nhị

ĐỖ HỒNG NGỌC

Vào cửa Bất nhị (Không-hai) là mục tiêu buổi huấn luyện dành cho Bảo Tích và bạn bè, những vị “Bồ-tát tại gia tương lai” hôm đó tại Tỳ-da-ly. Họ là những vương tôn công tử đầy quyền uy cùng các thiếu gia con nhà viên ngoại giàu có tuy đã phát tâm Bồ-đề: “chúng sanh vô biên thế nguyện độ/ pháp môn vô lượng thế nguyện học...” mà vẫn loay hoay chưa tìm được phải bắt đầu từ đâu.

Phật dạy: “Bồ-tát tùy lòng ngay thẳng (trực tâm) mà khởi làm. Tùy chỗ khởi làm mà được lòng sâu vững (thâm tâm). Tùy lòng sâu vững mà tâm ý được điều phục...”

Nghĩa là phải luôn bắt đầu với “trực tâm” – lòng ngay thẳng, không phân biệt, không thiên lệch, kỳ thị – thì mới hành được Bồ-tát đạo. Lòng còn thiên lệch, còn kỳ thị, còn quanh co thì còn lâu mới là Bồ-tát! Bởi khi còn chia rẽ, còn phân biệt đối xử (discrimination) thì còn đấu đá, còn tranh giành, còn hơn thua, không thể nào tạo được một “cõi Phật thanh tịnh”!

Thực ra, Bồ-tát tự bản chất đã là *Bất nhị*: “ở tại nơi sanh tử mà chẳng làm việc ô trược, trụ nơi Niết-bàn mà chẳng diệt độ mãi; hành tánh *không* mà vẫn trông các cội công đức; hành *vô tướng* mà vẫn độ chúng sanh; hành *vô khởi* mà khởi tất cả thiện hạnh...”. Bồ-tát luôn đứng giữa đôi bờ,

*“trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
rọi suốt trăm năm một cõi đi về”.*

(Trịnh Công Sơn)

vẫn luôn “đi bên cạnh cuộc đời” như thế, dẫu rằng đã có thể qua luôn bên bờ kia, nhưng hãy “hượm”. Muốn vậy, phải được trang bị *chánh kiến* mới có cái nhìn không phân biệt nhờ đó mà “thành tựu” được chúng sanh, như Thường Bất Khinh gặp ai cũng vái chào “ngài sẽ là vị Phật tương lai”, như Dược Vương đốt hai cánh tay ngàn năm để không còn thiên kiến. Bồ-tát mà không vào được cửa Bất nhị, còn phân biệt, còn kỳ thị, còn thấy có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thì... chưa phải là Bồ-tát (Kim Cang).

Duy-ma-cật nói với các vị Bồ-tát đang có mặt: “Thưa các nhân giả, Bồ-tát nhập pháp môn Bất-nhị như thế nào? Xin các ngài tùy ý nói ra”.

Câu hỏi đặt ra nhằm mời gọi các vị Bồ-tát trình bày phương cách đã trải nghiệm, thành tựu đã đạt được trong quá trình nhập pháp môn Bất nhị của mình làm mẫu cho các vị Bồ-tát tại gia tương lai “học tập”.

Bồ-tát Pháp Tự Tại nói: “*Các nhân giả! Sanh và diệt là hai. Pháp vốn không sanh, tức không diệt. Đắc vô sanh pháp nhãn ấy là nhập pháp môn Bất nhị*”.

Sanh tử là chuyện lớn! Tu là để giải thoát sanh tử. Cho nên chuyện lớn phải đề cập trước hết.

Giải thoát sanh tử là thấy biết sanh tử “không hai”. Không hai dĩ nhiên không phải là một. Sanh có chứ. Tử có chứ. Nhưng sanh tử không hai bởi là một dòng chảy liên tục do duyên sinh, không khởi thủy không chấm dứt. Ta sanh ra vì có cha có mẹ. Cha mẹ mà không duyên với nhau thì còn lâu mới có ta! Cũng vì được sanh ra nên ta được “lập trình” bệnh, lão, tử. Không khác đi được. Như sóng từ nước, nhưng nước và sóng không phải là một. Sóng tùy duyên mà khởi, tùy duyên mà sinh, có sóng to sóng nhỏ, có sóng hung hãn đập vào bờ đá tung bọt trắng xóa, có sóng lăn tăn cuộn mình theo bãi cát dịu êm. Sóng có “kiếp sống” riêng của nó, cũng do cái nghiệp cái duyên nào đó. Nhưng rồi khi sóng về với nước, sóng vẫn là nước, không cần phải “phân biệt đối xử”.

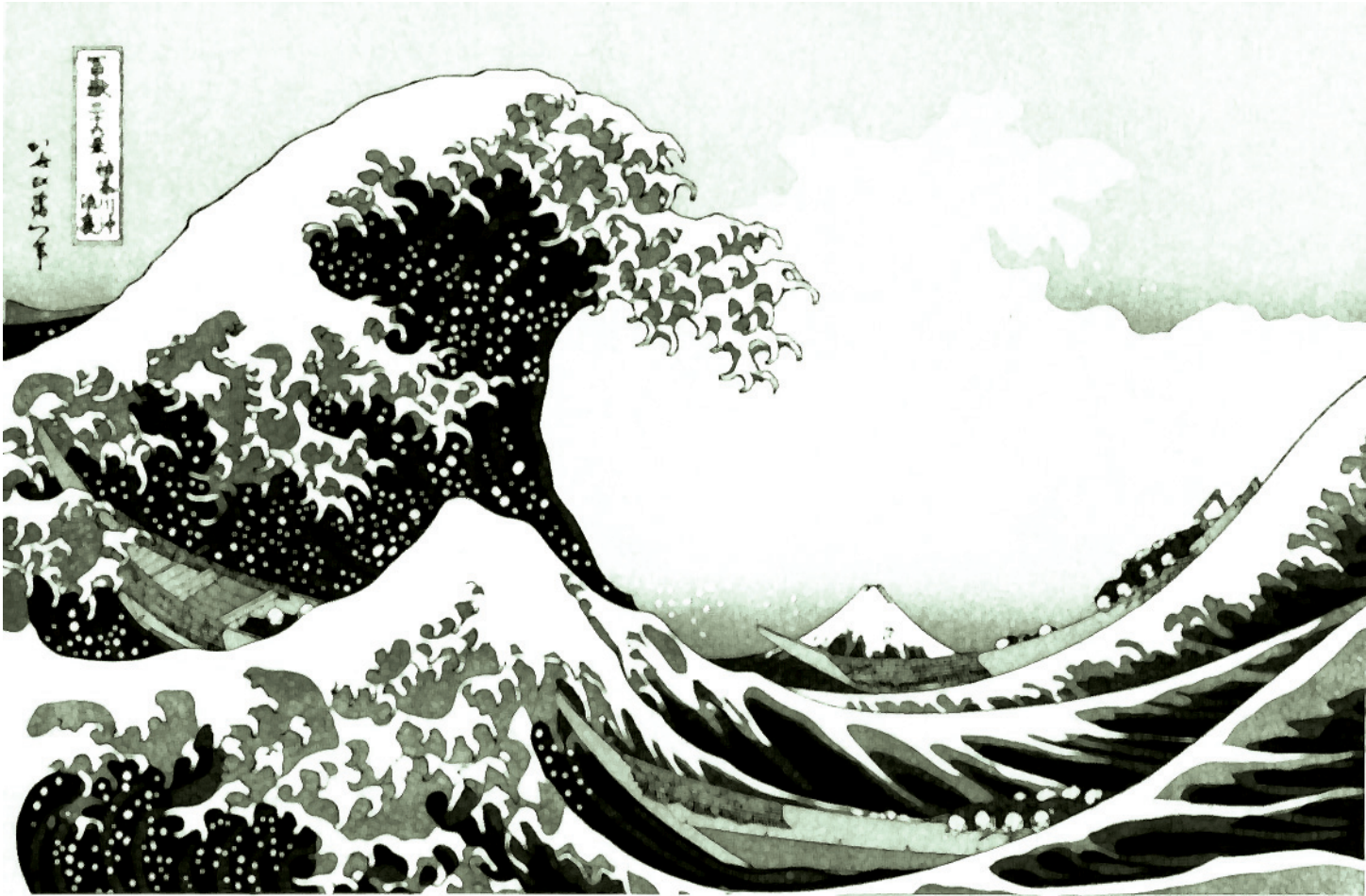
Sóng và nước Bất nhị, sanh với tử Bất nhị thì cao với thấp, giàu với nghèo, sang với hèn, da xanh da đỏ da vàng da đen đều “Bất nhị”.

Nhưng làm sao để vào cửa Bất nhị? Làm sao để sống “Bất nhị”? Thì phải “hành thâm” Bát-nhã thôi. Phải thiền định. Phải thấy *không*, thấy *duyên sinh*, *thực tướng vô tướng*... Gaté, gaté, paragaté... Vượt qua, vượt lên, vượt ra...

Bồ-tát Đức Thủ nói: “*Ta với vật của ta là hai. Nhân có cái ta nên có vật của ta. Nếu không có cái ta, ắt chẳng có cái gọi là vật của ta. Đó là vào pháp môn Bất nhị*”.

Có “ta” và có cái “của ta” nên lòng tham và lòng sân mới khởi lên. Khi biết “không phải là ta / không phải của ta / không phải là tự ngã của ta” thì gánh nặng đã được đặt xuống!

Bồ-tát Đức Định nói: “*Cầu và Tịnh là hai. Thấy được thật tánh của niết ô thì không có tướng thanh tịnh, bèn tùy thuận với sự tịch diệt của các tướng. Đó là vào pháp môn Không-hai*”...



Có “chiếu kiến ngũ uẩn giai Không” (thấy biết rõ năm uẩn đều không có tự tính riêng biệt, chỉ là do duyên sinh mà hình thành) thì mới thấy thực tướng các pháp là vô tướng, nếu chưa vậy thì vẫn thấy có sanh có diệt, có nơ có sạch, có tăng có giảm.

Thế rồi các vị Bồ-tát lần lượt nói về Hữu lậu và Vô lậu, Hữu vi và Vô vi, Tận và Bất tận, Minh với Vô minh, Động với Niệm, Ngã và Vô ngã, Sinh tử và Niết-bàn... Từng cặp từng cặp có vẻ đối kháng nhau chan chất vậy mà thực ra là “Bất nhị”, không-hai. Người đời thì vẫn mãi khổ đau vì cứ so đo, tính toán, này cao này thấp, này sang này hèn, này đẹp này xấu...

Một đời lặn độn đo rồi đếm

Mỗi gổ người đi đứng lại ngổ!

(Bùi Giáng)

Bồ-tát Thiện Túc nói: “Động với Niệm là hai. Nếu chẳng có động, ắt không có niệm. Không niệm, tức là không phân biệt. Thông đạt lẽ ấy tức là vào pháp môn Bất nhị”.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói: “Phiền não với không phiền não là hai. Nếu đạt đến chỗ các pháp đều bình đẳng, ắt chẳng sinh khởi những tư tưởng có phiền não hay không có phiền não. Chẳng chấp trước tướng, cũng

chẳng trụ nơi không tướng. Đó là vào pháp môn Bất nhị”. Bồ-tát Tịnh Giải nói: “Hữu vi với vô vi là hai. Nếu lìa khỏi tất cả tính đếm thì tâm như hư không. Nhờ trí huệ thanh tịnh, nên không có chi trở ngại. Đó là vào pháp môn Bất nhị”.

Bồ-tát Điện Thiên nói: “Minh với Vô minh là hai. Thật tánh của Vô minh chính là Minh. Cái sáng suốt cũng không thể nắm giữ, lìa khỏi sự tính đếm. Đối với lẽ ấy, lòng bình đẳng chẳng phân hai. Đó là vào pháp môn Bất nhị”.

Vô minh thực tánh tức Phật tánh

Ảo hoá không thân tức pháp thân.

(Chứng đạo ca)

Bồ-tát Đức Tạng nói: “Có chỗ ‘đắc’, tướng là hai. Nếu không có chỗ ‘đắc’ thì không có giữ lấy hoặc bỏ đi. Không giữ, không bỏ, đó là vào pháp môn Bất nhị”.

Vô vô minh diệt vô vô minh tận nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận... Vô trí diệt vô đắc... (Tâm kinh).

Và dĩ nhiên, không nên có sự phân biệt Thanh văn với Bồ-tát:

“Tâm Bồ-tát với tâm Thanh văn là hai. Khi quán tướng của tâm vốn không, chỉ như ảo hóa, thì không có tâm Bồ-tát, không có tâm Thanh văn. Đó là vào pháp môn Bất nhị”. Bồ-tát Diệu Tý nói.



*Sắc tức thị không
Không tức thị sắc.*

(Tâm kinh)

Bồ-tát Diệu Ý nói: “Mắt với hình sắc là hai. Nếu hiểu được thật tánh của mắt, đối với hình sắc chẳng khởi tham trước, chẳng khởi giận hờn, chẳng khởi si mê, đó gọi là tịch diệt. Cũng vậy, tai với âm thanh, mũi với mùi hương, lưỡi với vị nếm, thân với cảm xúc, ý với các pháp đều là hai. Nếu hiểu được thật tánh của ý, đối với các pháp chẳng khởi tham trước, chẳng khởi giận hờn, chẳng khởi si mê, đó gọi là tịch diệt. Trụ yên ở lẽ này là vào pháp môn Bất nhị”.

Mắt với sắc, nếu thấy biết tánh thấy của mắt, tánh nghe của tai, tánh ngửi của mũi... mà rời bỏ được tham sân si thì đã bình an vô sự. Ấy chính là con đường cư trần lạc đạo,

“Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên”.

(Trần Nhân Tông)

Lục căn lục trần dầu tiếp xúc, mà không khởi lên tham sân si thì đã là thanh tịnh, đã là “Bất nhị”. Lục căn mà thanh tịnh rồi thì Mạt-na-thức mới trở thành *Bình đẳng tánh trí* được.

Danh xưng của các vị Bồ-tát thật ra là các Hạnh, các Đức của Bồ-tát. Bồ-tát Pháp Tự Tại nói về sanh diệt là hạnh vô úy thí của Quán Thế Âm, Bồ-tát Đức Thủ giữ giới nói về vô ngã; Tịnh Giải thì chẳng phân biệt Vô vi – hữu vi, Hỷ Kiến thì học hạnh Được Vương, Diệu Ý thì chuyển các giác quan Thành sở tác trí đến Diệu quan sát trí...

Danh của các vị Bồ-tát thực chất là ngổ vào Phật đạo, thấy biết Bất nhị, thấy biết Như Lai của họ. Có vô số pháp môn được giới thiệu cho các thanh niên trí thức hôm đó ở Tỳ-da-ly để tùy căn cơ mà chọn lựa hành Bồ-tát đạo.

Con đường tất yếu vẫn là Tứ niệm xứ “*Đây là con đường độc nhất dẫn tới thanh tịnh cho chúng sanh, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí...*”; rồi Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên, Bát-nhã Ba-la-mật, để thấy biết không, vô ngã, duyên sinh, thực tướng vô tướng...

“*Tâm vô quái ngại, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng!...*” (*Tâm kinh*).

Các vị Bồ-tát mỗi người trình bày con đường tu chúng nhập pháp môn Bất nhị của mình rồi, bèn thưa hỏi Bồ-tát Văn-thù:

“*Thưa ngài Văn-thù, thế nào là Bồ-tát vào pháp môn Bất nhị?*”

Bồ-tát Văn-thù nói: “*Thưa các vị, theo như ý tôi, đối với tất cả các pháp thì không nói, không thuyết, không chỉ danh, không giải thích, là khỏi mọi sự vấn đáp. Đó mới là nhập pháp môn Bất nhị*”.

Văn-thù liền quay sang hỏi Duy-ma-cật: “*Chúng tôi mỗi người đều nói ra cả rồi, vậy nhân giả cũng nên*

Cũng không nên có sự phân biệt tại gia với xuất gia... “*Thế gian với xuất thế gian là hai. Tánh của thế gian là không, như vậy là xuất thế gian. Trong đó chẳng có vào, chẳng có ra, chẳng có sự đầy tràn, chẳng có sự lìa tan. Đó là vào pháp môn Bất nhị*”. Bồ-tát Na-la-diên nói.

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói: “*Do theo cái ngã mà khởi ra hai pháp, đó là hai. Thấy được thực tướng của ngã, thì chẳng khởi ra hai pháp. Nếu chẳng trụ nơi hai pháp, thì không có cái thức, sự nhận biết. Không có chỗ nhận biết, đó là vào pháp môn Bất nhị*”.

“*Thế nào là lìa cái ta và vật của ta? Ấy là lìa hai pháp. Thế nào là lìa hai pháp? Ấy là thi hành lẽ bình đẳng. Khi mình được lẽ bình đẳng này rồi, thì (Bồ-tát) chẳng còn bệnh nào khác nữa!*”

Bồ-tát Hỷ Kiến nói: “*Sắc với không là hai. Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt mới là không, mà tánh của sắc tự nó là không. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy*”.

Sắc bất dị không

Không bất dị sắc

nói ra, thế nào là Bồ-tát nhập pháp môn Bất nhị?”. Duy-ma-cật làm thinh. Chẳng nói chẳng rằng!

Văn-thù bèn vỗ tay khen: “Tuyệt diệu! Thật là tuyệt diệu! Cho đến không có cả ngữ ngôn, văn tự, đó mới thật là nhập pháp môn Bất nhị vậy”.

Lúc đó mọi người mới ngó ra. Thì ra là vậy! Cứ tưởng Duy-ma-cật... bí!

“Pháp thuận với không, tùy theo vô tướng, ứng với vô tác. Pháp lìa khỏi tốt và xấu. Pháp không có thêm và bớt. Pháp không có sinh và diệt... Tướng pháp là như vậy, há thuyết diễn được sao?”

Và “Luận đến chỗ cứu cánh của thuyết pháp thì người nói không nói gì hết, không phô bày gì hết. Người nghe không nghe gì hết và không có được một sở đắc nào. Như nhà ảo thuật thuyết pháp với người ảo hóa...”.

Thì ra “nhập” được vào cửa Bất nhị thì sẽ thấy Như Lai “như như bất động”.

Duy-ma-cật đã “mô tả” Như Lai như sau: “... chẳng ở bên này, chẳng ở bên kia, chẳng ở giữa dòng; không tối, không sáng; không danh, không tướng; không mạnh, không yếu; không sạch, không nhơ. Chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi... Chẳng lại, chẳng đi. Chẳng ra, chẳng vào, chẳng thủ, chẳng xả...”.

“Không phải hữu tướng, không phải vô tướng, không tác, không khởi, không sanh, không diệt, không sợ, không lo, không mừng, không chán; không phải đã tồn tại, không phải sẽ tồn tại, không phải đang tồn tại...”.

Có người lòng sục truy tìm Như Lai mà không thấy, có người tình cờ thấy biết Như Lai qua tiếng gió, tiếng sóng, tiếng ngói vỡ, tiếng lá rụng ngoài sân, mảnh trăng treo đầu bẹ chuối, sương mai lấp lánh hạt kim cương...

Cho nên với Như Lai “*Chẳng thể dùng trí mà hiểu, chẳng thể dùng thức mà biết*”. “*Không thể dùng tất cả ngôn thuyết để hiển thị hay phân biệt, tất cả ngôn ngữ đàm luận đều dứt tuyệt*”. Đến với Như Lai chỉ còn cách ú ớ, quơ tay quơ chân, đánh đấm la hét thôi... hoặc giỏi lắm thì im lặng cười một mình. Ờ há! Vậy hả? Thì ra thế! Cười đây là tự cười mình, tự chế giễu mình bấy nay ngờ nghệch, tưởng bờ, tưởng có thể thấy có thể biết, có thể nói năng đàm luận về Như Lai.

Duy-ma-cật lặng thinh là phải. Nói không được chớ không phải được không nói hay không được nói. Thấy mà nói không được. Biết mà nói không được. Chỉ có Phật với Phật mới hiểu nhau thôi. Văn-thù cất tiếng ngợi khen Duy-ma-cật vì họ đang cùng sống trong Như Lai, sống với Như Lai

“Chúng sanh trong cõi này cang cường, khó chuyển hóa, nên Phật phải giảng thuyết bằng ngôn ngữ cứng rắn để điều phục. Đây là Niết-bàn, kia là Địa ngục... Bày ra thiên đàng địa ngục, ngạ quỷ súc sanh cho họ sợ, để họ tự sửa cái tâm mình”. Chớ sau cùng Phật dạy: Ta chưa hề nói điều gì cả!

Hạt giống Như Lai bao giờ nó cũng vẫn phải “mọc” ra như thế. Nó vậy là nó vậy. Như thị tướng, Như thị tánh, Như thị thể, Như thị lực... Bốn mặt cứu cánh như thị!

Duy-ma-cật, dù gánh nặng cha mẹ, vợ con, nhà cửa, sản nghiệp... mà vẫn tu hành thành Bồ-tát được là nhờ thấy:

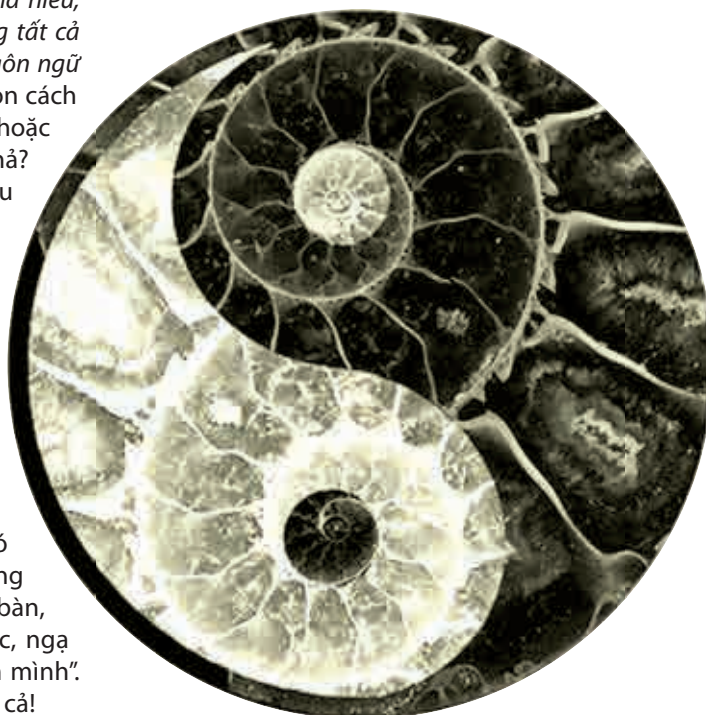
*“Trí Bát-nhã là mẹ
Tùy nghi phương tiện là cha
Pháp hỷ là vợ nhà
Từ bi là con gái
Tâm thiện là con trai
Trần lao là đệ tử
...
Trong lửa sinh hoa sen
Tại năm dục hành thiền
...
Vô lượng ức đấng Như Lai
Chư Phật với thân mình đây
Không khác chi đừng phân biệt!”*

Không khác chi. Đừng phân biệt! Ấy là “Bất nhị”!

Phật mở toang kho tàng bí mật của Như Lai, “khai thị” cho chúng sanh “ngộ nhập”. Từ bi là đó. Trí huệ là đó. Bình đẳng là đó. “Thấy biết” Như Lai, sống với Như Lai, Phật tùm tùm cười một mình. Thôi nhé. Đừng làm phiền Ta nữa nhé. Ca-diếp cũng cười được như vậy nên Phật truyền trao Ca-diếp tiếp tục con đường:

*“Bên trời xanh mãi
Những nụ mầm mới
Để lại trong cõi thiên thu hình dáng nụ cười...”*

(Trịnh Công Sơn) ■



Về ngôi chùa Trùng Quang ở làng La Vân Thượng

Bài & ảnh: ĐỖ MINH ĐIỀN



1. Dẫn nhập

Có ai đó đã từng nói rằng *“Huế không chỉ là đất thần kinh mà còn là chốn thiên kinh”*. Thật vậy, sự hiện hữu của hàng trăm ngôi cổ tự và Niệm Phật đường ở khắp cố đô Huế đã phần nào minh chứng cho lời nhận xét đó. Bên cạnh những đại danh lam khắp chốn Thiên lâm xứ Thuận Hóa thời bấy giờ thì chùa làng từ lâu đã trở thành một hình ảnh rất đỗi thân quen, một mái ấm tinh thần với người dân xứ Huế, là chứng nhân của biết bao sự đổi dời của thế cuộc. Nằm êm đềm tĩnh lặng, chan hòa khung cảnh mộc mạc ở miền quê nghèo bên ven bờ sông Bồ thơ mộng, chùa Trùng Quang không chỉ là một trung tâm tín ngưỡng mà ngôi đại tự này còn là biểu tượng tâm linh của toàn thể người dân La Vân Thượng, thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế.

2. Chùa Trùng Quang, ngôi cổ tự bên dòng Bồ giang

2.1. Làng La Vân Thượng là một làng cổ của vùng đất Thuận Hóa xưa, hiện tại chưa có tài liệu nào ghi chép về thời điểm cụ thể ra đời. Trở lại vùng đất Thuận Hóa vào thời kỳ đầu khi cư dân Việt tiếp nhận hai châu Ô-Lý sau cuộc hôn nhân của Quốc vương Champa là Chế Mân (Jaya Simhavarman III) và Công chúa Huyền Trân vào năm Bính Ngọ [1306]. Từ món quà sính lễ này, một dải đất kéo dài từ Quảng Trị đến địa đầu tỉnh Quảng Nam hiện nay được sát nhập vào bản đồ Đại Việt. Cũng từ đây, công cuộc di dân của người Việt được bắt đầu, bước chân của đoàn người Nam tiến từng bước tiếp cận vùng đất mới, họ cùng nhau khẩn trương đất đai, khai hoang mở

côi, thiết lập xã hiệu. Trong diễn trình đó, làng xã vùng Huế dần hình thành. Theo sách *Ô châu cận lục* của Tiến sĩ Dương Văn An thì làng La Vân là một trong 53 xã thuộc huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa.

Như vậy, đây là một làng ra đời trước thế kỷ XVI. Hiện nay làng La Vân Thượng đồng tôn vinh họ Phan là nhất tộc Khai canh và ngũ tộc Khai khẩn. Bài tựa Tộc phả họ Phan cho biết, ngài Thủy tổ họ Phan nguyên quán ở xã Thanh Đồng, huyện Thiết Lục, phủ Lạng Giang, một số bản văn tế của làng và gia phả họ có ghi *“Thiên Trường vệ Chấn Uy quân tiên phong tướng, Ngự dinh quản lĩnh Phan quý công”*, như vậy rất có khả năng ngài thủy tổ họ Phan là một nhân vật sống vào thời kỳ trước khi chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa. Trong một lần đi công vụ Thuận Hóa trở về ngài đã đem theo toàn bộ gia quyến vào đây định cư lập nghiệp. Hiện nay, phần mộ ngài táng tại Cồn Lệnh xứ, thuộc địa phận phía Tây làng Hiền Sĩ.

Vào cuối thời các chúa Nguyễn [1558 – 1775], La Vân tách thành hai xã khác nhau là La Vân Thượng và La Vân Hạ, đều thuộc tổng An Thành, huyện Quảng Điền. Gắn liền với quá trình tự cư, khẩn hoang đất đai, khai thôn lập làng là sự phát triển mạnh mẽ của các hình thức tín ngưỡng trong dân gian. Trong giai đoạn này, cùng với sự ra đời của nhiều thảo am do các bậc cao tăng khai sơn, thì chùa làng cũng đã được xây dựng khá nhiều để phục vụ vai trò thờ cúng của các lớp cư dân ở đây.

2.2. Chùa Trùng Quang ngày nay thuộc về địa phận làng La Vân Thượng. Chùa tọa lạc ở vị trí rất đẹp, nằm về phía phải của đình làng, quay mặt về hướng Tây – Nam, lấy dòng sông Bồ thơ mộng tươi mát làm minh đường và dãy núi Thất Giới (hay còn gọi là núi Lại Bằng) làm tiền án.

Sơ khởi của quá trình dựng lập ngôi chùa này có lẽ cũng có cơ duyên như bao ngôi chùa làng khác trên vùng đất xứ Huế. Hầu hết các thư tịch cổ ghi chép về chùa làng La Vân Thượng dường như rất ít. Chùa được xây dựng trên một mặt bằng với diện tích khoảng 730m². Trùng Quang tự ngày nay đã trải qua nhiều lần trùng tu do đó diện mạo kiến trúc cổ của chùa phần nào đã bị biến dạng. Chùa cấu trúc theo hình chữ Công, một kiểu thức truyền thống của nhiều chùa Huế xưa. Kiến trúc chùa bao gồm ba bộ phận chính là chánh điện, dãy lầu chuông, trống và khu vực hậu điện. Chánh điện có quy mô khá khiêm tốn nhưng vẫn giữ được đường nét thanh thoát, trang nghiêm. Tại vị trí chính giữa và cao nhất của chánh điện

là nơi tôn trí phụng thờ ba pho tượng Tam Thế Phật được đặt trong cái khám lớn chạm trổ hết sức công phu. Đối xứng nhau về phía dây lầu chuông, là nơi thiết đặt tượng Quan Công, cận bên là Quan Bình, mặt trắng tay cầm quyển sách, một bên là Châu Xương, mặt đen tay cầm cây đao Thanh Long. Đối diện phía phải là án thờ Ngọc Hoàng thượng đế. Theo lời kể của các cụ cao niên ở đây, thì hai pho tượng Quan Công và Ngọc Hoàng được tạc thành từ nguyên khối gỗ cây mít nài. Ngoài ra tại khu vực lầu chuông có thiết trí tượng thờ Hộ Pháp. Hậu điện hay còn gọi nhà tổ là nơi phụng thờ và hương khói các bậc Khai canh, Khai khẩn, những người đã đóng góp công lao rất lớn trong việc khẩn hoang đất đai, dựng ấp mở làng. Bên cạnh đó, đây còn là nơi thờ tự các thiện nam tín nữ đã đóng góp công sức to lớn hộ trì Tam bảo, chẳng hạn như vợ chồng ngài họ Phan, húy là Lầy, sinh năm Kỷ Ty [1689] và mất năm Quý Mão [1783] hay bà Chế Thị Kiên [?-1785], người đã phát tâm cúng dường quả hồng chung cho chùa vào năm 1748...

Trải qua bao phế hưng thời cuộc, thiên tai rồi chiến tranh tàn phá nên hầu hết pháp tượng, pháp khí quý báu của chùa ngày xưa phần thì mất cháy, số còn lại tàn mác khắp nơi, nay thật khó để truy nguyên gốc tích. Hiện tại chùa còn lưu giữ hai tấm biển ngạch được trùng khắc vào đời Cảnh Hưng. Tấm thứ nhất khắc 4 chữ đại tự: Đại Hùng Bảo Điện với dòng lạc khoản cho biết niên đại như sau: *Cảnh Hưng tuế thứ Tân Mùi quý hạ cốc đán* “景興歲次辛未季夏穀旦”, tương ứng với dương lịch là năm 1751, đây là giai đoạn chấp chính của chúa Nguyễn Phúc Khoát [1738 – 1765] ở Đàng Trong. Phía bên trái khắc tên người phụng cúng: *Nội viện Tánh Hằng bái tả* “內院性恆拜寫”. Tấm biển thứ hai khắc tên chùa là Trùng Quang tự, nội dung còn lại tương tự như tấm biển Đại Hùng Bảo Điện.

Ngoài ra, tại khu vực nội điện chùa đang trên tầng một quả chuông cũng hết sức quý hiếm và độc đáo. Chiếc chuông đồng này có dáng thẳng đứng, hơi loe ở phần miệng. Chuông có tổng chiều cao là 68cm, nếu không tính phần quai thì cao 48cm, đường kính miệng 33cm, đường kính thân chuông 85cm và dày khoảng 3cm. Quai chuông là hình con hổ lao, thân chuông khắc các họa tiết hoa lá, nét chữ trên chuông còn khá rõ. Dựa trên bài minh văn này, chúng ta biết, hai Phật tử thuần thành mộ đạo cũng là con cháu của làng La Vân là ông Chế Văn Lành và bà Chế Thị Kiên đã phát tâm tín cúng chú tạo quả chuông này vào năm Mậu Thìn [1748]. Sau đây, chúng tôi xin được chép lại và tạm dịch toàn bộ nội dung bài minh chuông chùa Trùng Quang:

[Nguyên văn]

越南國順化處肇豐府廣田縣羅雲上

社住奉。奉供法名姥媽堅制氏堅，法名注苓制文苓，造買洪鐘重陸宴拜供受持。天運戊辰年孟冬月穀時供

[Tạm dịch]

Nguyên trú làng La Vân Thượng, huyện Quảng Điền, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa, nước Việt Nam, kính dâng cúng. Pháp danh mẹ Kiên Chế Thị Kiên phụng cúng, pháp danh chú Lành Chế Văn Lành, mua sắm chuông lớn, chuông nặng 6 yến, bái lạy cúng thọ trì. Cúng vào ngày tốt tháng 10 năm Mậu Thìn [1748].

Có thể nói rằng, hai tấm biển ngạch và quả chuông chùa Trùng Quang là những bảo vật vô cùng quý giá không chỉ riêng Phật giáo xứ Huế. Bài minh chuông là một tư liệu rất bổ ích cả về phương diện thư tịch lẫn lịch sử và văn hóa. Đặc biệt bài minh văn này cho thấy vào thời điểm 1748, danh hiệu Việt Nam quốc đã được sử dụng. Đồng thời, hai nhân vật đã góp công đúc chuông là hai người họ Chế, thuộc hậu duệ cư dân Chăm-pa, một trong những dòng họ lâu đời của làng. Qua đó, góp phần xác thực mối quan hệ cộng cư, sự giao lưu và tiếp biến văn hóa của cư dân Chăm – Việt trên vùng đất này.

3. Đôi lời tạm kết

Giả dụ, nếu lấy mốc năm Mậu Thìn [1748] là năm chùa Trùng Quang được tái thiết, tôn tạo thì tính đến nay [2015] ngôi cổ tự này đã tồn tại trên vùng đất Huế cũng trên 267 năm. Hơn hai thế kỷ đã trôi qua, ngôi chùa này không biết bao lần “xây lên, dựng lại”, thay đổi quy mô lẫn kiến trúc, nhưng tinh thần Phật pháp và niềm tin của lớp lớp con dân làng La Vân Thượng vẫn luôn hiển hiện và trọn vẹn như buổi ban sơ. Với những di sản vật chất hiện tồn, cho thấy đó không chỉ là tài sản thiêng liêng của riêng làng La Vân Thượng mà còn là bảo vật của nền văn hóa dân tộc. Đồng thời, những thế hệ người dân La Vân Thượng tất thấy là những Phật tử thuần thành, một lòng mến mộ xiển dương Phật pháp, hộ trì Tam bảo. Thật vậy, sự dung dị, chân chất làm lắng đọng cả lòng người với một cốt cách thiền tâm đẹp đẽ, trong sáng nơi chốn làng quê này, hẳn được ươm mầm từ những tiếng chuông chùa sớm hôm như thế! ■

Tài liệu tham khảo:

1. Dương Văn An (1961) “*Ô châu cận lục*”, bản dịch của Bùi Lương, Văn Hóa Á Châu xuất bản, Sài Gòn.
2. Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2006) “*Lịch sử Phật giáo xứ Huế*”, Nxb Văn Hóa Sài Gòn.
3. Đoàn Trung Còn (2011) “*Phật học từ điển*”, Nxb Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Quý Đôn (1977) “*Lê Quý Đôn toàn tập, Phụ biên tạp lục*”, bản dịch của Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Trọng Hàn, Nguyễn Ngọc Tĩnh, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.



Loi xòa xe ngựa hơn que cu!

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Một hình ảnh đẹp ở các tỉnh Nam Bộ đã đi vào quá khứ: hình ảnh của những chiếc xe thổ mộ rong ruổi ngược xuôi trên các nẻo đường quê.

Chẳng biết từ bao giờ, đã có một thời gian rất dài chiếc xe thổ mộ gắn liền với những phiên chợ sáng chiều của người dân quê Hóc Môn, Củ Chi, Thủ Dầu Một... Nó không những là phương tiện đi lại thuận tiện, mà với dáng vẻ độc đáo, chiếc xe đã tạo cho khung cảnh đồng quê Nam Bộ trở nên duyên dáng và có "hồn" hơn!

Xe thổ mộ là loại xe ngựa chở khách, có hai càng bằng gỗ, do một con ngựa kéo. Tại sao nó có tên là *thổ mộ*? Có người giải thích vì xe có mui cong nhỏ, trông giống cái gò mả nên được gọi là *thổ mộ*. Lại có người cho rằng nó bắt đầu từ tên xe là "thảo mã", lâu ngày đọc trại ra thành "thổ mộ" (theo Paulus Của). Lại có ý kiến giải thích nó có nguồn gốc từ chữ *Tombeau* của Pháp đọc trại thành *thổ mộ*; điều này, cụ Vương Hồng Sển trong cuốn *Tự vị Tiếng Việt miền Nam* đã bác bỏ và cho biết rằng, người Pháp họ không bao giờ gọi xe thổ

mộ là *tombeau* cả, mà gọi là *Boite d'allumettes* (hộp quẹt), có lẽ vì cái hình dáng nhỏ nhắn của nó như cái hộp quẹt chẳng?

Có thể ban đầu, khi người Pháp mới sang, họ dùng xe ngựa để kéo pháo. Họ đem ngựa thuộc giống từ châu Âu, châu Phi sang. Những giống ngựa này cao to, có khả năng kéo nặng. Lần lần, có nhiều con không thể kéo pháo được nữa, chúng bị dặt ra để kéo đồ vật lật vật, kể cả kéo cỏ cho những con kéo pháo ăn. Chính vì thế mà có tên xe là "thảo mã" (xe ngựa kéo cỏ), lâu ngày đọc thành *thổ mộ*?

Cho dù nó có nguồn gốc thế nào, thì cái tên *thổ mộ* đã được người dân Nam Bộ gọi đã khá lâu, ít nhất là vào thời điểm sau khi quân Pháp đến chiếm đóng Nam Kỳ.

Người đánh xe ngựa được gọi là *xà ích*, theo nhà văn Bình Nguyên Lộc trong cuốn *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* thì *xà ích* là tiếng có nguồn gốc từ Philippines.

Những người đánh xe ngựa (*xà ích*) vốn là những nông dân chất phác, phóng khoáng cởi mở. Họ nhanh chóng tiếp thu một phương tiện giao thông mới, cải

tiến nó thành một loại xe chở khách có vóc dáng nhỏ, gọn, phù hợp với đường sá của nông thôn miền Nam. Hình thức xe cũng khá thẩm mỹ. Tuy giản dị với mái vòm cong cong, nhỏ nhắn nhưng khi di chuyển trên đường làng thì trông rất hài hòa với những ụ rơm, lũy tre làng của phong cảnh đồng quê.

Ngày trước, để hành nghề xe ngựa, việc quan trọng nhất là phải biết chọn ngựa. Lựa chọn ngựa bắt đầu từ màu lông, xải ngựa, tuổi (xem răng), mồm (mồm nhọn kén ăn hơn mồm bằng). Sau đó là huấn luyện. Việc huấn luyện ngựa do những vị cao tuổi học tập và truyền lại từ sách *Mã kinh* của Trung Quốc. Có người kỹ lưỡng hơn thì lại coi thêm mạng theo Ngũ hành: mạng của người cần phải hợp với mạng của ngựa! Ví dụ: người mạng Thổ chọn ngựa ô; mạng Thủy chọn ngựa Kim (hoặc khú) lông nâu nhạt; mạng Mộc chọn ngựa Kim than (ngựa trắng điểm đen); mạng Hỏa chọn ngựa Vang (lông đỏ).

Thời Pháp thuộc, xe thổ mộ hoạt động theo luật định. Ai muốn hành nghề xà ích đều phải qua một cuộc thi khảo hạch để nhà chức trách cấp bằng chứng nhận. Người lái xe phải đủ 18 tuổi, có đủ sức khỏe, trước khi thi phải thuộc 36 ký hiệu giao thông trên đường y như thi lái xe bây giờ vậy. Bởi vì lúc đó, xe thổ mộ chẳng những chở khách xuôi ngược ở các vùng nông thôn ngoại thành, mà nó còn chở hàng hóa và khách vào tận các chợ Bến Thành, Cầu Muối... Vì thế, người xà ích phải hiểu biết luật giao thông đường bộ và có tay nghề cao để đảm bảo an toàn giao thông. Trên xe phải có chuông, nút ấn chuông được đặt bên cạnh chỗ ngồi của người xà ích. Xe chạy khi trời tối phải có đèn lái ở hai bên, hai cái đèn có hình dáng là hai cánh tay người cầm hai chân đèn. Quy định này do người Pháp đặt ra. Đèn được đốt cháy bằng khí đá, nó chẳng soi sáng được bao nhiêu, nhưng để cho người đi đường thấy có xe ngựa mà tránh! Dưới gầm xe phải có bao đựng phân ngựa, không để ngựa phóng uế bừa bãi ra công lộ. Xe ngựa nào không thực hiện đủ những quy định trên sẽ bị "phú lít" xử phạt ngay. Xem thế ta thấy xe ngựa ngày xưa cũng khá văn minh!

Có người nói rằng lúc trước, xe ngựa khi chạy trong thành thị thì xà ích che đi một phần cặp mắt của ngựa, chỉ cho nó nhìn thấy phía trước từ 2 đến 3 mét; mục đích là để cho ngựa khỏi bị phân tâm mà chạy "lạc hướng" dễ gây tai nạn. Mỗi xe thổ mộ được trang bị một "bộ nhíp" giảm xóc. Tất cả các loại xe như xe bò, xe ngựa kéo, xe lừa... của ta từ trước đó chưa hề biết đến cái nhíp giảm xóc bao giờ. Cùng với sự tồn tại của chiếc xe ngựa là những nghề phụ thuộc theo nó như: nghề xén tóc và xén lông cho ngựa, nghề đóng móng sắt ngựa, nghề đóng thùng xe... Nghề đóng móng sắt do người châu Âu du nhập vào. Ngựa xứ ta trước đó chưa hề đóng móng sắt.

Thời gian khoảng nửa đầu thế kỷ XX, ở vùng Hóc Môn, Củ Chi, Thủ Dầu Một có hơn 1.000 chiếc xe thổ

mộ. Có lẽ nó là phương tiện di chuyển công cộng trên bộ đầu tiên ở nước ta, sau đó mới đến các loại phương tiện khác. Cũng như nhiều nghề khác, nghề xà ích cũng có tính cha truyền con nối. Ở khu Tân Định xưa có con đường nhỏ mang tên Mã Lộ; đó là đường xe thổ mộ chạy. Xe thổ mộ cũng có bến như xe buýt hiện nay. Ngoài ra, ở khu vực kênh Nhiêu Lộc (khu vực gần chùa Vĩnh Nghiêm hiện nay) có một khu vực gọi "Bến tắm ngựa", đây là nơi xà ích thường cho ngựa xuống tắm mát nghỉ ngơi sau thời gian dài rong ruổi mệt nhọc trên các ngã đường. Đối với người dân Sài Gòn - Gia Định và các vùng lân cận thời đó, những chiếc xe mui vòm khum cong như những nắm mộ xuôi ngược trên những con đường đất đỏ (sau được rải đá rồi tráng nhựa); với hình ảnh những chú ngựa nhỏ con, gõ móng lộp cộp trên mặt đường nhựa, cùng với nhạc cổ leng keng là một phương tiện chuyên chở rất gần gũi và thân thiện, nhất là đối với bạn hàng các chợ và người bình dân đi lại từ nơi này sang nơi khác. Trong những ngày giáp Tết, xe thổ mộ càng đẹp và rực rỡ hơn vì rực vàng hoa vạn thọ, hoa huệ, cúc... từ các vùng Gò Vấp, Bà Điểm đổ vào bán ở các chợ nội thành.

Mỗi cỗ xe thổ mộ đang chạy như là một bản hợp tấu giàu âm điệu. Âm điệu nền là tiếng vó ngựa lộc cộc giòn giã nện xuống đường. Tiếng khua lóc cộc của cây ví (thanh thép nằm giữa trục bánh xe). Tiếng lục lạc leng keng ngân vang trên cổ ngựa. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng "cốc keng" vang xa mà rờ rạc từ cái chuông xe. Và cuối cùng là lâu lâu lại trỗi lên tiếng hí dài của con tuấn mã sung mãn đầy sinh lực! Tất cả như một bức họa mỹ thuật toát lên nhiều âm thanh của một bản hòa tấu sinh động, và bức họa đó đã thực sự đi vào dĩ vãng, đi vào lịch sử của một vùng quê xưa... ■





Ba Thắc cổ miếu

Bài & ảnh: TRẦN KIỀU QUANG

Ba Thắc - người Pháp gọi là Bassac - khu vực giáp ranh giữa Sóc Trăng và Bạc Liêu xưa. Theo đó, Ba Thắc trong sách Pháp có các nghĩa:

1. Chỉ vùng đất liền từ mé Hậu Giang, giáp vịnh Xiêm La và từ Châu Đốc xuống bờ Bạc Liêu, người Khmer gọi là Srok Bassac, Pháp gọi Trans-Bassac; Năm 1836 đặt làm phủ Ba Xuyên, gồm 3 huyện: Phong Nhiêu, Phong Thạnh và Vĩnh Định; từ Pháp thuộc đổi làm tỉnh Sóc Trăng, ngày nay gần Chợ Cũ Bãi Xàu còn một cổ miếu thờ ông Ba Thắc (Neak-Ta Bassac);

2. Tên của chi nhánh Cửu Long giang, có tên sông Hậu (chữ là Hậu Giang) sông sau, sông Bassac chảy từ biên giới Campuchia ra Nam Hải xuyên qua các tỉnh An Giang, Vĩnh Long, Phong Dinh, Vĩnh Bình, Ba Xuyên;

3. Tên của một trong ba cửa biển của Hậu Giang, ba cửa ấy là:

- a. Cửa Định An, mé Trà Vinh;
- b. Cửa Bassac này;
- c. Cửa Trấn Di⁽¹⁾.

Vào khoảng năm 1970, cửa sông Ba Thắc bị vùi lấp nên sông Cửu Long hiện nay chỉ còn 8 cửa, nhưng miếu Ba Thắc ở đây hãy còn.

Miếu Ba Thắc hiện nay tọa lạc trên một khuôn viên rộng lớn, cây cối sum suê, thuộc khu vực Chợ Cũ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Trước đây, ngôi miếu này nổi tiếng linh thiêng nên được bà con quanh vùng cúng bái thường xuyên.

Ba Thắc cổ miếu lúc đầu chỉ là một ngôi miếu nhỏ, được cất vào khoảng năm 1927, bằng cây lá, theo kiến trúc Khmer. Sau này, nhân xây chùa Ông Lớn gần đó nên người Hoa ở đây đã cho xây lại miếu bằng xi-măng với lối kiến trúc của người Triều Châu. “Trải qua thời gian khá dài, Ba Thắc Cổ Miếu bị hư hao do bom đạn chiến tranh nên được trùng tu lần cuối vào năm 1995, như hiện nay, vẫn giữ hàng chữ *Pagode de Basac* trên tấm bảng xi-măng trước cửa chánh điện. Nhìn tổng thể, Ba Thắc Cổ Miếu được xây dựng theo lối kiến trúc của người Triều Châu (Tiểu), với bề ngang chừng 12m, sâu khoảng 13m, với một chánh điện cùng hai tai (nhà khách hai bên), trên diện tích 5.000 mét vuông”⁽²⁾.

Về nhân vật được thờ trong miếu, tạp chí *Xưa và Nay* số 363 tháng 9 năm 2010 cho rằng: “Ở Bãi Xàu (Mỹ Xuyên, Sóc Trăng) trên đường đến chùa Tắc Giồng (Tham Đôn, Mỹ Xuyên) có ngôi miếu cổ thờ thần Ba Thắc (Neak-Tà Bàsàk). Tương truyền có một hoàng tử người Lào (có thể mẹ là người Lào), không biết vì lý do gì ông đến ngụ và mất nơi đây. Được dân làng dựng miếu thờ, đến nay vẫn còn, người Việt gọi là *Ba Thắc Cổ Miếu*, tiếng Khmer gọi là *Vat Luong Bàsàk*”. Có người địa phương kể khác: Vào thế kỷ XVIII, ông Bassac cùng vợ là Công chúa nước Lào (Lào) vì phạm tội với triều đình bên đó nên lên thuyền trốn đi. Tới cửa Vàm Tấn, thuyền bị sóng bão đánh dạt vào cửa biển Trấn Di (nay là Trấn Đế), cả đoàn lên bờ tạm trú. Từ đó, mảnh đất này có tên Sóc Lèo (nay là xã Lịch Hội Thượng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng) trên văn bản hành chánh bấy giờ). Vợ

chồng ông lạc tới Bãi Xầu (Srock Bai Chau) định cư. Với tài lực, vợ chồng ông biến mảnh đất này thành nơi trù phú. Khi ông qua đời, để tưởng nhớ công ơn, người ta xây chùa thờ ông. Đó là chùa Bốn Mặt, được gọi là Ba Thắc Cổ Miếu^{”(3)}.

Qua khảo sát thực tế, chúng tôi thấy rằng: ngay gian chính điện, nhân vật được thờ là một hòn đá to, nhẵn bóng, trên đó có phủ vải đỏ. Như vậy, ở đây có hai khả năng xảy ra. Một là nhân vật được thờ trong miếu là hoàng tử của nước Lào, được người Khmer gọi là Neak-Ta Bassac. Hai là, nhân vật được thờ ở đây chính là Neak-Ta của người Khmer. Đây là vị thần bảo hộ của người Khmer ở Sóc Trăng nói riêng, Nam Bộ nói chung. Chức năng của Neak-Ta là trông coi sức khỏe và sự thịnh vượng ở những nơi mà ông gìn giữ. Ông chịu trách nhiệm về những chuyện xảy ra ở đó, nên mỗi khi có dịch bệnh, mất an ninh trong phum sóc, mùa màng thất bát, nhất là khi hạn hán xảy ra, người ta đều làm lễ cúng Neak-Ta. Vì vậy, Neak-Ta là vị thần dân dã trong dân gian, nhưng đồng thời cũng là vị thần có quyền uy tối thượng khiến cho những kẻ làm ác phải kiêng dè.

Neak-Ta trong đời sống tâm linh của người Khmer có nhiều nguồn gốc khác nhau. Tùy vào qui mô khu vực mà ông cai quản, tùy vào *lai lịch xuất thân* mà có các vị Neak-Ta khác nhau. “Đó có thể là linh hồn của một người chết từ lâu, một vị thần ở trong rừng thẳm, hoặc một vị thần ở nơi đồng ruộng được chỉ định để coi sóc một địa phương hoặc một khu vực nào đó. Nhưng dù *xuất thân từ thành phần* nào thì các vị Neak-Ta này đều phải là người đàn ông có tuổi. Nếu vị Neak-Ta được giao nhiệm vụ cai quản một thửa ruộng thì gọi là Neak-Ta Sre; Nếu bảo vệ một khu vực trong chùa thì gọi là Neak-Ta Vatt; Còn nếu canh giữ ở ngã ba sông thì gọi là Neak-Ta Peam bei...

Cũng có khi người ta căn cứ vào những đặc điểm, chức năng, truyền thuyết để phân chia Neak-Ta thành nhiều loại khác nhau. Như loại dùng tên của một vật trong thiên nhiên, hoặc dùng địa danh để đặt tên, loại mang tên nhân vật trong truyền thuyết, loại căn cứ vào màu sắc để gọi tên, cũng có loại tên có nguồn gốc từ đạo Bà-la-môn như Neak-Ta Day Khmau, Neak-Ta Kocohom, Neak-Ta Buôn Muk, Neak-Ta Pottobol, Neak-Ta Neang Khmau, Neak-Ta Neang Khiu.”^{”(4)} Do đó, ở đây chúng tôi nghiêng về khả năng thứ hai.

Hằng năm, Ba Thắc cổ miếu tổ chức lễ cúng vào các ngày 21, 22 và 23 tháng 2 âm lịch. Lễ vật cúng gồm heo quay, xôi, trái cây và nhang đèn... Trong các ngày cúng đó, khách từ các nơi đổ về rất đông, đặc biệt vào Tết Nguyên đán, Ba Thắc cổ miếu đón hàng ngàn lượt khách đến viếng thăm và cúng bái. ■

Chú thích:

Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb Trẻ, tr.50.

Phù Sa Lộc (2011), *Ba Thắc cổ miếu*, báo *Cần Thơ*, số ra ngày 20 tháng 3.

Dẫn theo Phù Sa Lộc, Bdd.

Trần Văn Bính (2004) (chủ biên), *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ - thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, tr.180.





Tu tập

HOÀNG TÁ THÍCH

Từ khi con đường đi bộ Nguyễn Huệ ở Saigon hoàn tất thì dọc theo hai bên vẫn có đường dành cho xe cộ, mỗi đường có đến ba làn xe, ngang qua nhiều ngã ba (ngã ba chứ không phải ngã tư). Mỗi ngã ba đều có đèn xanh đèn đỏ chủ yếu dành cho người đi bộ, nên trên các cột đèn đều có gắn một hộp điện dành cho những người đi bộ có thể bật đèn để qua đường. Có lẽ chỉ cần khoảng mười giây đồng hồ để một người băng qua đường, nhưng mỗi lần đèn đỏ được bật lên thì cả phút sau mới trở lại đèn xanh. Vì vậy mà nhiều lúc chạy xe đến một ngã ba, chẳng thấy có ai đi bộ qua cả, nhưng phải chờ đèn đỏ khá lâu mà khách bộ hành thì đã đi qua lúc nào rồi. Có thể là thiết kế của sở giao thông chưa được hoàn chỉnh, nên phải chờ một lúc khá lâu mà chẳng có ai đi bộ qua cả thì cũng là vấn đề kiên nhẫn cho những người chạy xe, kể cả xe hơi và nhất là taxi lúc nào cũng gấp gáp vì nhu cầu đón khách.

Người Việt ta phần lớn nhận thức chưa được cao, lại rất thiếu ý thức khi đi đường, nên những ngọn đèn xanh được thiết kế khá tốn tiền đó đã trở thành vô ích với ít nhất là năm bảy chục phần trăm lái xe. Cũng không trách được, vì chẳng thấy có ai qua đường cả mà phải đứng chờ thì vô duyên thật, nhất là người đi bộ nhiều nhận gì cho cam. Ngay cả khi có người qua đường, nhưng qua chưa hết đường thì đã có những xe máy vượt qua ngay phía sau người đi bộ. Ở mỗi ngã ba như thế, đều có yết bằng cấm xe gắn máy băng qua con đường đi bộ để qua bên kia mà thỉnh thoảng vẫn có những người cứ thản nhiên chạy qua nữa huống gì là trên con đường được phép chạy xe. Băng qua con đường đi bộ thì có thể bị bảo vệ chặn phạt, nhưng vượt đèn đỏ trên con đường chẳng có bóng ai qua đường thì mắc mớ gì mà phải chờ cho phí thì giờ?

Tôi thường chạy xe qua con đường trước mặt bưu điện của thành phố. Ở đây thường có những đoàn du khách

phần nhiều là người nước ngoài được xe buýt thả xuống để tham quan bưu điện và nhà thờ Đức Bà. Mỗi lần như thế, ngay cả những lúc có bảo vệ dẫn đường, người chạy xe, nhất là xe gắn máy, vẫn không bao giờ chịu khó chờ những người du khách qua hết đường, mà hễ thấy chỗ nào trống giữa đoàn người là vượt qua ngay. Chắc chắn dù không xảy ra tai nạn, nhưng dưới mắt những du khách nước ngoài thì dân mình đang bị đánh giá là văn hoá quá thấp mà họ không hay hoặc chẳng cần biết. Không hiểu tại sao những người chạy xe lại gấp gáp đến nỗi không thể kiên nhẫn để giữ chút lịch sự, chứ đừng nói đến hai chữ thể diện quốc gia với du khách như thế.

Nếu ai đã từng du lịch qua Thượng Hải, Đài Loan, Bangkok, Singapore, Tokyo... thì sẽ thấy người dân ở đó... quá kiên nhẫn chờ đèn, không bao giờ vi phạm những lỗi giao thông cả, mặc dù có khi đường vắng hoe, chẳng có xe cộ nào chạy qua phía trước, mà người ta vẫn đứng yên chờ đèn báo, không bao giờ vượt đường chạy ẩu. Ấy là bởi vì dân trí họ cao hoặc là nhờ luật pháp được thi hành nghiêm minh.

Trở lại hai con đường dọc theo đường đi bộ Nguyễn Huệ. Mỗi lần chạy xe qua đó, tôi đều nghĩ đến vấn đề... tu tập bản thân. Nếu có thể đứng yên được chừng gần một phút ở mỗi ngã ba đường để chờ đèn xanh mà trước mặt chẳng có một bóng người nào qua đường mới chạy xe thì đúng là một công phu phải cố gắng lắm mới tu tập được. Chắc chắn chẳng có ai gấp gáp cả, nhưng thấy phải mất thì giờ một cách vô ích thì thường dễ thiếu kiên nhẫn. Chạy xe đến bất cứ một ngã tư nào trong thành phố, không bao giờ không thấy những người thiếu kiên nhẫn, thay vì nối đuôi nhau chờ đèn hiệu thì họ thường leo lên lề đường, cố chen ra phía trước để có thể chạy ngay khi đèn xanh vừa bật lên. Nếu có thể đứng yên một chỗ đằng sau những người khác và không quan tâm đến những kẻ leo lề đó thì “công phu” cũng đã đạt được phần nào. Nhưng leo lên lề thì cũng có phần khó khăn vì cũng phải chen lấn, kiếm một chỗ lề đường thấp, còn trên con đường dọc theo con đường đi bộ Nguyễn Huệ thì chuyện chạy qua đèn đỏ khi không có bộ hành chẳng có vấn đề gì cả, nhất là khoảng đường này khá rộng, xe cộ lại không nhiều mà bộ hành thì thưa thớt, thỉnh thoảng mới có.

Vấn đề tu tập đầu tiên là giữ được sự kiên nhẫn. Kiên nhẫn để không bị thúc giục bởi những người hai bên mình vượt đèn. Tự nhủ mình chẳng có gì phải gấp gáp và không bị nôn nóng bởi hành động của người khác, nên tuân thủ luật đi đường một cách nghiêm chỉnh vẫn tốt hơn. Sau đó là một chút bao dung để không thấy khó chịu vì những kẻ vượt đường dù biết đó là hành động sai trái. Kiên nhẫn là “nội bất loạn”. Kiên nhẫn giúp mình không bị xao động bởi chung quanh. Bao dung là “ngoại ly tướng”. Bao dung làm cho lòng thanh thản không khó chịu vì người khác. “Ngoại ly tướng vì thiền, nội bất loạn vì định” (Lục tổ Huệ Năng) là thế.

Nếu ngày nào cũng chạy xe qua con đường đó và ngày nào cũng cố gắng tu tập như thế thì dần dần, người ta có thể yên bình trước những hỗn loạn của chung quanh. Rất nhiều người sẽ nghĩ rằng nếu chỉ một vài người dừng lại trong khi những người khác vẫn chạy một cách bình thường thì đôi khi chẳng ích lợi gì mà lại còn có vẻ là một hiện tượng khác thường không giống ai. Nhưng nếu ai cũng nghĩ như thế thì mọi việc càng ngày sẽ càng xấu đi. Cứ phải nghĩ rằng chỉ cần có ý thức được việc mình làm là đúng đắn thì chắc chắn sẽ có những người khác, dù rất hiếm cũng vẫn có, nhìn thấy và bắt chước theo. Một con én không làm nổi mùa xuân, nhưng một tấm gương sáng thế nào cũng có kẻ noi theo.

Ở nước ta bây giờ có không biết bao nhiêu là hiện tượng hỗn độn mất trật tự rất khó lòng văn hồi. Sắp hàng để mua một cái vé xem hát hay sắp hàng đứng chờ xe buýt nhớ có bị người khác chen chân lấn đường thì không sao, có thể chỉ thấy chút bức mình, nhưng nếu xếp hàng để nhận một món quà số lượng có hạn thì cảm thấy bị thiệt thòi ngay. Tranh giành những cơ hội “khuyến mãi” là một hiện tượng khá phổ biến mà ai thấy cũng không thể nào không xấu hổ, nhưng cũng không phải dễ gì mà kiên nhẫn được, nếu đã tham dự vào đám đông. Tu tập bản thân nghĩa là chế ngự tính tham lam, tự nhủ lòng nếu chịu khó đến nơi mà nhận được thì tốt, nhưng nếu không nhận được thì cũng thế thôi. Và vẫn giữ mình nghiêm chỉnh sắp hàng chờ đợi, thế nào cũng có người thấy, nhận thức được và noi theo. Còn cả trăm ngàn điều khác trong xã hội, nhưng nếu có thể tu tập được thì không những có lợi cho bản thân mình mà đôi khi còn có thể làm gương cho kẻ khác.

Nói chuyện tu tập với dòng xe cộ mất trật tự, với những chuyện tranh giành nhau phải chứng kiến hàng ngày trong xã hội có phần hỗn loạn này nghe có vẻ buồn cười, nhưng đó là một môi trường tu tập đặc biệt ngay trong cuộc sống hàng ngày.

Không phải vào chùa mới tu hành được, không cứ gì phải có một nơi thanh tịnh mới thiển hành tu tập được; mà thực ra ngay giữa đường phố cũng có thể hành thiền. Điều này xem ra vừa dễ vừa khó. Dễ với người có ý thức tu tập, có tâm ổn định và có mong muốn tự chiến thắng bản thân. Khó với người có tâm thường bị lôi cuốn bởi ngoại cảnh. ■



Lang thang trong chữ

Hệ từ kiểu học trò



HỒ ANH THÁI

Có người viết văn có thâm niên văn điệu, văn màu mè, bóng bẩy. Thì có người viết văn đến già vẫn dùng đầy đủ giới từ, liên từ, tạo một cấu trúc câu rất nhà trường, rất học trò. Hai người hay mắc thứ văn nhà trường này: dịch giả và nhà phê bình.

Dịch giả, vì ông bà ấy đã bê nguyên xi các giới từ liên từ của một ngôn ngữ coi trọng tính chính xác của sở hữu, của đối tượng, của phương hướng...

Nhà phê bình, vì hầu như các nhà phê bình nghiên cứu đều chỉ lưu ý nhiều đến tính thông tin của ngôn ngữ mà lơ là cá tính của ngôn ngữ. Cho nên ta hiếm thấy một nhà nghiên cứu phê bình có văn (nói thêm cho công bằng: nhà văn mà có văn cũng hiếm).

Nói đi thì cũng phải nói lại: nhiều dịch giả chắc phải bó tay, nếu gặp phải những nhà văn nước ngoài có hệ thống ngôn ngữ riêng. Không nói đến những tác giả kinh điển, chỉ một nhà văn đương đại Mỹ Cormac McCarthy chẳng hạn. Trong *No Country for Old Men* (Không chốn nương thân cho người già), ông đã tự tạo ra một thứ văn giản lược các hư từ, các giới từ, liên từ. Biết thưởng thức thì thứ văn ấy thật khỏe khoắn, cứng cáp. Không thì sẽ coi là khó hiểu. Với dịch giả nước ngoài thì có thể là một cuộc vật lộn chữ nghĩa, sau đó bản dịch là một văn bản rơi rụng hết cả văn. Tất nhiên khó ai dịch được văn, nhưng bản dịch những thứ như văn của McCarthy là một sự hao hụt đến bảy tám phần.

Người viết văn chủ ý tự chứng tỏ sự trưởng thành thì thường lược bỏ những giới từ không cần thiết. Nói cho chính xác, những giới từ liên từ vẫn ở đấy, trong câu văn, nhưng đã hóa thành vô hình; nó đã ẩn đi. Người viết và người đọc, như đã hiểu nhau, như đã có quy ước riêng, khi vào đến trang văn, vẫn biết nó đang ẩn trong ấy dù không hiện diện.

Thử xét một câu văn: chàng nhìn mọi đồ vật với vẻ mặt ngạc nhiên.

Chỉ thêm giới từ Với, mà cả câu trở thành tập làm văn, thật là học trò.

Ẩn giới từ đi, có thể viết: chàng nhìn mọi đồ vật, vẻ mặt ngạc nhiên. Coi như hai câu được nối lại nhờ một dấu phẩy.

Cũng có thể viết giản dị hơn: chàng ngạc nhiên nhìn mọi đồ vật.

Một câu khác, cũng giới từ Với: với những ảnh hưởng từ cả tôn giáo và triết học, ông đã viết nên một cuốn sách hay. Câu này dễ chữa hơn: chỉ việc ẩn giới từ Với: ảnh hưởng từ cả tôn giáo và triết học, ông đã viết nên một cuốn sách hay.

Người viết nào có chủ ý tạo lập ngôn ngữ riêng, chủ ý tránh lối mòn nhà trường, tránh ngôn ngữ phủ bụi kinh viện cũ kỹ, sẽ tránh những câu kiểu này:

Bằng một ánh mắt long lanh vui sướng, đứa bé sà vào lòng mẹ.

Bởi vì trời mưa to cho nên anh quyết định không đi nữa.

Cô ấy làm việc này theo một cách mà ông đã hướng dẫn.

Có thể ẩn bớt hư từ, mà viết:

Mắt long lanh vui sướng, đứa bé sà vào lòng mẹ.

Trời mưa to, anh quyết định không đi nữa.

Cô ấy làm như ông đã hướng dẫn.

Và còn rất nhiều cách khác có thể ẩn bớt hư từ, rồi xoay chuyển cấu trúc câu văn cho hợp lý.

Cũng cần nói thêm, gần đây có một cấu trúc văn đã trở thành quen miệng nói, quen tay viết:

Anh nói về một vấn đề cần phải giải quyết đó là mua một chiếc xe mới.

Đúng ra đấy là hai câu:

Anh nói về một vấn đề cần phải giải quyết. Đó là mua một chiếc xe mới.

Còn nếu muốn nối hai câu thành một, thì hãy bỏ chữ đó:

Anh nói về một vấn đề cần phải giải quyết là mua một chiếc xe mới.

Rồi nó sẽ được ngữ pháp tiếng Việt chấp nhận như một sự đã rồi, một thói quen đã thành nếp. Nhưng người viết văn có ý thức sẽ từ chối sử dụng cái mẫu câu đó là đó là này. Cũng như sẽ từ chối dùng những ngôn từ thời thượng mà đầy nhảm lẫn đã nêu. ■



Graffiti

mỹ thuật tội lỗi

Bài & ảnh: THÀNH TRUNG

Từ khi biết viết thì con người đã viết trên tường. Đặc biệt, người La Mã thời cổ đại rất thích viết trên những bức tường ở các thành phố nơi họ vừa chinh phục. Việc viết trên tường như thế gọi là *graffiti*.

Người Ý cũng có nghệ thuật trang trí trên các kiến trúc thạch cao hay đồ gốm bằng cách khắc những đường nét hình học có tính cách biểu tượng, gọi là *graffito*. Có lẽ vì thế mà việc viết, vẽ trên tường trong các thành phố ngày nay được gọi chung là *graffiti*; và còn được coi là một nghệ thuật. Khoảng các thập niên sáu bảy mươi của thế kỷ trước, hoạt động viết vẽ trên tường trở thành phong trào ở Hoa Kỳ, song hành với những phong trào phản kháng của các nhóm hippies. Nội dung của hình thức “nghệ thuật” này có lúc thể hiện một thông điệp xã hội hay thuần túy chỉ là vẽ chơi cho vui. Ở một số quốc gia, graffiti đã bị gọi là “mỹ thuật tội lỗi”, bởi đôi khi nó bôi bẩn các bức tường không được chủ nhân cho phép hoặc làm xấu mỹ quan đô thị. Mặt khác, việc viết hay vẽ thường được họa sĩ thực hiện trong hoàn cảnh lén lút vào ban đêm để không ai nhìn thấy.

Graffiti du nhập Việt Nam vào những năm đầu của thế kỷ XXI bởi những du học sinh có tư tưởng phóng khoáng, yêu nghệ thuật. Hành động này thường kết hợp với những người yêu âm nhạc hip-hop. Thoạt đầu, tranh được vẽ ở những ngôi nhà hoang với các mẫu chữ cách điệu hay hình ảnh lạ, thu hút người qua đường. Nhiều tranh còn thể hiện tính cộng đồng, kêu gọi, tuyên truyền như: “Đừng hút thuốc lá”, “SIDA-hãy tránh xa”, “Tôi yêu Việt Nam”, “Chuộng hòa bình, ghét chiến tranh”... Có những bức tranh vẽ các công trình

kiến trúc thế giới như tháp Pisa, tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn... một cách cầu kỳ, tỉ mỉ. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, graffiti ngày càng lan rộng khắp thành phố đến nỗi người đi đường ngán ngẫm, còn chủ nhân của những bức tường thì khó chịu. Graffiti không còn là nghệ thuật thuần túy mà nó trở nên một hành động bôi bẩn, phá hoại tài sản công (tư) nơi công cộng.

Không mặn mà với những ngôi nhà bỏ hoang đang đập phá hoặc các bức tường bị lãng quên do cây cỏ che khuất tầm nhìn, graffiti nhắm đến các ngôi nhà mặt tiền vừa mới xây xong khang trang như là sự khiêu khích. Các cửa kính, cửa cuốn của gia chủ cũng không thoát khỏi “sự chiếu cố” của các “nghệ sĩ graffiti”. Lầm lúc “nghệ thuật graffiti” còn bôi bẩn ở những nơi tôn nghiêm như chùa chiền, nhà thờ, viện bảo tàng...

Đáng nói, có những bức tường vừa mới được tô lại che lấp *tác phẩm graffiti*, thì ngay lập tức, hôm sau xuất hiện một tác phẩm mới như là cách khiêu khích. Hãy thử tưởng tượng, ngôi nhà bạn còn thơm mùi vôi nhưng chỉ sau một đêm xuất hiện một kẻ phá bĩnh nào đó vẽ chi chít tranh trên tường. Tất nhiên là rất tức giận. Chắc hẳn giới 8X trở về trước vẫn còn nhớ câu chuyện cậu bé trong sách giáo khoa môn tập đọc về con ngựa rất đẹp nhưng bác bảo vệ trường lại chê “đẹp mà không đẹp”, bởi cậu bé đã bôi bẩn lên tường, làm xấu sự tinh tế của trường học.

Để hạn chế hành động này, chính quyền địa phương cần mạnh tay với những người vẽ bậy lên tường nhằm trả lại vẻ quyến rũ cho thành phố. Dù biết rất khó khăn trong công tác xử phạt, vì các tay họa sĩ graffiti thường hoạt động lén lút, nhưng nếu quyết tâm, chắc chắn sẽ đẩy lui được “trường phái mỹ thuật tội lỗi” này. ■

Bố hoa tặng bố

QUYỀN VĂN

Tôi ít biết về mẹ vì từ thuở ấu thơ tôi đã không được ở bên mẹ; mẹ rời bỏ tôi khi tôi chưa đầy một tuổi. Trong tôi, ký ức về mẹ nhạt nhòa, chỉ chấp vá từ những câu chuyện nghe người khác kể lại. Tôi lớn lên và sống với bố; và bố cũng là người tôi kính trọng nhất. Vào ngày Phụ nữ Việt Nam, lễ đúng ra tôi sẽ viết về những người phụ nữ, nhưng tự nhiên tôi lại muốn viết một chút về bố, người đã làm tròn hai bốn phận nuôi tôi lớn đến ngày hôm nay.

Nói về bố, tôi không biết bắt đầu từ đâu. Bởi với tôi, bố là cả một kho tàng câu chuyện để kể. Trong con mắt của tôi, bố là người nhân từ, độ lượng, chăm chỉ, khéo tay, nhưng cũng có đôi lúc... nóng tính. Tôi nhớ có lần, khi đang học lớp hai, tôi đã có một vụ "đụng độ" với bạn trong lớp. Hai cánh tay tôi xây xát, máu loang lổ nhòe cả vạt áo trắng. Lúc đón tôi về đến nhà, thấy vậy, bố không hề hỏi lý do, lấy roi mây đánh tôi hai cái. Tôi khóc nức nở không chỉ vì đau mà vì ấm ức, tủi thân vì bố không hiểu cho mình. Tối hôm ấy, khi đã thiêu thiêu ngủ tôi bỗng giật mình thức giấc, thấy bố tôi đang loay hoay thay đồ, giặt khăn và tra thuốc vào vết thương cho tôi. Về sau, qua những lời dỗ dành của bố, tôi biết bố phạt tôi chỉ vì muốn tôi biết cách xử sự với bạn bè. Tôi mới nhận ra rằng bố không hề ghét tôi mà còn rất yêu thương tôi.

Tình thương của bố dành cho tôi được cụ thể hóa bằng những hành động chứ không phải là lời nói suông hoa mỹ. Bố sẵn sàng thức hôm thức khuya để làm cho tôi bộ quần áo thật đẹp. Tôi cũng là đứa trẻ có nhiều đồ chơi nhất trong xóm. Đồ chơi của tôi tuy chỉ là

do bố tự chế, sáng tạo ra bằng những thứ bỏ đi, lượm lặt quanh vườn ruộng nhưng cũng không kém độc đáo những đồ chơi làm sẵn. Tôi thích ăn cơm rang buổi sáng trước khi tới lớp, bố tôi luôn lọ mọ dậy từ sáng, thổi cơm xong rồi lại rang cho tôi. Bố cũng là người tự tay chuẩn bị cho tôi từng chiếc áo, găng tay, mũ nón, sách vở trước khi đến trường. Tôi hạnh phúc và sung sướng tột độ khi có một người cha thật tuyệt vời.

Lớn dần lên, khi tôi tự ý thức được nhiều điều thì bố không còn chiều chuộng tôi nữa. Bố dạy tôi vào bếp, tự chuẩn bị bữa ăn cho bản thân khi phải ở nhà một mình. Bố chỉ cách ứng xử, tự vệ sao cho khéo léo nhất khi gặp chuyện khó khăn. Đặc biệt bố dạy tôi cách trân trọng đồng tiền. Tôi đã thấu hiểu được khoản học phí hằng năm của tôi là công sức mồ hôi bố đổ xuống khi đi làm đồng hay phụ hồ để đánh đổi được nó. Tấm áo tôi đang mặc thơm mát có lúc bố tôi đã phải đánh đổi bằng máu của mình bằng những lần làm cữu vạ cho người ta...

Người khác hay đồn thổi và đặt điều tiếng xấu về bố. Có một dạo tôi rất buồn, nhưng không nói cho người biết. Bố hiểu được hết mọi tâm tư, suy nghĩ của tôi. Vẫn ánh mắt nghiêm nghị và đầy trù ối, đôi tay gầy gò xương xẩu run run đặt lên vai tôi, người nói: "*Con tin bố hay tin người ngoài!*". Chỉ một câu nói đó thôi khiến tôi bật khóc, ân hận mãi khi đã nghĩ sai về người đã hết lòng thương yêu lo lắng cho mình. Cho đến bây giờ, tôi vẫn còn mắc nợ bố tôi một lời xin lỗi.

Cuộc sống yên bình của hai bố con trôi qua những ngày như thế! Có tiếng cười, có giọt nước mắt của những ngày gian khó. Tôi cũng chẳng còn ước ao giống được như lũ bạn có một người mẹ với mái tóc dài đen nhánh hay một gương mặt trái xoan nữa. Bởi với tôi, bố đã cho tôi tất cả!

Tôi vào đại học, mình bố ở nhà. Cuộc sống của bố vẫn không có gì thay đổi. Bố dậy sớm, tập thể dục, đi làm đồng, đi chợ, nấu ăn, nghe radio rồi nằm ngủ. Thương bố cô đơn tuổi xế chiều, có lần tôi hỏi với hàm ý rằng liệu bố có nên đi bước nữa? Vậy mà bố cười xòa bảo, ông không cô đơn vì thực ra vẫn luôn có tôi ở cạnh bên.

Tôi chưa làm gì được cho bố, và cũng không thể nói trước được điều gì về tương lai, về sự báo hiếu như đôi khi tôi vẫn nghĩ. Chỉ biết rằng hằng ngày tôi sống tốt là ở quê xa bố tôi cũng đang vui vẻ, hạnh phúc. Thành quả của tôi là niềm tự hào của bố. Ngày 20/10 tôi sẽ về bên người tặng bó hoa tươi thắm, mặc dù biết người không hề lãng mạn và lại trách tôi vì tội... lãng phí. ■





“Chim vịt” trong ca dao hiện diện giữa phố

Bài & ảnh: BÙI TRƯỜNG TRÍ

Buổi chiều, khi tôi đi ngang góc ngã ba đường Đồng Khởi - Bùi Trọng Nghĩa (phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) thì thấy một người phụ nữ khá trẻ ngồi rao bán... con vịt trời.

Thấy “chim lạ”, tôi tắt xe đến gần hỏi han: “Ừa, con vịt trời gì mà nhỏ xíu, đen thui vậy? Tôi đã gặp con vịt trời rồi. Cách đây mấy hôm tôi có đi ‘tác nghiệp’ bên cù lao Ba Xê (Bến Gỗ, Biên Hòa, Đồng Nai) nơi người ta đang nuôi và thuần hóa giống thủy cầm con vịt trời. Con vịt trời bên đó khá to, lông màu sặc sỡ chứ không có thân hình nhỏ thó như con chim này?”

Chị phụ nữ nói giọng rất miền Tây: “Mua đi anh, vịt trời bắt được ngoài cánh đồng hoang dã ở huyện Mộc Hóa¹ đó. Con này là con chim vịt trời mà trong câu ca dao: Chiều chiều chim vịt kêu chiều / Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều... nói tới đó...”

Tôi nhắc bồng con “chim vịt” lên coi, tỏ vẻ nghi ngờ: “Thiệt không? Con này là chim vịt trong câu ca dao đó hả?”. Vài người đi đường thấy “chim lạ” cũng tắt xe vô chỉ trỏ, bán tán râm rân: “Con này là con chim le le...”, “Con cuốc đó ông ơi... Con cuốc trong bài hát ‘Tiếng quốc đêm trắng’ của nhạc sĩ Vũ Đức Sao Biển”, “Nhìn giống con gà nước mà tôi bắt được hồi ở quê...”. Tôi nghiệp cho chị bán “chim vịt” phải đổ suor mướt mồ hôi, đưa tay phân bua, cổ cãi: “Hong phải le le, con cuốc gì đâu nghen, con chim vịt mới đúng. Mấy chú hong nghe câu ca dao: “Chiều chiều chim vịt kêu chiều...” hả?”

Chợt, có một chị phụ huynh chở đứa con trai ngồi

sau xe cũng tắt vô ngó nghiêng. Thằng bé thấy “chim lạ” vỗ tay la lên: “Ý, con chim vịt trong câu ca dao “*Chiều chiều chim vịt kêu chiều... Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau*” nè... Má ơi má... má mua con chim vịt này về con nuôi...”. Bà mẹ không đồng ý: “Mua về biết cho nó ăn gì, nhốt ở đâu?”. Chỉ cần nghe có vậy, chị bán vịt liền xách ngược chân vịt lên đưa lên giờ giờ trước mặt đứa bé trai: “Nuôi hong cần nhốt, cho nó ăn cơm, cá, thằn lằn, con gián đều được. Bà chị mua một con chim vịt cho tụi trẻ biết con vật trong ca dao, tục ngữ ngày xưa đã hiện diện giữa đời thực giữa phố đi...”. Người phụ huynh chần chừ một lát nhưng vì thằng con nằng nặc “đòi” dữ quá, với lại chị bán vịt nói cũng có lý nên đành móc tiền mua con chim vịt chỉ khoảng 3 lạng với giá 180 ngàn đồng.

Và tôi để ý thấy chị bán vịt tiếp tục luôn miệng ngồi rao và đọc câu ca dao quen thuộc để gây thu hút người đi đường:

- Mua chim vịt trời đi... Con chim vịt trong câu ca dao của ông bà mình:

Chiều chiều chim vịt kêu chiều

Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.

Tôi đứng bên cạnh, mỉm cười bởi cách “tiếp thị” đơn giản của chị bán vịt coi vậy mà hiệu quả quá chừng. Chừng hơn một tiếng sau đã có người đến mua hết số chim vịt nhốt trong cái lồng. Hình như cách tiếp thị độc đáo này trong ngành quản trị kinh doanh ở các trường đại học chưa có dạy. Biết đâu các nhà giáo dục nên viết thêm giáo án “*Thế mạnh của tục ngữ ca dao đối với kinh doanh*”. ■



Sinh linh của đất

NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ

Có một sự xáo trộn trong mùa đông năm nay bắt đầu từ chiếc áo màu đỏ cô mặc. Đó là chiếc áo len mang hơi ấm của ba con người, ba cuộc đời kéo dài trọn một thế kỷ trừ ra những năm nó nằm vạ vật ở một nơi nào đó mà cô đã làm thất lạc. Nó đã cũ, đã ngả màu gần như màu huyết dụ. Những sợi len được bện thật chắc chắn, cô hình dung nó được bện từ sự tin cậy của những người thân.

Mẹ cô nói, mùa đông chải thật ăm mái tóc trước khi bước ra đường thì những làn bụi sương mới không làm lạnh được đầu của con gái mẹ. Cô lại rất lười, thường hay vắn cao mái tóc, như thế nó làm cô trông già dặn hơn rất nhiều. Cô thích thế, mặc, cô thấy mình thật kiêu hãnh với cái ót cao lên sau cái áo khoác cao cổ.

Hôm nay đã mồng một, hoa cúc vàng rực một góc chợ với mùi nhang trầm thoang thoảng. Cô đi lễ chùa cúng vía bà và mẹ. Ngôi chùa cô đến nằm hẻo lánh ở một góc phố xưa. Con đường nhỏ vòng vòng với những hàng cây tự nhiên như chưa bao giờ có sự tỉa tót của bàn tay con người. Nó giống vườn của ngoại:

có cây ổi xá lị già, có chậu hoa hòe xanh um, có cây lựu, chậu hoa sồi... tất cả đều gợi nhớ ở cô một điều gì rất gần gũi. Cô cảm nhận được mùi vị ở đây. Thứ mùi vị của thời thơ ấu. Cái mùi nồng nồng cay cay chực xộc lên làm nước mắt cô trào ngược. Cái mùi mẫn mẫn quyện vào nhau thành thứ không khí mà cô thêm được hít thở giữa cuộc sống nóng chảy tất bật này. Hầu như tháng nào cũng vậy, từng ngón tay đan trần của cô vịn về những lời cầu nguyện và đôi mắt xa xăm hình dung.

* * *

Cô cười phá lên:

- Ha ha... cái ông sắp ấy chỉ giỏi nũng nịu!

Mọi người cụt hứng, im bật. Câu chuyện giữa giờ giải lao đã chấm hết chừng đó. Cô thường không ngồi chung một bàn trò chuyện với mọi người, cô vẫn ngồi nơi bàn làm việc, ăn cơm tự mang và uống thứ nước lá của cô tự nấu, thứ lá bướm bạc thơm thơm dịu dịu thật dễ chịu. Ngoài kia, câu chuyện của mọi người lao xao quá, về chiếc áo mới của sắp hôm nay sực nức mùi dầu thơm và cô nghe rất nhiều tiếng khen của mọi người.

Quái! Cô bị dị ứng với những thứ mùi nhân tạo. Nhiều khi cô tự hỏi: tại sao người ta không tạo ra được thứ mùi của người thân quen nhỉ? Cô nhớ phảng phất, rồi có ngày cô nhớ quay quắt, một thứ mùi mà cô không thể gọi tên được.

Rẹt rẹt... những tờ fax chuyển tới khi cô chưa kịp ăn hết phần cơm. Cô nuốt nghẹn vì hôm nay cơm không có canh. Rẹt rẹt... công việc cứ trôi chuyển, ăn gian cả giờ giải lao. Tiếng rầm rì đã vãn trên những gương mặt đã mỏi mệt. Đã quá 5 giờ chiều.

* * *

Hình như tiếng cầu kinh đang rì rầm ở hốc tử, khi cô đang đi tìm chiếc áo len của mẹ. Nó đang ở đâu đây. Cô không còn nhớ thật rõ về buổi cuối cùng mình mặc nó vào khi nào, vào năm nào ấy nhỉ. Mùa đông năm nay lạnh buốt. Dây bàn nơi con đường trước nhà sắt se lên tận ngọn. Trời đã gần giáp Tết mà chẳng báo hiệu cho một sự khởi xanh. Cô vẫn đang loay hoay tìm. Cô cẩn thận lật từng thớ áo quần trong cái tủ cũ kĩ của mẹ. Nó yên phảng phất, màu áo quần mỏng mảnh khói hương. Rồi cô xáo tung cả tủ áo quần của mình. Tiếng mồi một từ đâu đó phát ra trên căn gác xép, rít rít những âm thanh nhỏ như xé toang sự im lặng mang đầy tiếng thở mệt nhọc. Cô vẫn đang tìm. Hôm nay cô quên bấm cái máy cát-sét mở kinh cầu an. Một mớ áo quần hỗn độn, ngổn ngang còn đậm mùi long não. Nó không có ở đây. Cô đã bỏ quên từ rất lâu.

* * *

Sáng nay thành phố thức dậy muộn. Cô vẫn còn ngái ngủ và mang máng nhớ về giấc mơ đã trôi tuột trong sự tiếc nuối không thể cứu vãn đêm qua. Hình như nó chớp đỏ. Cô thấy vậy. Nó chớp đỏ cả một khu vườn, chớp đỏ cả những bàn chân chạy nhảy trên gương mặt nhể nhại mồ hôi trong cái lạnh buốt của mùa đông xác xơ thuở nọ. Mẹ bảo: "con gái con lười mà cứ ưa leo trèo, có ngày xoạc nứt như chơi, mẹ cấm con đấy!". Thuở tung tăng còn đèo bông lăm những điều nghịch ngợm, cô có nghe mẹ nói điều ấy đâu, cô đã quên.

Cô thấy một chớp đỏ trên những con thuyền ngược xuôi đi về trên một dòng sông hẹp. Ước muốn đóng băng. Cô chạy nhảy khắp những nẻo nhớ nẻo quên mà về.

Bây giờ có ai đi cùng cô đâu. Ngày xưa người ta gọi nhà cô là nhà "mẫu hệ". Ngôi nhà của mấy bà cháu cô chỉ có những bóng hồng tha thướt, những đôi bàn tay đảm đang gói trọn hạnh phúc cho nhau. Ngôi nhà có những đôi quang gánh đeo quánh, mơn cả hai vai áo và bóng nhẵn mồ hôi.

- Nó đang bị móc trên ngọn cây đấy, rách hết cả rồi con ạ! - tiếng mẹ cô.

Cô giật mình, một thoáng nhớ quay quắt. Mặt trời đã ló những tia nắng thật lạnh lùng vào sáng hôm sau, qua cửa sổ và đứng đung nhìn cô nằm chèo queo trên giường.



* * *

Leng keng... Tiếng xe đổ rác như thường lệ. Chục nhớ ra, cô hốt hải chạy ra tìm gặp chị lao công.

- Cô còn nhớ không? Cô nhớ lại đi! Làm ơn giúp cháu tìm lại! Trong đồng áo quần năm ngoái cháu đã cho cô đấy!

Hôm sau, tiếng leng keng đến hơi muộn. Cô chờ.

- Không tìm thấy cháu à, cảm ơn cháu nhiều lắm nhưng cô cũng không biết làm sao.

* * *

Dòng xe chạy ngược chạy xuôi, không lẽ, mẹ trách mình quá đấy, cô đau đầu. Ngõ về trống rỗng phố người. Cái mệnh mang ở phố chợ nhiều khi làm cô không kịp níu, lắm lúc chục ngã, chục sụt soài cả những năm tháng còn quá trẻ.

- Mạ dô... mạ dô... mua hai tặng một! Áo siêu ấm siêu nhẹ đây bà con - tiếng rao hàng đến rất cả họng của họ.

Cô nhìn những gương mặt đang trả giá. Cái cảm giác như cô đang trả giá gương mặt của chính cô.

- Mạ dô... mạ dô...!

Cô đi thật nhanh, ra khỏi con phố bán buôn và thở phào.

* * *

Sáng sớm nay chậu cúc kim đã nở thật vàng dù gốc cây đã thật già cỗi. Trời sắp Tết chỉ còn se se lạnh. Vẫn những cơn mưa phùn phủ bụi đầy ngõ. Giá như mà ngày xưa, cô sẽ được ngửi cái mùi trà thơm đang bốc khói xông lên đôi mắt nhắm nheo của bà bên cái bàn nhỏ nơi ô cửa sổ. Giờ cô phải vội dắt xe ra, bươn bả đi về trên đường phố, lại với những câu chuyện tầm phào vu vơ cười cợt, với những cái mùi mà cô dị ứng, hay với cái mùi khét của vỉ thịt nướng ở quầy bánh mì. Ánh mắt cô thỉnh thoảng nháo nhác nhìn quanh. Cô sẽ phải tìm mãi chiếc áo màu đỏ mang mùi nhớ quay quắt cho đến khi nó quên đi trong giấc ngủ, ở đó cô ngửi được cái mùi những tháng năm rướm đỏ bàn tay của bà và mẹ.

Con đường ướt dẫm. Mặt đường đang trơn trượt, cô thoáng thấy một cái bóng đỏ đang lướt đi dưới lòng đất. Nó đang đồng hành với cô như là cái linh hồn từ một sinh linh của đất. ■



Bài học quý rẻ!

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Có khi ta phải sống đến cuối đời, phải đổ bao mồ hôi, máu và nước mắt, mới nhận ra giá trị của những bài học đường đời. Ấy vậy mà chỉ ở tuổi mười sáu trăng tròn tôi đã nhận hai bài học đích đáng nhưng chỉ với một giá rẻ mạt bất ngờ.

Thời đang học năm cuối cấp ba tại một trường tỉnh lẻ, nhân ngày lễ Kỷ niệm Hai Bà Trưng, nhà trường tổ chức hội thi nấu ăn cho các nữ sinh. Tôi vốn có tiếng khéo tay nên được lớp chọn đại diện đi thi. Tôi thật hạnh phúc vì ngoài niềm hãnh diện với bè bạn, còn xao xuyến tự hào vì mình đã xứng đáng với *người ấy*. Người ấy là lớp trưởng của lớp tôi. Anh ấy hơn tôi một tuổi. Học giỏi, tháo vát, đẹp trai nên đã khiến trái tim tôi mềm yếu mỗi lúc gần nhau. Tôi luôn cố làm tốt mọi điều để đẹp lòng anh ấy, để anh ấy chú ý đến tôi, thương mến tôi. Từ những bài kiểm tra ở lớp, từ cái áo cái quần mặc đi đến trường, lời ăn tiếng nói dịu dàng lễ độ... nhất nhất anh ấy luôn ngợi khen nên tôi tin

chắc bóng hình tôi đã nằm trong ngăn tim anh ấy.

Chuẩn bị cho hội thi tôi đã nhiều ngày suy nghĩ nát óc chọn ra một thực đơn hợp lý nhất cho bữa ăn gia đình. Mẹ dạy phải hội đủ các món ăn từ nhiều nguồn thực phẩm như cá, tôm, rau, thịt. Xào nấu phải hội đủ vị mặn, nhạt, món khô, món nước... Khi nấu nướng phải hết sức tinh tế, đem hết cái tâm để miếng ăn tạo ra vừa ngon vừa sạch. Sau cùng khi bày biện phải biết làm bắt mắt thêm cho món ăn để hài lòng người thưởng thức mới hẳn mong quà được vòng hoa nguyệt quế. Giải thưởng vật chất hội thi trao sẽ chẳng là bao đâu bạn ạ. Nhưng bạn thừa biết tôi đang nỗ lực chỉ để đẹp mặt chàng!

Ngày thi, tôi hăng say thực hiện những ý tưởng về mâm cơm gia đình hoàn hảo. Mẹ tôi, mấy ngày qua đã cật lực làm quân sư cho con gái, sáng tinh mơ cũng đã đến đứng bên ngoài rào chắn hồi hộp chờ xem con gái trình diễn. Tôi khoác chiếc tạp-dề xinh xắn, vào vị trí làm việc để sắp xếp nơi làm bếp thật thơm mát sạch

sẽ. Cái thớt, cái khay, con cá, mớ rau... đều đặt đúng vị trí thích hợp nhất để mọi thao tác theo bản kế hoạch làm việc của tôi nhất nhất không sai sót. Anh đến, đứng bên ngoài nhìn tôi. Cứ mỗi khi tôi nhìn ra, anh nheo mắt nháy nháy tôi rồi gơ ngón tay cái lên cao khích lệ: *"Number one em nhé!"*. Lòng tôi dâng trào niềm hạnh phúc vô biên.

Gần đến giờ nộp sản phẩm, tôi sắp xếp mọi thứ đã xong. Tất cả món ăn đã được bày vào bát đĩa trắng phau kèm những đóa hồng tía từ quả cà chua tươi thắm nằm duyên dáng bên ngọn ngò xanh xanh đang nghiêng nghiêng vẫy mời... Chỉ còn bát canh là món cuối để hoàn tất mâm cơm bung lên chấm điểm. Vừa lúc tôi múc vá canh chua nóng hổi nước trong veo thơm dậy mùi cá nước ngọt đậm phá Tam Giang vào bát, xen bên lát cá là những miếng cà chua, thơm, măng chua đủ sắc trắng đỏ, vàng... tươi thắm, trên cùng thêm nhúm hành ngò xanh rì thơm dậy mùi gia vị thân quen của miền đất nhiệt đới làm dậy mùi thơm ngọt ngào thì anh đột ngột vượt qua dây rào chắn nhảy vào phụ giúp tôi. Nhưng có lẽ do quá đà, anh đã ngã nhào vào người tôi, hất đổ bát canh tôi đang bê trên tay rơi xuống đất vỡ tan tành.

Ồi! Tất cả như sụp đổ!

Giấc mơ quàng vòng hoa nguyệt quế của tôi cũng tan tành!

Bữa cơm không có bát canh thì còn gì là bữa cơm gia đình Việt? Nước mắt tôi trào ra. Tôi muốn khóc thật to nhưng cố kìm và đau nhói trong tim khi nhìn anh đang đứng đó lí nhí lời xin lỗi. Từ ngoài rào chắn, mẹ tôi chồm người vào hỏi nhanh:

"Nước luộc rau còn không? Múc ra bát nhanh! Thêm mấy lát cà chua và ít bột nêm thay canh cũng được. Bữa cơm phải có canh không thì hỏng toi".

Tôi luống cuống làm theo lời mẹ để kịp nộp bài.

Khi đứng trước Ban Giám khảo, tôi bình tâm dần. Những gì mẹ dạy về chuyện ăn chuyện uống quê mình hiện rõ trong trí nhớ. Tôi thao thao thuyết minh thực đơn mâm cơm mình chế biến. Thành thật kể cho Ban Giám khảo nghe về sự cố làm đổ bát canh. Từ những kinh nghiệm sống do mẹ truyền dạy, tôi đã lấy bát nước luộc rau thay bát canh chua đã hỏng. Dù không cao lương như canh chua cá, canh sườn, canh... giống các bạn thí sinh khác, nhưng bát nước luộc rau hôm nay vẫn chứa nhiều chất dinh dưỡng - nhất là cung cấp được lượng nước cần thiết cho bữa ăn ở miền nhiệt đới. Đây cũng là những trải nghiệm cuộc sống qua bao năm tháng vất vả nhọc nhằn mà ông cha ta lưu truyền cho con cháu biết cần kiệm, sáng tạo ứng xử linh hoạt trong từng hoàn cảnh sống để sinh tồn và phát triển nên bát canh tạo ra ấy dù chỉ toàn nước nhưng không kém tinh tế và ngon miệng.

Kết quả hội thi tôi được giải *Ý tưởng - linh hoạt và sáng tạo*. Tôi rung rung nước mắt lên bục nhận giải



thường. Nhìn xuống, mẹ đang nét mặt rạng ngời vẫy vẫy chúc mừng tôi. Tôi cố đảo mắt kiếm tìm nhưng không thấy bóng anh đâu. Chắc anh đang buồn hối hận vì đã vô ý làm đổ bát canh. Nhưng không sao. Tôi vẫn được giải thưởng cơ mà. Tôi vẫn cảm thấy mình thật hạnh phúc.

Giải thưởng hôm ấy ngoài giấy khen còn kèm thêm bì thư hai chục đồng tiền mặt của Ban Tổ chức. Tôi hớn hờ dẫn các bạn đi khao chè. Đảo mắt tìm anh mãi nhưng không thấy anh đâu nên đành theo lũ bạn vì chúng đang giục giã đi ngay như bị giật dây.

Khi bước chân tôi vừa đặt vào quán chè thì nghe thấy bên trong quán lao xao tiếng nói của những nhóm bạn lớp khác được giải thưởng đến liên hoan. Chợt trong mớ âm thanh hỗn độn ấy tôi nghe rất rõ giọng một tay trong nhóm: *"Chúng tau yêu cầu mày phải làm cho nó không được giải nào cả. Mày không hoàn thành tốt nhiệm vụ mà sao lại đòi tiền? No no never never"*. Giọng anh, chất giọng vốn từng làm thổn thức trái tim tôi mỗi lần nghe đến, bất ngờ vang lên: *"Tau đã làm đúng kế hoạch hất đổ món ăn của nó rồi mà sao chúng mày lại muốn quýt tiền tau?"*.

Tôi bước ngay vào.

Anh ấy - không - bây giờ tôi phải gọi là hấn ta. Hấn ta nhìn thấy tôi mắt láo liêng nhớn nhác.

Tôi bước đến, vo hai chục đồng vừa nhận thưởng rồi nhắm thẳng vào mặt hấn, hét to: *"Tau bố thí thêm hai chục đồng đấy rồi rút đi ngay!"*.

Vâng! Chỉ mất hai chục đồng mà tôi đã mua lấy hai bài học giá trị của cuộc đời.

Bài học về trí tuệ của tiền nhân và tấm lòng của mẹ.

Bài học về chân dung đề tiện của "thần tượng" một thời áo trắng nữ sinh ngây thơ trong sáng!

Quả cái giá bài học này quá rẻ phải không? ■

Cảm nhận mùa thu

NGUYỄN TIÊU

Lá vàng rơi chạm mùa thu
Bỏ quên chút nắng sương mù trong thơ
Ôm đàn gảy khúc hoang mơ
Mùa nghiêng xuống giấc mộng hờ vỡ tan!

Câu thơ vọng khúc điệu tàn
Nỗi đau rung rức trần gian một người
Ta về nhạt lầy nét cười
Đánh rơi từ nụ môi người tôi yêu!

Giấc mơ con

KAI HOÀNG

nắm tay con trong vì vút sáo diều
mẹ nhớ về cánh đồng ngày xưa nứt nẻ
câu chuyện ký ức chân trần
nón lá che nghiêng mờ hôi mưa mặn chát

mùa gió chướng
so đũa trở bông rải trắng cánh đồng
nước mắt rung rung
mẹ thương cho vụ mùa mặn con nước ngập

từ sâu giấc mơ mẹ
tuổi thơ con như cánh diều non trắng trắng
biêng biếc mớ rau đắng sau hè
mẹ dắt con khi vừa lên năm
cỏ may bám đầy gấu áo

con về đôi những vòng tay
khát những tiếng ru lúc trưa hè nắng đỏ
mẹ gầy gò mong manh như lá cỏ
bao mùa xa khắc khoải ánh mắt buồn

từ sâu giấc mơ con
ước một lần ngủ quên trên tay mẹ
ước tuổi xuân thơm thảo tóc mẹ hiền
những nhánh lúa trĩu nặng niềm hạnh phúc
nơi cánh đồng ngát so đũa trở bông.

Giọng nói quê mình

THẠCH HOÀI LAM

Dẫu đi xa
tận chân trời góc bể
Ta vẫn nhận ra
giọng nói quê mình
Giọng nói Sóc Trăng
Không lẫn vào đâu được
Rất hiền lành, rất chân thật
Nét hồn nhiên...

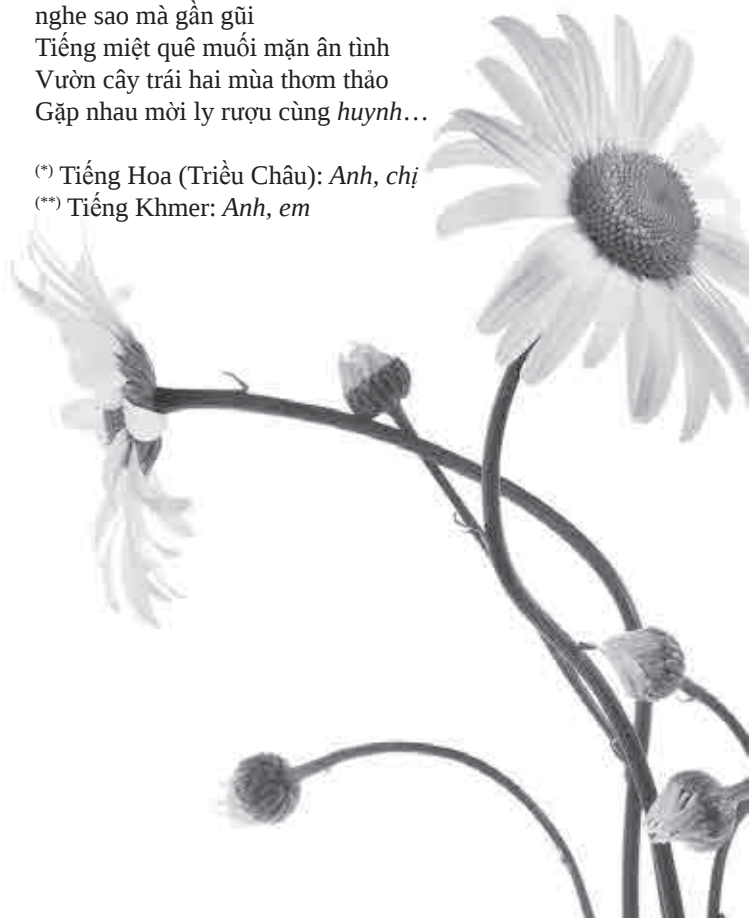
Sóc Trăng
Ấm làm sao tiếng *hĩa*, tiếng *ché* (*)
Qua chợ Sóc Trăng,
ghé lại bên đường
Đâu cũng gặp
tiếng nói cười xởi lởi
Giọng quê mình
thương lắm là thương...

Sóc Trăng
Tiếng *on*, tiếng *bòn* (**)
nghe thánh thót
Bạn về thăm,
ghé lễ hội bên chùa
Đêm trăng rằm
Nam thanh nữ tú
Gặp ngọt ngào trong tiếng *dạ*, *thưa*...

Sóc Trăng
Tiếng *dượng*, *cô*
nghe sao mà gần gũi
Tiếng miệt quê muối mặn ân tình
Vườn cây trái hai mùa thơm thảo
Gặp nhau mời ly rượu cùng *huỳnh*...

(*) Tiếng Hoa (Triều Châu): *Anh, chị*

(**) Tiếng Khmer: *Anh, em*



Lối em về

TỊNH BÌNH

Lối em về đồng xanh biêng biếc cỏ
Ngập ngừng mây chờ cánh gió đưa hương
Con đò chiều lững lờ trôi bên vắng
Vẳng câu hò man mác điệu quê hương
Lối em về ngõ ngang con đê nhỏ
Lũy tre xanh đạo khúc hát thầm thì
Thương cánh diều ai chặn mà no gió
Lên đồi chiều em thả tuổi thơ bay
Lối em về con bướm vàng chấp chới
Đôi cánh hiền vẫy gọi chốn bao la
Hoa súng tím cho lòng nao nao lạ
Khói đồng chiều nghe mất vội nhòa cay
Lối em về còn đọng giọt hương say
Bàn chân trần nghe mùi khô rơm rạ
Nghe đất trời trong ngần gieo nắng mới
Ấm áp lòng hạnh phúc chẳng đâu xa...

Đường như

SÔNG HƯƠNG

Đường như thu đã chớm về
Nên con nắng muộn cuối hè vàng hơn
Xoè tay hứng chiếc lá rơi
Đường như trong lá vọng lời từ li

Đường như từ độ người đi
Thời gian chẳng có nghĩa gì đó chẳng?
Bên trời lẽ một vầng trăng
Đường như nơi ấy chị Hằng ngủ say?

Đường như vắng một vòng tay
Từ người đi cuối chân mây chẳng về
Chập chờn đầu đó triền đê
Còn vương vãi một lời thề cỏ may?

Đường như còn lại đâu đây
Chút hương muộn của một ngày đã xa
Ừ thôi... em của người ta
Mà sao ẩn hiện như là... đường như.

Một mình

KIM HOA

Một mình ngồi đếm sao trời
Nghe đêm thình lạng buông lời thở than
Ngược xuôi đếm bước thời gian
Nhặt gom bao nỗi dậm đàng trải qua.

Ruổi rong trong cõi ta-bà
Bầy hương vị bầy xót xa cuộc đời
Ngút ngàn sóng dậy trùng khơi
Mà nghe mẫn chất bờ môi thuở nào...

Nhẹ đưa vạt gió lao xao
Ru đêm thổn thức... ru câu nghĩa tình
Một mình ta với một mình
Uống cho cạn hết... nỗi lênh đênh này.



Cơm mùi khói bếp

HOÀNG CÔNG DANH

Bốn năm từ ngày lấy vợ, Tết này anh mới đưa được cả vợ và con về quê. Từ Sài Gòn về miền Trung không hẳn quá xa, nhưng vì có đứa con nhỏ nên chuyện đi lại khó khăn. Mấy lần trước anh chỉ về một mình, dăm hôm lại trở vào. Lần này cả nhà mới được về quê, cho đứa con ăn Tết quê nội lần đầu.

Bà mẹ ngoài sáu mươi đơn đả chạy ra tận ngõ đón. Lưng bà đã bắt đầu cong hình đòn gánh. Tay phải bà cắp bông đùa cháu nội, tay trái vẫn chèo móc thêm một túi xách.

Đặt xong đồ đạc vào góc nhà, bà bảo: “*Chắc bây đôi bụng rồi, để mẹ đi nấu cơm cho ăn*”.

Cô con dâu còn một hơi xe đạp: “*Chúng con ghé ăn trên thị xã rồi mới về đây*”. Nói xong, cô quay sang chồng: “*Bún nuốt chả trôi nữa là cơm*”.

Bà hơi chạnh lòng: “*Về tới xứ mình rồi còn ăn chi dọc đường dọc sá cho tốn tiền. Thôi ra rửa ráy, để mẹ đi pha nước chanh cho bây uống. Chanh vườn nhà mình chứ không phải chanh Tàu đâu. Uống vô cái khỏe liền*”.

Anh cười, bảo mẹ khách sáo quá, con cái chứ có phải ai xa lạ mà cung rước mời mọc. Bà móm mém: “*Thì bây đi cả, nhà vắng vẻ mấy lâu. Thấy có người mừng quá. Ba năm là cả ngàn ngày chứ có ít ỏi chi*”.

Hôm sau bà lọ mọ dậy từ lúc trời chưa hừng sáng, nhóm lửa rơm, bắc nồi cơm. Thằng cháu nội ba tuổi chạy xuống thấy khói bếp bốc ngùn ngùn, khiếp quá hét toáng lên: “*Cháy nhà*”.

Anh chị đang ngủ giật mình vùng dậy. Anh bảo nhà đã có bếp gas, mẹ nấu gì thứ rơm đó nữa cho cực.

Bà cười: “*Tụi bây ăn cơm nồi cơm điện thành phố quen rồi, về quê mẹ nấu cơm lửa rơm cho thơm mùi đồng mùi rạ. Mà cơm nấu rơm mới có miếng cháy ăn giòn. Mấy hồi anh nhỏ, bữa ăn không có miếng cơm cháy là giầy nãy lên bướng bỉnh chẳng chịu ăn. Nhớ không*”.

Trời rạng tung từng sáng, thấy khói bay lên lên



qua mái tranh, anh chột bụi ngùi. Nhớ ngày xưa còn nhỏ, sáng sớm anh chạy xuống bếp nằm cuộn trong lòng mẹ ngủ nướng thêm một lúc. Thức giấc giờ nắp nổi ngửi mùi cơm. Rồi lấy đũa xới hết cơm lên để lộ ra miếng cháy ở đáy rồi ăn trước. Lớn lên vào Sài Gòn lập nghiệp, cưới vợ sinh con ở đây, xa cái bếp quê dần thành quên. Với lại ở trong đó, đâu có mấy ai ăn sáng ở nhà. Cái bụng cũng “lười” và “yếu” đi, sáng phải bún hoặc cháo mới nuốt nổi. Giờ về thấy cơm, thèm thì thèm thật nhưng ăn chỉ vô.

Cô con dâu bảo: “Mẹ bày ra nấu bữa sáng làm gì cho cực. Chúng con ra quán ăn miến là rồi việc”.

“Bây nói chi lạ. Ăn uống phải đàng hoàng chứ. Bữa sáng là quan trọng lắm. Không ai thương bằng cơm thương đâu con. Ăn cơm chắc bụng no lâu. Mấy cái thứ bún cháo nước ồng ệu, chỉ nháo là đói lại liền à”. - Bà vừa san cơm ra chén vừa nói.



Ba chén cơm trắng, đĩa cá đồng kho nghệ. Anh háy mắt qua vợ, ý bảo ăn đi, ăn lấy lòng mẹ một miếng. Chị lại háy mắt qua anh lắc đầu, có mà sức Thánh Gióng mới nuốt trôi. Thằng cu con nhìn chằm chằm chén cơm. Cuối cùng chỉ có anh trệu trạo làm được ba miếng, như là ăn tượng trưng cho mỗi người một miếng. Tranh thủ lúc mẹ đi ra giếng, anh lùa cả ba chén cơm trắng vào lại nổi.

Sáng hôm sau bà lại dậy sớm. Lại nhóm bếp rơm nấu cơm. Xong bữa nổi cơm không vui được là mấy, vẫn đầy như lòng mẹ. Anh gắp ăn được nửa chén. Chén lòng san đôi cho mẹ cho vợ. Anh dối mẹ chờ vợ con đi xem chợ Tết, đi thăm thú làng quê, thực chất là để ghé quán cho vợ con ăn bún ăn cháo.

Anh tự nhủ sáng mai phải thức sớm ngồi nấu bếp với mẹ như xưa. Tự nhủ sáng mai phải ăn chén cơm đầy với mẹ, nhai một miếng cơm cháy giòn thơm. Nhưng lâu ngày giờ về quê gặp lại bạn bè người thân, chỗ này mời chén rượu, chỗ kia mời bữa cơm. Cơm rượu quê hàn huyên câu chuyện ngày dài tới tận khuya. Hôm sau thức dậy đã sáng trời sáng trời, cổ họng khô khốc không ăn nổi cơm dẻo, hưởng hỏ là miếng cơm cháy.

Chưa hết Tết, mới ngày mừng bốn anh lại phải đưa vợ con vào Sài Gòn. Bà mẹ dậy sớm làm gà, nấu cơm. Vẫn một mình bà cặm cụi với cái bếp. Bà xúc đẩy đơm cơm vào chiếc cà-mèn. Gà luộc cho vào hộp đựng.

“Bây đem lên xe mà ăn. Cơm dọc đường dọc sá không ngon đâu”.

Con cháu lên taxi rồi bà còn dặn theo: “Vào trong nhớ ăn uống đàng hoàng nghe bây. Đừng bỏ bữa sáng. Không ai thương bằng cơm thương”.

Vào tới Sài Gòn cà-mèn cơm vẫn còn một nửa. Vợ định đem đi đổ. Anh can, bảo để đấy, phơi khô cất giữ làm kỷ niệm.

* * *

Qua tháng Ba nghe tin mẹ bệnh, anh tức tốc về nhà. Nằm trên giường, gập con, câu đầu tiên bà hỏi: “Con ăn chi chưa. Mẹ không bắc cơm được. Thôi ra đầu chợ ăn tạm. Bữa nào khỏe mẹ nấu cơm cho ăn. Tội nghiệp”.

Nhưng mẹ không khỏe nữa, yếu dần, được thêm hai bữa thì nhắm mắt.

Đưa mẹ ra đồng xong, về nhà nhìn chén cơm trắng đặt trên bàn thờ, anh thấy nhói lòng. Ân hận. Thế là hết cơ hội được ăn với mẹ một chén cơm sáng thật đầy, để nghe mẹ nói câu “không ai thương bằng cơm thương”. Tiếc nuôi. Thèm miếng cơm cháy mẹ nấu quá. Giòn và thơm, mùi hương đồng mùi nước quê, cả mùi khói bếp. Chỉ có mẹ mới nấu được miếng cơm cháy ngon như thế.

Hôm lên đường vào Sài Gòn, anh dậy sớm nấu chén cơm đặt lên bàn thờ mẹ. Anh tự mình vo gạo, tự mình nhóm bếp rơm. Loay hoay một hồi. Bếp nhà đầy khói. Và khói... ■

Cổng làng xưa

Bài & ảnh: NHƯ ĐẠI

Đối với người Việt, nhất là ở các làng quê miền Bắc, từ trước đến nay, mỗi khi nhắc đến quê hương không ai không nhớ đến cái cổng làng. Hình ảnh cổng làng xưa mang một ý nghĩa rất thiêng liêng. Sau cánh cổng đó là một cộng đồng xã hội gồm bà con, làng xóm hội tụ, sinh sống và sinh hoạt quy củ từ một bản hương ước đã được mọi người đồng lòng thực hiện.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng từ thuở xa xưa, khi con người từ bỏ hang động ra khai phá ruộng đồng, ban đầu họ làm một túp nhà nhỏ, dùng liếp tre để tránh gió và tránh thú dữ. *"Một cây làm chẳng nên non / Ba cây chụm lại nên hòn núi cao"*, vì thế những túp lều đơn sơ nhỏ nhắn đó ngày càng nhiều hơn, từ đó hình thành những trang, bản, thôn, làng... tập hợp nhiều nhà với nhau. Ở đồng như vậy nên cần có sự bảo vệ, từ đó cái cổng làng được dựng nên. Ban đầu cũng chỉ ngăn chặn kẻ lạ vào xâm phạm thôn làng. Về sau, cái cổng làng có thêm những chức năng khác như ghi tên làng, hoặc những đại tự bằng chữ Hán, có khi chữ Nôm với một ý nghĩa riêng. Do chịu ảnh hưởng lâu dài của văn hóa Nho giáo, có làng ghi những dòng chữ Hán được trích từ những dòng kinh sách với ý nghĩa sâu sắc. Cho dù viết bằng thứ tiếng nào thì nội dung câu chữ cũng nói lên những nhân sinh quan về xã hội của dân làng.

Trong sách *"Cổng làng Hà Nội xưa và nay"* của Vũ Kiêm Ninh, tác giả cho biết trên cổng của nhiều làng ở Hà Nội xưa còn lưu lại những câu chữ có nhiều ý nghĩa như:

- Cổng làng Đại Từ có ghi *"Đại Từ Nghĩa Dân"*; đây là lời khen của một vị vua triều Nguyễn đối với dân làng do đã làm tròn việc nghĩa.

- Cổng làng Tiên Thượng tương truyền do một cụ Tú vận động xây. Trên cổng có ghi câu *"Thiếu Cao Đại"*; ý nói tuy là một làng nhỏ nhưng sức của làng có thể bao trùm thiên hạ (lấy ý từ câu *"Thiếu cao đại khả dung từ cái"*).

- Làng Vạn Phúc; một làng nổi tiếng về nghề tơ lụa lại khiêm tốn để *"Vạn Phúc Lai Cầu"*; có ý cầu vạn điều phúc đến với làng, chân thành mời mọi người đến làng, và ai cầu thì cứ xin đến với làng.

- Làng Nguyên Xá, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, tại cổng làng lại để ba chữ *"Nguyên Giả Trường"*, trích từ câu *"Nguyên giả thiện chi trường giả"*, ý nói Nguyên là căn nguyên của điều thiện, lấy từ lời thoán của quẻ Càn.

- Làng Trung Kính thượng lại ghi *"Cương Tinh Thụ"*; nhắc với mọi thế hệ rằng cây cổ thụ - giếng nước chính là gốc của làng...

Qua đó ta thấy, những câu chữ ghi trên cổng đều có ý nghĩa để cập đến những điều mà dân làng muốn nhắn nhủ với khách. Ngoài những đại tự viết trên cổng, tại cột chính, cột phụ của cổng làng thường có câu đối. Có thể nói rằng đó là một kho tàng văn chương từ ngữ mà những kẻ sĩ trong làng muốn để lại cho con cháu và người đời sau. Nhiều câu miêu tả cảnh đẹp thanh bình của thôn làng bản địa.

Trong trí nhớ của dân làng An Thái vẫn còn ghi cặp câu đối:

"Đồng vũ phồn đa hứa đắc thiên khai thái vận."

"Môn lư cao đại khả dung tứ mã an xa".

(Bạc lương đồng nhiều giúp trời mở mang vận nước Cổng làng cao lớn để cho ân sủng đưa về).

- Câu đối ở cổng Hâu (An Thọ):

"Tô thủy tuần hoàn văn phái viễn"

"Lý thành tả trí bút phong cao".

(Sông Tô uốn quanh nhánh đưa văn xa tít Thành Lý bên trái nâng ngọn bút vươn cao).

- Câu đối ở cổng Hồ Khẩu:

"Cổ vãng kim lai hành chính đạo"

"Nam du Bắc ngoạn hướng danh lam".

(Xưa qua nay lại trên đường chính)

Xem Bắc ngẩng Nam tới danh lam).

- Câu đối ở cổng làng Chính Kinh (Thanh Xuân) ghi là:

"Thiên niên văn hiển hoa kinh địa

Tứ ứng giang sơn thọ lão môn".

(Ngàn năm văn hiển hoa kinh địa

Tứ khí non sông mãi cửa này).

- Câu đối cổng làng Tiên Thượng (Cầu Giấy):

"Thiên cổ văn chương Tô thủy nguyệt

Bách niên tâm mục Thái sơn vân".

(Văn chương ngàn năm như nước sông Tô

Tâm mục trăm năm nhìn mây phủ Thái sơn)...

(Trích sách *Cổng làng HN...*, sđd, tr.12-14).

Qua đó ta thấy, ngoài chức năng bảo vệ cho cư dân của làng, cổng làng còn là biểu tượng tình cảm và văn hóa tâm linh của người dân.

Trong nhiều tác phẩm hội họa hay thơ nhạc, ta thường bắt gặp hình ảnh cái cổng làng vì trong tâm tưởng của mỗi người Việt, nó là biểu trưng của quê hương mình. Nhìn thấy cổng làng là nhìn thấy quê hương; đi qua cổng làng là đi đến sự chở che ấm cúng, bởi nơi đó là quê cha đất tổ, là nơi chôn nhau cắt rốn của mỗi người. Đối với dân làng, cái cổng làng không chỉ là vật thể, mà còn mang trong đó ý nghĩa phi vật thể, bởi họ quan niệm đó là nơi mà thuở sinh thời cha ông đã đi qua, chuyện vui buồn của họ hàng làng xóm diễn ra trước và trong cổng làng.

Cổng làng là hiện diện của một nếp làng. Dù tam quan có chạm khắc rồng chầu hổ phục hay đơn giản, khiêm nhường chỉ là hai cái cột gạch mộc, nhưng đó là một thái độ, một sự tự trọng của cả cộng đồng. Cổng làng là một biểu tượng của cộng đồng về quyền uy của làng. Nhiều cổng làng không có cánh cổng, nhưng người ra kẻ vào vẫn có cái cảm giác bước qua cổng làng tức đi vào một thế giới của những người sống cùng nhau phía sau cổng ấy. Họ phải làm sao cho xứng đáng người làng ấy. Và kẻ ngoài đi vào làng phải tôn trọng tập quán, phong tục, nếp làng. Có làng dựng cái trụ đá bên cổng để hai chữ *hạ mã*, thì cho dù là quan tướng, đi vào làng qua cái cổng đều phải xuống ngựa. Một cách gián tiếp, người làng thể hiện quyền uy của cộng đồng. Và đó chính là nét đẹp văn hóa thể hiện sự nền nếp của xã hội xưa...

Bây giờ nhiều làng xóm đã đô thị hóa, nhiều con đường nối từ làng này sang làng khác đã được xây bê-tông rộng lớn so với những con đường đất hay lát gạch ngoằn ngoèo qua những ao hồ sức nức hương bèo. Sự mở rộng ấy đã làm mất đi nhiều cổng làng xưa. Có nơi người dân cẩn thận để làm đường tránh qua cổng, hoặc mở rộng, tôn cao những cổng cũ, nhưng có nơi lại không quan tâm đến những kỷ niệm sâu sắc của đời người, cứ thế mà phá vỡ đi với vô vàn lý do đơn giản. Quá trình xây dựng ồ ạt khiến những chiếc cổng làng ngày nay còn sót lại phải chen chúc, o ép với những kiến trúc đủ hình đủ dạng xung quanh.

Một khi cái cổng làng cũ đã không còn, người ta có biết đâu rằng ở mỗi làng quê, có những điều tưởng như

vô tình nhưng nó đã ngấm sâu vào tâm tưởng người làng. Không biết từ bao giờ những vật thể như cây đa, cây gạo đầu làng; giếng nước bên cổng làng, và nhất là cái cổng làng đã đi vào ký ức của biết bao thế hệ. Người xa quê trở lại, khi rẽ vào con đường quen thuộc, nhìn xa xa thấy hình bóng cái cổng làng là đã yên tâm lắm. Chưa cần bước chân qua cổng, cũng chưa cần đặt bước đến sân đình, chỉ cần bước đến cổng làng thôi thì hàng loạt kỷ niệm vui buồn của một thời ào ạt trở về trong ký ức. Bước qua cái cổng làng là đã cảm nhận được mùi quê hương. Đó là mùi hương của rơm rạ, mùi cỏ cháy khi chiều rơi; mùi tóc của cô gái hàng xóm gội đầu bằng hương bồ kết; mùi hương của hoa bưởi trở bông...

Tìm về cổng làng là tìm về nơi đã gói gắm biết bao ước nguyện mà cha ông ta lưu truyền cho chúng ta. Tìm về cổng làng cũng chính là tìm về *hồn làng*, bởi nếu ai đó đã quên đi cái thuở ban đầu, cái hồn quê đơn sơ và mộc mạc thì họ sẽ còn quên rất nhiều điều khác nữa! Có thể nói rằng cổng làng là một phần thể giới tâm linh của người làng. Nó không chỉ tồn tại gắn bó với nhiều thế hệ dân làng, mà còn mang ý nghĩa của sự tiếp nối truyền thống tốt đẹp của con người sinh sống nơi đây.

Thi sĩ Bằng Bá Lân (1912-1988), lúc sinh thời có bài thơ rất hay về cái cổng làng mà ở đó, một xã hội hiền hòa hiện ra sau cánh cổng ấy. Bài thơ biểu lộ tâm thái của con người thấm đẫm hồn quê, mộc mạc đầy chất thơ...

Chiều hôm đón mát cổng làng,

Gió hiu hiu thổi mây vàng êm trôi

...

Sáng hồng lơ lửng mây son

Mặt trời thức giấc, véo von chim chào

Cổng làng rộng mở ôn ào

Nông phu lững thững đi vào nắng mai

...

Những khi trăng sáng chập chờn,

Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt tha

...

Mừng xuân ngày hội cổng làng

Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ

Ngày nay dù ở nơi xa,

Nhưng khi về đến cây đa đầu làng

Thì bao nhiêu cảnh mơ màng

Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre".

Khung cảnh ấy giờ có lẽ cũng không còn nhiều ở đồng quê Bắc Bộ, và hoài niệm về chiếc cổng làng rêu phong chỉ còn trong ký ức của những thế hệ *ngoại thất tuần*. Thời gian trôi đi nhưng những kỷ ức, những kỉ niệm thời thơ ấu với chiếc cổng làng bên lũy tre xưa như đang hiện về trong cuộc sống hôm nay. Cổng làng xưa như vẫn luôn luôn rộng mở đón người làng nơi xa trở về với quê hương nguồn cội... ■

Tài liệu tham khảo: *Cổng làng Hà Nội xưa và nay*, Vũ Kiêm Ninh, Nxb VH TT, 2007.



Hỏi Học thuyết Duy tâm của Phật giáo là gì? Có sự đối nghịch giữa duy tâm và duy vật không?
Xin trích vài câu trong kinh nói về Duy tâm.

Huỳnh Văn Minh, đường Lê Thánh Tôn, Thành Nội, Huế

Đáp Theo cách hiểu thông thường thì Duy tâm chủ trương tâm (được hiểu là tinh thần) tác động, tạo ra vật (được hiểu là vật chất). Theo cách hiểu này thì Duy tâm chủ trương tinh thần có trước, vật chất có sau, tinh thần tạo ra vật chất, tâm tạo ra vật.

Học thuyết Duy tâm của Phật giáo (Cittamatra) có vẻ mang ý nghĩa như trên nhưng thực ra không phải như thế: Cái tâm nguyên sơ là Phật tính, là bản lai diện mục, là Không, là Như Lai tạng; nhưng vì vô minh tử vô tử, tâm vọng động, mang những chủng tử làm nội dung cho cái biết – hay còn gọi là thức. Từ đó, tâm đối mặt, chịu ảnh hưởng qua lại giữa tâm và cảnh vật bên ngoài, tạo ra khổ đau luân hồi... Nếu tâm không vì vô minh mà vọng động thì tâm không có cảnh vật làm đối tượng. Do đó, có thể nói Tâm (vọng động) tạo ra Vật (do tâm vọng động mà thành).

Học thuyết Duy tâm của Phật giáo được hình thành trong sự vật đã rồi, trong hiện tượng có ta và có thể giới bên ngoài cùng song song tồn tại, không dính dáng gì đến bên nào trước bên nào sau. Nhưng vì Phật học là Tâm học, xét cái tâm, hiểu biết tâm, tu tập tâm để chứng ngộ cái tâm trong lành, nguyên sơ, tức Phật tâm. Vấn đề là chúng ta vì vô minh mà phải đối diện với khổ đau, nên có thể nói do vô minh mà có thể giới khổ đau này; đây là một cách nói, Tâm (vọng động) tạo Cảnh (do vọng động).

Duy tâm của Phật giáo là nội dung của Tâm học (tạm gọi là Tâm lý học Phật giáo) không dính dáng gì đến những phê phán duy tâm siêu hình, phản khoa học gán cho nó. Nó không phải là học thuyết vũ trụ luận, hữu thể luận, siêu hình học, v.v... Duy tâm chỉ chú trọng đến việc tu tâm như đã nói trên. Tu tâm để thoát vô minh. Duy tâm của Phật giáo do đó không đồng nhất, cũng không đối nghịch với học thuyết Duy vật.

Cái tâm vọng động đang ở trước cảnh đây cũng gọi là cái biết, là thức. Con người trong cõi luân hồi này có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Mỗi quan năng có đối tượng riêng tạo thành sáu loại biết, tức sáu thức. Nội dung của sáu thức này được chứa đựng trong một cái biết căn bản, hay thức căn bản, gọi là A-lại-da. Tùy hoàn cảnh, A-lại-da của mỗi người có thể có phần khác nhau trong cái tương đồng chung về thể giới bên ngoài. Do đó mà có một cái thức nữa, là Mạt-na, xem A-lại-da là cái tôi, cái ngã của từng người. Các nội dung thu góp được của A-lại-da (gọi là chủng tử) tạo thành cái Biết, hay Thức, lại hiện hành, tiếp xúc với cảnh vật bên ngoài, rồi huân tập vào trong nó. Cứ thế, Thức cứ trôi lăn trong sinh tử cho đến khi nào chủ thể tu tập, làm tiêu trừ các chủng tử của A-lại-da, tức căn bản thức (Paramalaya Vijnana), tức Như Lai tạng (Tathagatagarbha) vốn trong lành nhưng đang bị ô nhiễm, là đối tượng trung tâm của hành giả để đạt tự chứng pháp tính (Bổn trụ pháp tính-Pauranasthitidharmata), là sự nhất tính, thanh tịnh, nguyên lý tối hậu của sự đồng nhất, bình đẳng của mọi sự vật. Duy tâm là Duy A-lại-da, Duy Như Lai tạng vậy.

Trong kinh Lăng-già có một số câu về Duy tâm:

Thế giới chỉ là tâm (Thế giới duy thị tâm - Cittamatramlokam).

Không có gì được thấy ngoài tâm (Tâm ngoại vô sở kiến - Cittabahyadarsanam).

Ba cõi chỉ là tâm mình (Tam giới duy thị tự tâm - Svacittamatram traidhatukam).

Tâm sinh ra ba cõi (Tam giới do tâm sinh - Cittamhi traidhatukayonih).

Ba cõi chỉ là tâm (Tam giới duy tâm - Trailokyacittamatra).

Tất cả là tâm (Nhất thiết xứ giai tâm - Cittamhisarvam)...

Bàng Ẩn

Tôn giáo bạn:

ĐẠI LỄ KỶ NIỆM NGÀY KHAI ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ NĂM THỨ 91

Bài & ảnh: PHÁP TUỆ



Phát biểu của HT.Thích Huệ Minh



Phát biểu của Linh mục Bảo Lộc



Đại huynh Chí Đạt đọc diễn văn

Vào sáng ngày 05-10-2015 (nhằm ngày 23 tháng 8 năm Ất Mùi), tại Nam Thành thánh thất (NTTT), 124-126 Nguyễn Cư Trinh, quận 1, TP.HCM đã tổ chức trang trọng **Đại lễ Kỷ niệm ngày Khai Đại-đạo Tam-kỳ Phổ-độ năm thứ 91**. Để tưởng nhớ công ơn vô cùng to lớn của **Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế** và công đức của **28 vị Tiên-bối hữu công trong sứ mạng Khai sinh mới đạo Trời; đồng thời kỷ niệm ngày Đại hội đầu tiên của nền đạo Cao Đài**.

Đến tham dự đại lễ có sự hiện diện của quý: Ông Nguyễn Chiến Trường, Ban Tôn giáo TP.HCM; Tiến sĩ Đồng Quang Mân, Viện Đào tạo PT Giáo dục và Hợp tác QT; Ông Hứa Vĩnh Phúc, Phó Chủ tịch Thường trực UBMTTQVN Q.1; Ông Nguyễn Ngọc Giao, Phó Chủ tịch Hội CTĐ Q.1 và bà Bùi Thị Bích Thủy, Chủ tịch Chi hội CTĐ P.Nguyễn Cư Trinh; Đại diện Đảng ủy, UBND, UBMTTQVN P.Nguyễn Cư Trinh; Về các tôn giáo khác có: Hòa thượng Thích Huệ Minh, Ủy viên Thường trực HĐTS, Phó ban Thường trực Ban Nghi lễ T.U GHPGVN; Linh mục Bảo Lộc, Tòa Tổng Giám mục TP.HCM; Đạo trưởng Tường Định, Tam Tông Miếu; Ông Diệp Định Hữu, Tổng Thư ký Cộng đồng Tôn giáo Baha'i VN; Ông Nguyễn Trí Dũng, Trưởng ban Đoàn kết Công giáo Q.1; Đại diện Ban Quản trị thánh đường Hồi giáo; Ban Đại diện PG Hòa Hảo TP.HCM; Ông Mouktaya, chùa Ấn

giáo (Tôn Thất Thiệp, Q.1)... cùng đồng đạo các báo, đài VTV, HTV, Đài TH Bình Dương và Đồng Nai, báo SGGP, tạp chí Văn hóa PG, báo Giác Ngộ... Về phía bốn đạo có sự hiện diện của chư vị đại diện Tòa thánh Tây Ninh tại TP.HCM; Tổ chức Liên giao các Hội thánh Cao Đài; các thánh thất - thánh tịnh cùng chư huynh, tỷ, muội trong NTTT.

Ban Tổ chức trân trọng đón nhận Điện chúc mừng và Lẵng hoa của ông Lương Hoài Nhân, Phó ban công tác T.U MTTQVN phía Nam và các lẵng hoa của: Ban Tôn giáo TP.HCM, Quận ủy - UBND - UBMTTQVN Q.1, Ban Thường trực Giáo hội Phật giáo VN, Tòa Tổng Giám mục TP.HCM, Cộng đồng TG Baha'i VN, Thánh đường Hồi giáo, chùa Ấn giáo, Ban Đại diện Đoàn kết Công giáo Q.1 và các lẵng quà của Ban Đại diện PG Hòa Hảo TP.HCM, Hội CTĐ Q.I, Đảng ủy - UBND - UBMTTQVN P. Nguyễn Cư Trinh... .

Mở đầu đại lễ là nghi thức khai lễ (kinh nhập hội), đại huynh Chí Đạt, Chánh hội trưởng NTTT dâng hương trước bàn thờ chư vị Tiên-bối Khai đạo, đồng thời các đồng nhi Nam Thành và Ngọc Minh Đài đọc kinh khai hội. Tiếp theo là phần "1 phút mặc niệm Đức Chí Tôn và Phật Mẫu, các đấng Thiêng liêng cùng chư vị Tiên-bối Khai đạo & 1 phút mặc niệm các bậc Khai quốc Công thần và Anh hùng Liệt sĩ vì Tổ quốc hy sinh".



Quang cảnh Đại lễ



Trao lẵng hoa Ban Thường Trực GHPGVN

Đại huynh Chí Đạt thay mặt BTC đọc diễn văn khai mạc: Ôn lại cội nguồn về Đại Đạo, luôn ghi nhớ công ơn to lớn của 28 vị chức sắc khai Đạo và sự phi thường vượt qua những khó khăn, trở ngại trên bước đường khai đạo và phát triển. Từ bước đầu tiên chỉ có 247 người, nay vượt lên hơn ba triệu tín đồ cùng với sự nhập thế giúp đời, nối vòng tay lớn nhân ái và từ thiện... Và hôm nay chúng con hân hoan cùng đón ngày đại lễ Đại Đạo năm thứ 91 - bắt đầu từ ngày Khai đạo 23 tháng 8 năm Bính Dần (29/9/1926) được xuất phát từ thánh thất Cầu Kho (nay là Nam Thành thánh thất)... Cầu xin Đức Chí Tôn và Phật Mẫu ban ơn lành và giúp cho mỗi đạo được lan tỏa, phát triển để phục vụ và cống hiến nhiều hơn nữa cho nhân quần xã hội.

Tiếp theo, phần báo cáo của Ban Cai quản Nam Thành thánh thất về hoạt động trong năm qua cùng phương hướng sắp tới và Ban Tạo tác báo cáo về kết quả xây dựng của NTTT. Từ những thành quả đạt được của Ban Cai quản NTTT và bốn đạo là xây dựng ngôi NTTT uy nghi cùng với những đóng góp tích cực cho cộng đồng như: Tham gia chương trình xóa đói giảm nghèo, chăm lo cho trẻ em khuyết tật, tặng quà cho đồng bào nghèo - trẻ em khó khăn, trao học bổng cho học sinh nghèo hiếu học. Đặc biệt phòng khám bệnh nhân đạo NTTT đã khám bệnh, phát thuốc miễn phí cho bà con nghèo tại địa phương và vùng sâu vùng xa; với tổng tiền là 442.257.000đ. Rất đáng trân trọng và mong được nhân rộng.

Buổi lễ kết thúc trong niềm hân hoan và ấm áp đạo tình. Mỗi huynh, tỷ, muội đều như được truyền thêm thánh lực trong việc phụng sự - dâng hiến theo 3 tiêu ngữ đã dạy của bậc Tiên-bối: "Liên giao hành đạo - Phổ thông giáo lý - Chấn tế xã hội"; đồng thời thực hiện theo đúng 3 phương châm của cuộc sống: "Dân trí - Dân đức - Dân sinh" thể hiện trong mỗi nếp nghĩ và hành động của những con áo trắng đạo Trời.



Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG

Vào lúc 17 giờ 10' ngày 26/9/2015, tại Trung tâm Ca nhạc Lan Anh đã diễn ra chương trình **"Mái ấm gia đình Việt - Đêm hội Trung thu 2015"** do Tập đoàn Hoa Sen tổ chức với sự phối hợp của Báo Công An TP.HCM và Đài Truyền hình TP.HCM.

Đến tham dự có quý vị khách quý, các đơn vị tài trợ cùng với sự tham gia đông đảo của 1.500 em nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt từ 15 mái ấm, nhà mở, Hội Người mù, trường giáo dưỡng tại TP HCM và các vùng lân cận.

Chương trình khai mở từ **13h00 - 16h30**, các em được ông Lê Phước Vũ, Chủ tịch HĐQT và các vị lãnh đạo Tập đoàn Hoa Sen trao tặng quà Trung thu và tham gia các hoạt động vui chơi tập thể ngoài trời do Ban Tổ chức: các trò chơi dân gian, trò chơi hoạt náo và vũ điệu ấn tượng... và các em được thoải mái trong sinh hoạt: ăn uống, giao lưu, gặp gỡ để chia sẻ những sở thích, ước mơ của mình với những bạn cùng cảnh ngộ. Đây là một sân chơi ấm áp tình thân ái, phát huy trí sáng tạo nhằm giúp các em mạnh dạn thể hiện khả năng của mình.

Từ **17h10 - 18h30** là chương trình nghệ thuật **"Mái ấm gia đình Việt - Đêm hội Trung thu 2015"** được truyền hình trực tiếp trên kênh HTV9 - Đài Truyền hình TP.HCM. Chương trình được dàn dựng công phu các hoạt động với chủ đề chính "Trăng quê hương - Trăng tình thương - Trăng thanh bình" bao gồm nhiều tiết mục, tiểu phẩm thú vị cùng với những bài hát đồng dao, những ca khúc thiếu nhi dí dỏm và rất ấn tượng khi các em khiếm thị của trường Nguyễn Đình Chiểu trình bày làm lắng đọng lòng người... Đặc biệt, chương trình năm nay hội tụ rất nhiều ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng như: Ca sĩ Hương Lan, Phương Thanh, Đoàn Trang, Kyo York, Nhật Thủy, Duyên Anh Idol, Phương Anh, Hồng Mơ, Khánh Loan, Ngô Khả Tú, Hoàng Ái My, Thiên Phú, Xuân Nghi, Trung Hiền, bé Ju Uyên Nhi, Nhạc sĩ - Ca sĩ Đỗ Thụy Khanh, Nghệ sĩ đàn tranh Hải Phượng, Nhóm múa rối thành phố, Nghệ sĩ Nhà hát Giao hưởng vũ kịch Thành phố, Đội văn nghệ Nhà Thiếu nhi quận 1, TP.HCM...

Kể đến, ông Trần Ngọc Chu, Tổng Giám đốc Tập đoàn Hoa Sen, phát biểu với nội dung rất trân trọng về sự đóng

góp của các đơn vị tham gia tài trợ, hỗ trợ cho chương trình và tình cảm yêu thương thấm thiết của lãnh đạo, CBCNV Tập đoàn Hoa Sen dành cho các em:

*"... Chương trình **"Mái ấm gia đình Việt - Đêm hội Trung thu"** là một trong chuỗi những hoạt động từ thiện đã được duy trì nhiều năm qua và trở nên gần gũi, thân quen với các em có hoàn cảnh khó khăn mỗi dịp Trung thu đến.*

Đêm hội Trung thu năm nay đã có sự lan tỏa hơn bao giờ hết. Chương trình đã mang niềm vui đến cho các em tại mái ấm, nhà mở trên địa bàn TP HCM và các vùng lân cận. Bên cạnh đó, các hoạt động đồng hành của chương trình đã được tổ chức trên phạm vi rộng, góp phần mang yêu thương đến các em nhỏ trên khắp cả nước, đặc biệt là tại các làng SOS, nhà mở, mái ấm thuộc các tỉnh Lâm Đồng, Hải Phòng, Nghệ An, Nam Định, Phú Thọ và TP.Hà Nội.

Các em nhỏ ngồi đây kém may mắn và thiệt thòi so với những trẻ em khác, nên chúng ta càng phải dành sự quan tâm đặc biệt đến với các em. Thông qua chương trình này, Ban Tổ chức mong muốn chung tay chăm lo đời sống cho



Ông Trần Ngọc Chu, Tổng Giám đốc Tập đoàn Hoa Sen phát biểu



Ông Vũ Văn Thanh, Phó TGD tặng hoa cảm ơn các đơn vị đồng hành cùng chương trình



Ông Lê Phước Vũ, Chủ tịch HĐQT và ông Trần Ngọc Chu, TGD Tập đoàn Hoa Sen trao tặng quà Trung thu cho các em.

các em, giúp các em có được một cái Tết Trung thu đầy ấm áp. Chúng tôi hy vọng các em sẽ phấn đấu học tập tốt, vững tin hơn trong cuộc sống để trở thành những công dân có ích cho xã hội..."

Đồng hành chương trình **"Mái ấm gia đình Việt – Đêm hội Trung thu 2015"** là chuỗi các hoạt động ý nghĩa tại nhiều địa điểm trên cả nước. Trước đêm Trung thu, Ban Tổ chức chương trình đã đến thăm và tổ chức văn nghệ, trao tặng 300 phần quà cho các em khiếm khuyết, dị tật tại các mái ấm, nhà mở ở huyện Củ Chi và quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh. Và mở rộng chương trình đồng hành đến các vùng sâu vùng xa, tổ chức đêm hội văn nghệ và trao tặng 310 phần quà cho trẻ em và các hộ gia đình nghèo tại thôn 14, xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Tại khu vực miền Bắc, Ban Tổ chức đã trao 500 phần quà Trung thu cho các em nhỏ có hoàn cảnh kém may mắn tại các làng SOS, nhà mở, mái ấm thuộc 5 tỉnh: Nghệ An, Nam Định, Phú Thọ, Hà Nội, Hải Phòng.

Chương trình đêm hội Trung thu năm nay có sự đồng hành của các đơn vị: Thành phố hướng nghiệp KizCiti,

Công ty CP sữa TH (TH True Milk), Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam, Công ty Suntory Pepsico Việt Nam, Công ty CP Việt Nam, Công ty TNHH Truyền thông Unicom, Công ty Truyền thông và Đầu tư Nam Hương, Công ty Truyền thông Sư tử trắng, Đông Tây Promotion, Công ty Truyền thông đa phương tiện Latsata, Công ty TNHH TM DV XNK Tân Minh Châu, Công ty TNHH TM DVQC Tân Phượng Hoàng, Công ty TNHH Thiết kế Minh Trí, Công ty CP giấy Hải Tiến, Tập đoàn Đại Trường Phát... và một số đơn vị, các nhà hảo tâm khác.

Tiếp nối những năm qua, năm nay Ban Tổ chức các hoạt động **"Mái ấm gia đình Việt – Đêm hội Trung Thu 2015"** đã trao tặng tổng cộng 4.200 phần quà và hơn 1.000 chiếc lồng đèn cho các em với mong muốn góp phần xoa dịu nỗi đau cho những mảnh đời kém may mắn, tiếp sức cho các em sống lạc quan và vươn lên trong cuộc sống. Toàn bộ những phần quà mang đầy ý nghĩa này được quyên góp từ phong trào "Nuôi heo đất" của CBCNV Tập đoàn Hoa Sen cùng sự chung tay góp sức của các nhà tài trợ, các mạnh thường quân.



Trò chơi hoạt náo & vũ điệu ấn tượng



Tiết mục văn nghệ



Ca khúc kết thúc chương trình

Thư ngỏ

CHÙA DU THỜI

Nam-mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bái bạch chư tôn Hòa thượng, Chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni,

Kính thưa quý vị ân nhân và mạnh thường quân cùng quý Phật tử trong và ngoài nước thân mến!

Chùa Du Thời tọa lạc tại ấp Phước Thới A, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, thuộc chốn vùng sâu vùng xa.

Vào năm 1830, gia đình ông Du cùng dân trong làng phát tâm cất nên ngôi chùa (trên nền chùa cũ) lấy hiệu là chùa Du Thời, để cho người dân các nơi đến để thỉnh pháp, tụng kinh, niệm Phật cho lòng an tịnh và vơi bớt niềm khổ đau. Ông Du qua đời ở tuổi 98. Và mãi đến năm 1947, ông bà Hai Rợ đến chùa Du Thời công quả vài năm, tiếp đến thầy Yết-ma Quảng Thiển đến trụ trì được một thời gian rồi cũng ra đi.

Lúc bấy giờ chùa Long Hưng thuộc huyện Long Hồ bị cháy, chư Ni và chúng không có chỗ ở, mới mượn chùa Du Thời ở nhờ, chờ chùa Long Hưng cất xong chư Ni mới trở về. Chùa Du Thời lại đành chịu cảnh trống vắng lẫn nữa. Lúc này có cụ Hồ Văn Nhị (cháu ngoại ông Du) cất nhà ở bên hông chùa, hàng ngày qua lại chùa dâng hương cho Phật, thời gian kéo dài đến khi đất nước được yên bình trở lại; ông Nhị gọi ông Trần Văn Vui (cháu cố nội ông Du) về ở để trông coi chùa; ngôi chùa được cất bằng gỗ, cột kê nay đã bị mối mọt ăn bên trong sắp lộ ra ngoài, nên ông Vui đứng ra vận động bà con và Phật tử trong làng hỗ trợ cho ông xây dựng lại ngôi chùa cấp 4 với vật tư nhẹ.

Chùa Du Thời thuộc dạng chùa cổ, mãi đến năm 2000, hội đủ túc duyên, được sự chấp thuận của Giáo hội PGVN tỉnh Vĩnh Long, Sư cô Thích nữ Như Hiền (thế danh Nguyễn Thị Lại, sinh năm 1969) được cử về trụ trì chùa Du Thời từ ngày đó cho đến hôm nay.

Trước cảnh chùa xưa đã bị dột nát, mỗi một cơn mưa là phải lấy bạt che tạm. Không còn an toàn cho Phật tử và bà con địa phương đến tụng kinh, bái sám. Nay chúng con xin viết **thư ngỏ** này nguyện cầu mười phương chư Phật, hồng ân Tam bảo đồng gia hộ cho chúng con được xây cất xong ngôi chùa Du Thời cấp 4, vừa đủ cho chư Ni có trú xứ tu học và là nơi nương tựa tâm linh và học tập Phật pháp của Phật tử và bà con nghèo chốn vùng sâu vùng xa.

Nay chúng con tự nguyện đứng ra thay mặt bốn tự thành tâm kêu gọi sự phát tâm ủng hộ của chư tôn thiện đức quan tâm hỗ trợ cho chúng con xây dựng lại ngôi chùa này; chúng con thành tâm tri ân quý ngài.

Đồng thời, chúng tôi cũng kêu gọi quý vị ân nhân, các mạnh thường quân cùng quý Phật tử trong và ngoài nước với lòng ưu ái phát tâm dũng mãnh, trợ duyên bằng tâm lực, tài lực, vật lực của quý vị để giúp cho chúng tôi sớm xây dựng ngôi chùa Du Thời được viên mãn. Chúng tôi kính nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho quý vị cùng thân bằng, quyến thuộc được thân tâm thường lạc, vạn sự cát tường như ý.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát, Ma-ha-tát.

Du Thời, ngày 9 tháng 9 năm 2015

Trụ trì THÍCH NỮ NHƯ HIỀN



○ Lễ đặt đá:

Ngày 21/9 Ất Mùi (2/11/2015)

○ Kính mong mọi sự giúp đỡ trợ duyên xin gửi về:

Thích Chơn Không Tâm Đạo
Chùa Du Thời, ấp Phước Thới, xã Bình Phước,
huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

○ Điện thoại:

0102 720 0889 – 098 512 0349

○ Địa chỉ:

Lê Kim Tiền, số tài khoản 7300205233218
Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Vĩnh Long.



Điều Khiển bởi: THIÊN PHÚ THẢO

43/2N, Nhà Vua, Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

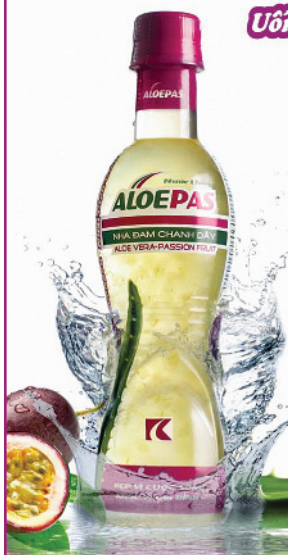
08.37 13 13 13 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thienphuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkthienphuthao@gmail.com



Nước Uống
ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn



○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam** **Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.



Sản phẩm của : **CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
Số : 284/11 Cò Bắc, Phường, Cò Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
SXT Nhà máy : **CN NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN**
Số 2 Lô A, Cù Xá PHÚ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG - KHỎE VÌ GIA ĐÌNH

pháp uyển

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHÊ

QUANG NGHÊ CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm

Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ

INTERLOG
YOUR LOGISTICS PARTNER

Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel: 08 22422951

Facebook: chan nguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



- Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
- Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



DIỆU TƯỚNG AM NAM KỶ
382B NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663



DIỆU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THẮNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363



DIỆU TƯỚNG LƯU LY QUANG (NGỌC LƯU LY)
382G NAM KỶ KHỞI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



越南工業界領先的品牌

MỸ NGHỆ TRÀM HƯƠNG

TRƯỜNG KHA

ĐC: 168 - 172 Nguyễn Chí Thanh P.3, Q.10, Tp.HCM.

34 Sư Vạn Hạnh P.9, Q.5, Tp.HCM.

Điện Thoại: (08)6299.7565 - (08)629.33.701 - (08)629.33.702

Hot line: 0908 664 789 - 0939 779.888

Email: luckykhanguyen@yahoo.com



www.truongkha.vn



專營：沉香、沉香粉、沉香精油、手鐲、沉香片、

銅器、工藝品、各地高級紀念品、佛像、風水畫、瓷器工藝品、銅底。



Ưu đãi 10 - 20% cho Quý Tăng, Ni và Phật Tử nhân dịp khai trương chi nhánh 172 Nguyễn Chí Thanh P.3, Q.10





C.TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
ZEN ART
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT

64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM
0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)
Email: mythuatzen@gmail.com - Website: www.zenart.com.vn
Facebook: [mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen)